



**KẾT QUẢ THI VÒNG KHU VỰC HỘI THI TIN HỌC TRẺ TOÀN QUỐC LẦN THỨ XXX, NĂM 2024**

(Kèm theo Thông báo số 111-TB/KHCN ngày 16/7/2024 của Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ)

-----

**BẢNG A: THI LẬP TRÌNH KHỎI TIỂU HỌC**

| Hạng             | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên            | Bài 1   | Bài 2   | Bài 3    | Bài 4   | Bài 5   | Tổng | Ghi chú |
|------------------|-------------|----------------|----------------------|---------|---------|----------|---------|---------|------|---------|
| KHU VỰC MIỀN BẮC |             |                |                      |         |         |          |         |         |      |         |
| 1                | KV24A_015   | Hà Nội         | Trương Mạnh Quân     | 100     | 100     | 100 (1)  | 100     | 100     | 500  |         |
| 2                | KV24A_037   | Thí sinh tự do | Doãn Tùng Lâm        | 100     | 100 (1) | 100 (11) | 100     | 100     | 500  |         |
| 3                | KV24A_017   | Hà Nội         | Nguyễn Quang Khải    | 100     | 100     | 80 (10)  | 100 (1) | 100     | 480  |         |
| 4                | KV24A_045   | Thí sinh tự do | Lê Thạc Vân          | 100     | 100 (1) | 60 (4)   | 100     | 100 (2) | 460  |         |
| 5                | KV24A_010   | Hà Nội         | Lê Kỳ Sâm            | 100     | 100 (1) | 45 (1)   | 100     | 100     | 445  |         |
| 6                | KV24A_053   | Thí sinh tự do | Tạ Gia Lộc           | 100     | 100 (1) | 75 (3)   | 100     | 30      | 405  |         |
| 7                | KV24A_013   | Hà Nội         | Nguyễn Đình Duy Minh | 100 (2) | 100     | 45 (7)   | 50      | 100 (1) | 395  |         |
| 8                | KV24A_003   | Bắc Giang      | Cao Minh Sơn         | 100     | 100     | 55 (3)   | 0       | 100     | 355  |         |
| 9                | KV24A_040   | Thí sinh tự do | Nguyễn Duy Anh       | 100     | 100     | 15       | 100     | 30      | 345  |         |
| 10               | KV24A_036   | Thí sinh tự do | Trương Mi Na         | 100     | 45 (2)  | 30       | 100 (1) | 50      | 325  |         |
| 11               | KV24A_054   | Thí sinh tự do | Trương Mi Chi        | 100     | 75 (1)  | 40 (1)   | 5       | 100 (3) | 320  |         |
| 12               | KV24A_041   | Thí sinh tự do | Vũ Hà Phan           | 100     | 100 (1) | 45 (2)   | 40      | 30 (2)  | 315  |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên           | Bài 1   | Bài 2   | Bài 3   | Bài 4  | Bài 5   | Tổng       | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|---------------------|---------|---------|---------|--------|---------|------------|---------|
| 13   | KV24A_009   | Hà Nội         | Nguyễn Viết An      | 100     | 100 (1) | 15 (3)  | 50     | 50      | <b>315</b> |         |
| 14   | KV24A_055   | Thí sinh tự do | Nguyễn Nhật Minh    | 100     | 100     | 100 (2) | 10     | 0 (7)   | <b>310</b> |         |
| 15   | KV24A_038   | Thí sinh tự do | Lê Đức Hoàng Khôi   | 100     | 15 (1)  | 60      | 100    | 30      | <b>305</b> |         |
| 16   | KV24A_044   | Thí sinh tự do | Đỗ Quốc Khánh       | 100     | 55 (1)  | 55      | 40     | 50 (5)  | <b>300</b> |         |
| 17   | KV24A_002   | Bắc Giang      | Phan Hải Phong      | 100     | 80      | 85      | 0      | 30 (3)  | <b>295</b> |         |
| 18   | KV24A_004   | Bắc Ninh       | Nguyễn Quang Hiếu   | 100     | 100 (2) | 50 (1)  | 0 (1)  | 30      | <b>280</b> |         |
| 19   | KV24A_046   | Thí sinh tự do | Mai Khánh Vinh      | 100     | 100 (4) | 30 (4)  | 0      | 30      | <b>260</b> |         |
| 20   | KV24A_042   | Thí sinh tự do | Cao Hoàng Dũng      | 100     | 100     | 55 (1)  | 0      | 0 (1)   | <b>255</b> |         |
| 21   | KV24A_062   | Thí sinh tự do | Đỗ Nhật Minh        | 100     | 55 (1)  | 100 (1) | 0      | 0       | <b>255</b> |         |
| 22   | KV24A_014   | Hà Nội         | Đỗ Đức Phúc         | 100     | 100     | 40 (2)  | 10     | 0 (12)  | <b>250</b> |         |
| 23   | KV24A_093   | Thí sinh tự do | Lê Quốc Bảo         | 100     | 100 (2) | 40 (3)  | 10 (1) | 0 (8)   | <b>250</b> |         |
| 24   | KV24A_057   | Thí sinh tự do | Nguyễn Lê An Nhiên  | 100     | 100     | 15      | 0      | 30 (1)  | <b>245</b> |         |
| 25   | KV24A_085   | Thí sinh tự do | Vũ Đức Huy          | 100     | 100 (3) | 15      | 0      | 30 (4)  | <b>245</b> |         |
| 26   | KV24A_080   | Thí sinh tự do | Lê Duy              | 100 (4) | 100 (2) | 30 (15) | 10     | 0 (5)   | <b>240</b> |         |
| 27   | KV24A_022   | Hải Dương      | Cao Thị Phương Thảo | 100     | 80      | 25 (3)  | 0      | 30      | <b>235</b> |         |
| 28   | KV24A_052   | Thí sinh tự do | Trần Lê Thái Hoàng  | 100     | 75 (3)  | 10      | 50     | 0 (3)   | <b>235</b> |         |
| 29   | KV24A_058   | Thí sinh tự do | Nguyễn Minh Quân    | 100 (2) | 80 (6)  | 15      | 10 (2) | 30 (10) | <b>235</b> |         |
| 30   | KV24A_070   | Thí sinh tự do | Phan Quang Anh      | 100     | 80 (4)  | 40 (12) | 10     | 0 (1)   | <b>230</b> |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên           | Bài 1   | Bài 2    | Bài 3  | Bài 4  | Bài 5  | Tổng       | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|---------------------|---------|----------|--------|--------|--------|------------|---------|
| 31   | KV24A_060   | Thí sinh tự do | Trần Đức Hùng       | 100     | 100      | 15     | 10 (1) | 0 (13) | <b>225</b> |         |
| 32   | KV24A_026   | Hải Phòng      | Nguyễn Phúc Khang   | 100     | 70       | 15     | 10     | 30 (4) | <b>225</b> |         |
| 33   | KV24A_043   | Thí sinh tự do | Lê Đức Minh         | 100     | 100 (4)  | 15     | 10     | 0 (4)  | <b>225</b> |         |
| 34   | KV24A_039   | Thí sinh tự do | Vũ Tuấn Hưng        | 100     | 100 (1)  | 15     | 10 (1) | 0      | <b>225</b> |         |
| 35   | KV24A_006   | Bắc Ninh       | Nguyễn Xuân Hưng    | 100     | 100 (6)  | 15     | 0 (1)  | 10 (1) | <b>225</b> |         |
| 36   | KV24A_113   | Thí sinh tự do | Nguyễn Anh Quân     | 100 (8) | 100 (11) | 15     | 10     | 0 (4)  | <b>225</b> |         |
| 37   | KV24A_001   | Bắc Giang      | Nguyễn Minh Khang   | 100     | 100 (4)  | 15 (1) | 10     | 0 (3)  | <b>225</b> |         |
| 38   | KV24A_083   | Thí sinh tự do | Đặng Tuấn Khôi      | 100     | 70 (6)   | 10     | 10     | 30 (1) | <b>220</b> |         |
| 39   | KV24A_069   | Thí sinh tự do | Vũ Văn Phú          | 100     | 100 (1)  | 15     | 0 (1)  | 0 (2)  | <b>215</b> |         |
| 40   | KV24A_081   | Thí sinh tự do | Dương Hồ Minh Trí   | 100     | 100      | 15     | 0      | 0 (2)  | <b>215</b> |         |
| 41   | KV24A_028   | Hung Yên       | Bùi Quốc Thái       | 100     | 100 (1)  | 15     | 0 (2)  | 0      | <b>215</b> |         |
| 42   | KV24A_025   | Hải Phòng      | Đoàn Nguyên Đức     | 100     | 100 (2)  | 15     | 0      | 0      | <b>215</b> |         |
| 43   | KV24A_097   | Thí sinh tự do | Lê Anh Khôi         | 100     | 100 (4)  | 15     | 0 (1)  | 0      | <b>215</b> |         |
| 44   | KV24A_056   | Thí sinh tự do | Mai Phước Thái      | 100     | 100 (3)  | 15     | 0      | 0 (1)  | <b>215</b> |         |
| 45   | KV24A_084   | Thí sinh tự do | Mai Nhật Tùng       | 100     | 100      | 15 (1) | 0      | 0      | <b>215</b> |         |
| 46   | KV24A_086   | Thí sinh tự do | Nguyễn Trường Giang | 100 (1) | 100 (3)  | 15     | 0 (1)  | 0      | <b>215</b> |         |
| 47   | KV24A_030   | Ninh Bình      | Trần Lưu Đại Dương  | 100 (2) | 100 (1)  | 15 (3) | 0      | 0 (3)  | <b>215</b> |         |
| 48   | KV24A_090   | Thí sinh tự do | Dư Hoàng Minh       | 100     | 100 (3)  | 15 (7) | 0 (1)  | 0 (2)  | <b>215</b> |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên              | Bài 1   | Bài 2   | Bài 3  | Bài 4 | Bài 5  | Tổng       | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|------------------------|---------|---------|--------|-------|--------|------------|---------|
| 49   | KV24A_105   | Thí sinh tự do | Bùi Khánh Phương       | 100     | 70 (1)  | 40 (6) | 0     | 0 (1)  | <b>210</b> |         |
| 50   | KV24A_091   | Thí sinh tự do | Đinh Yến Chi           | 100 (1) | 80 (1)  | 15     | 10    | 0 (8)  | <b>205</b> |         |
| 51   | KV24A_032   | Thái Bình      | Nguyễn Nhật Huy        | 100 (3) | 80 (2)  | 15 (1) | 10    | 0 (4)  | <b>205</b> |         |
| 52   | KV24A_112   | Thí sinh tự do | Lê Đức Anh             | 100     | 80 (7)  | 15     | 10    | 0 (2)  | <b>205</b> |         |
| 53   | KV24A_011   | Hà Nội         | Nguyễn Thái Sơn        | 100     | 100     | 0 (7)  | 0 (2) | 0 (2)  | <b>200</b> |         |
| 54   | KV24A_101   | Thí sinh tự do | Nguyễn Trần Minh Đăng  | 100     | 100     | 0 (3)  | 0 (4) | 0      | <b>200</b> |         |
| 55   | KV24A_012   | Hà Nội         | Kiều Phúc Minh         | 100     | 100 (2) | 0 (1)  | 0     | 0 (3)  | <b>200</b> |         |
| 56   | KV24A_064   | Thí sinh tự do | Trần Văn Khánh Duy     | 100     | 85 (1)  | 15 (2) | 0     | 0 (2)  | <b>200</b> |         |
| 57   | KV24A_019   | Hải Dương      | Trịnh Hải Dương        | 100     | 80 (3)  | 20 (6) | 0     | 0      | <b>200</b> |         |
| 58   | KV24A_079   | Thí sinh tự do | Vũ Minh Quang          | 100     | 70      | 15 (1) | 10    | 5 (1)  | <b>200</b> |         |
| 59   | KV24A_059   | Thí sinh tự do | Nguyễn Hoàng Lâm       | 100     | 80 (3)  | 15 (5) | 5 (4) | 0 (19) | <b>200</b> |         |
| 60   | KV24A_051   | Thí sinh tự do | Phạm Đại Quang         | 100     | 80      | 15     | 0     | 0      | <b>195</b> |         |
| 61   | KV24A_082   | Thí sinh tự do | Nguyễn Khắc Hoàng Minh | 100     | 80 (3)  | 15     | 0 (1) | 0 (1)  | <b>195</b> |         |
| 62   | KV24A_020   | Hải Dương      | Nguyễn Tùng Dương      | 100     | 70      | 25 (2) | 0     | 0      | <b>195</b> |         |
| 63   | KV24A_111   | Thí sinh tự do | Mạc Quang Minh         | 100     | 80      | 15     | 0     | 0 (2)  | <b>195</b> |         |
| 64   | KV24A_066   | Thí sinh tự do | Vũ Đức Danh            | 100     | 80 (2)  | 15 (3) | 0     | 0 (2)  | <b>195</b> |         |
| 65   | KV24A_031   | Ninh Bình      | Nguyễn Sơn Tùng        | 100 (1) | 80 (1)  | 10     | 0     | 0      | <b>190</b> |         |
| 66   | KV24A_107   | Thí sinh tự do | Nguyễn Minh Tú         | 100     | 75      | 15     | 0     | 0      | <b>190</b> |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên           | Bài 1 | Bài 2  | Bài 3  | Bài 4  | Bài 5  | Tổng       | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|---------------------|-------|--------|--------|--------|--------|------------|---------|
| 67   | KV24A_005   | Bắc Ninh       | Phạm Hữu Quang Minh | 100   | 45 (3) | 15     | 0      | 30     | <b>190</b> |         |
| 68   | KV24A_073   | Thí sinh tự do | Vũ Ngọc Phan        | 100   | 55 (4) | 15     | 0      | 20     | <b>190</b> |         |
| 69   | KV24A_048   | Thí sinh tự do | Phạm Ngọc Minh      | 100   | 70     | 15     | 0 (2)  | 0 (4)  | <b>185</b> |         |
| 70   | KV24A_078   | Thí sinh tự do | Đỗ Duy Anh          | 100   | 80     | 5      | 0 (4)  | 0 (1)  | <b>185</b> |         |
| 71   | KV24A_016   | Hà Nội         | Nguyễn Nhật Minh    | 100   | 70     | 15     | 0 (3)  | 0 (2)  | <b>185</b> |         |
| 72   | KV24A_029   | Ninh Bình      | Nguyễn Bảo Nam      | 100   | 70 (3) | 15 (1) | 0 (2)  | 0 (2)  | <b>185</b> |         |
| 73   | KV24A_100   | Thí sinh tự do | Phạm Hải Long       | 100   | 70 (1) | 15     | 0      | 0      | <b>185</b> |         |
| 74   | KV24A_027   | Hải Phòng      | Nguyễn Đức Kiên     | 100   | 70     | 10 (1) | 0 (1)  | 0 (3)  | <b>180</b> |         |
| 75   | KV24A_106   | Thí sinh tự do | Nguyễn Minh Quân    | 100   | 80     | 0 (2)  | 0      | 0      | <b>180</b> |         |
| 76   | KV24A_018   | Hải Dương      | Trịnh Đình Phúc     | 100   | 80 (1) | 0      | 0      | 0 (6)  | <b>180</b> |         |
| 77   | KV24A_075   | Thí sinh tự do | Thang Vĩnh Phúc     | 100   | 80 (4) | 0 (1)  | 0      | 0 (3)  | <b>180</b> |         |
| 78   | KV24A_102   | Thí sinh tự do | Nguyễn Minh Phú     | 100   | 80 (2) | 0 (3)  | 0 (5)  | 0      | <b>180</b> |         |
| 79   | KV24A_067   | Thí sinh tự do | Đình Phúc Minh      | 100   | 70 (4) | 10 (5) | 0 (3)  | 0 (2)  | <b>180</b> |         |
| 80   | KV24A_063   | Thí sinh tự do | Thắm Anh Quân       | 100   | 45 (1) | 15     | 0 (4)  | 15     | <b>175</b> |         |
| 81   | KV24A_023   | Hải Phòng      | Lâm Bảo Anh         | 100   | 50     | 15 (2) | 10 (3) | 0 (8)  | <b>175</b> |         |
| 82   | KV24A_076   | Thí sinh tự do | Khuất Thành Nam     | 100   | 45     | 15 (8) | 10     | 0 (6)  | <b>170</b> |         |
| 83   | KV24A_108   | Thí sinh tự do | Hoàng Nguyên Giáp   | 100   | 65 (1) | 0      | 0      | 0 (5)  | <b>165</b> |         |
| 84   | KV24A_098   | Thí sinh tự do | Nguyễn Minh Châu    | 100   | 10 (2) | 5      | 0      | 30 (1) | <b>145</b> |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên           | Bài 1   | Bài 2  | Bài 3  | Bài 4 | Bài 5  | Tổng       | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|---------------------|---------|--------|--------|-------|--------|------------|---------|
| 85   | KV24A_008   | Hà Nội         | Bùi Anh Vũ          | 100     | 5      | 40 (1) | 0     | 0      | <b>145</b> |         |
| 86   | KV24A_034   | Thái Bình      | Nguyễn Tất Phong    | 100     | 20 (2) | 20 (4) | 0     | 0      | <b>140</b> |         |
| 87   | KV24A_089   | Thí sinh tự do | Nguyễn Trung Phong  | 100     | 5      | 30     | 0     | 0      | <b>135</b> |         |
| 88   | KV24A_074   | Thí sinh tự do | Vũ Tường Vinh       | 100     | 0 (3)  | 25     | 10    | 0      | <b>135</b> |         |
| 89   | KV24A_065   | Thí sinh tự do | Đỗ Thái Phong       | 100     | 15     | 15 (1) | 5 (1) | 0 (30) | <b>135</b> |         |
| 90   | KV24A_068   | Thí sinh tự do | Nguyễn Hà Tuấn Kiệt | 100     | 10 (1) | 15 (1) | 5     | 0 (3)  | <b>130</b> |         |
| 91   | KV24A_094   | Thí sinh tự do | Ngô Văn Phong       | 100     | 5      | 15 (1) | 10    | 0 (3)  | <b>130</b> |         |
| 92   | KV24A_061   | Thí sinh tự do | Đỗ Đức Kiệt         | 100 (2) | 5      | 15 (6) | 5 (1) | 0 (4)  | <b>125</b> |         |
| 93   | KV24A_092   | Thí sinh tự do | Nguyễn Huy Hoàng    | 100     | 5 (1)  | 20 (4) | 0 (1) | 0 (1)  | <b>125</b> |         |
| 94   | KV24A_021   | Hải Dương      | Nguyễn Kỳ Anh       | 100     | 10     | 0 (5)  | 0     | 10 (1) | <b>120</b> |         |
| 95   | KV24A_096   | Thí sinh tự do | Nguyễn Gia Hưng     | 100 (1) | 5      | 10     | 0     | 0      | <b>115</b> |         |
| 96   | KV24A_103   | Thí sinh tự do | Vũ Ngọc Thành Công  | 100     | 0      | 10     | 5     | 0      | <b>115</b> |         |
| 97   | KV24A_088   | Thí sinh tự do | Phạm Bảo Phong      | 100     | 0 (1)  | 10     | 0     | 0 (1)  | <b>110</b> |         |
| 98   | KV24A_087   | Thí sinh tự do | Đặng Hiền Anh       | 100     | 5 (1)  | 5 (4)  | 0 (2) | 0 (1)  | <b>110</b> |         |
| 99   | KV24A_007   | Hà Nam         | Trần Minh Khang     | 100     | 5      | 0 (5)  | 0     | 0 (1)  | <b>105</b> |         |
| 100  | KV24A_099   | Thí sinh tự do | Nguyễn Ngọc Duy     | 100     | 0 (1)  | 0 (1)  | 5     | 0 (1)  | <b>105</b> |         |
| 101  | KV24A_047   | Thí sinh tự do | Phạm Đình Duy Anh   | 100     | 5      | 0      | 0     | 0 (3)  | <b>105</b> |         |
| 102  | KV24A_095   | Thí sinh tự do | Trần Quốc Khang     | 100 (2) | 5 (3)  | 0 (3)  | 0 (1) | 0 (1)  | <b>105</b> |         |

| Hạng                      | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên               | Bài 1 | Bài 2   | Bài 3   | Bài 4   | Bài 5   | Tổng       | Ghi chú  |
|---------------------------|-------------|----------------|-------------------------|-------|---------|---------|---------|---------|------------|----------|
| 103                       | KV24A_077   | Thí sinh tự do | Bùi An Huy              | 100   | 0       | 0 (5)   | 0 (1)   | 0       | <b>100</b> |          |
| 104                       | KV24A_109   | Thí sinh tự do | Đào Nguyễn Thảo Nguyên  | 100   | 0       | 0 (1)   | 0       | 0 (1)   | <b>100</b> |          |
| 105                       | KV24A_104   | Thí sinh tự do | Nguyễn Minh Nhật        | 100   | 0       | 0 (4)   | 0       | 0       | <b>100</b> |          |
| 106                       | KV24A_033   | Thái Bình      | Trần Minh Đức           | 100   | 0 (1)   | 0 (7)   | 0       | 0       | <b>100</b> |          |
| 107                       | KV24A_035   | Yên Bái        | Đặng Đông An            | 0 (2) | 0 (2)   | 15 (1)  | 0 (1)   | 0 (1)   | <b>15</b>  |          |
| 108                       | KV24A_072   | Thí sinh tự do | Phan Tuấn Minh          | 5 (1) | 0       | 0       | 0       | 0       | <b>5</b>   |          |
| 109                       | KV24A_024   | Hải Phòng      | Trần Ngọc Duy           | 0     | 0       | 0       | 0       | 0       | <b>0</b>   |          |
|                           | KV24A_071   | Thí sinh tự do | Phùng Xuân Lâm          |       |         |         |         |         |            | Vắng thi |
|                           | KV24A_049   | Thí sinh tự do | Nguyễn Nam Nhật         |       |         |         |         |         |            | Vắng thi |
|                           | KV24A_110   | Thí sinh tự do | Đỗ Hoàng Minh Quân      |       |         |         |         |         |            | Vắng thi |
|                           | KV24A_050   | Thí sinh tự do | Đường Lâm Tùng          |       |         |         |         |         |            | Vắng thi |
| <b>KHU VỰC MIỀN TRUNG</b> |             |                |                         |       |         |         |         |         |            |          |
| 1                         | KV24A_117   | Đà Nẵng        | Nguyễn Viết Gia Khánh   | 100   | 100 (1) | 100 (2) | 100 (1) | 100     | <b>500</b> |          |
| 2                         | KV24A_115   | Đà Nẵng        | Lê Anh Hào              | 100   | 100 (1) | 60 (2)  | 100     | 100 (2) | <b>460</b> |          |
| 3                         | KV24A_151   | Thí sinh tự do | Trần Nguyễn Thiên Hương | 100   | 100     | 40 (3)  | 100     | 100 (1) | <b>440</b> |          |
| 4                         | KV24A_118   | Đà Nẵng        | Mai Thanh Sơn           | 100   | 100 (2) | 45 (8)  | 50      | 100 (1) | <b>395</b> |          |
| 5                         | KV24A_122   | Đà Nẵng        | Nguyễn Hữu Hồng Quân    | 100   | 100     | 30 (6)  | 100     | 50 (1)  | <b>380</b> |          |
| 6                         | KV24A_114   | Đà Nẵng        | Hoàng Gia Minh          | 100   | 100 (2) | 30 (2)  | 100 (1) | 50 (1)  | <b>380</b> |          |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên              | Bài 1   | Bài 2   | Bài 3   | Bài 4  | Bài 5   | Tổng       | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|------------------------|---------|---------|---------|--------|---------|------------|---------|
| 7    | KV24A_123   | Đà Nẵng        | Lê Phước Minh Hùng     | 100     | 100     | 45 (2)  | 100    | 30      | <b>375</b> |         |
| 8    | KV24A_137   | Nghệ An        | Nguyễn Hoài Anh        | 100     | 100     | 45 (4)  | 90     | 30      | <b>365</b> |         |
| 9    | KV24A_144   | Quảng Nam      | Nguyễn Cao Anh Minh    | 100     | 100 (1) | 45      | 10     | 100 (1) | <b>355</b> |         |
| 10   | KV24A_116   | Đà Nẵng        | Trần Bảo Nam           | 100     | 80      | 15      | 100    | 50 (1)  | <b>345</b> |         |
| 11   | KV24A_150   | Thí sinh tự do | Nguyễn Hữu Anh Kiệt    | 100     | 80      | 75      | 50 (3) | 30 (1)  | <b>335</b> |         |
| 12   | KV24A_121   | Đà Nẵng        | Lê Minh Uy             | 100     | 100 (1) | 35      | 50     | 50 (2)  | <b>335</b> |         |
| 13   | KV24A_127   | Khánh Hòa      | Nguyễn Minh Trung      | 100     | 100 (1) | 0 (1)   | 100    | 30 (5)  | <b>330</b> |         |
| 14   | KV24A_168   | Thí sinh tự do | Phan Ngọc Bảo Nhật     | 100     | 100 (3) | 15      | 0 (1)  | 100     | <b>315</b> |         |
| 15   | KV24A_154   | Thí sinh tự do | Trần Nhật An           | 100     | 100     | 50 (1)  | 0 (1)  | 50      | <b>300</b> |         |
| 16   | KV24A_217   | Thí sinh tự do | Bùi Mai Duy            | 100     | 100     | 100 (6) | 0      | 0 (1)   | <b>300</b> |         |
| 17   | KV24A_169   | Thí sinh tự do | Ngô Phương Lan         | 100     | 70      | 30      | 0      | 100 (3) | <b>300</b> |         |
| 18   | KV24A_153   | Thí sinh tự do | Nguyễn Danh Hà         | 100     | 100 (1) | 45      | 10 (1) | 30      | <b>285</b> |         |
| 19   | KV24A_211   | Thí sinh tự do | Nguyễn Bùi Nguyên Quân | 100     | 70 (8)  | 100 (4) | 15 (4) | 0       | <b>285</b> |         |
| 20   | KV24A_131   | Lâm Đồng       | Bùi Thái Dương         | 100 (2) | 100 (1) | 30 (8)  | 0      | 50 (5)  | <b>280</b> |         |
| 21   | KV24A_184   | Thí sinh tự do | Nguyễn Thành Nhân      | 100     | 100 (5) | 15      | 0      | 50      | <b>265</b> |         |
| 22   | KV24A_198   | Thí sinh tự do | Trần Gia Khang         | 100     | 100     | 15      | 15 (1) | 30 (3)  | <b>260</b> |         |
| 23   | KV24A_158   | Thí sinh tự do | Nguyễn Hoàng Bảo Long  | 100     | 70      | 45 (2)  | 10     | 30 (3)  | <b>255</b> |         |
| 24   | KV24A_197   | Thí sinh tự do | Nguyễn Đình Phú        | 100     | 45 (1)  | 25 (3)  | 50     | 30 (7)  | <b>250</b> |         |



| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên             | Bài 1   | Bài 2   | Bài 3  | Bài 4  | Bài 5  | Tổng       | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|-----------------------|---------|---------|--------|--------|--------|------------|---------|
| 25   | KV24A_134   | Lâm Đồng       | Đinh Cao Sang         | 100     | 100 (1) | 15 (1) | 0      | 30     | <b>245</b> |         |
| 26   | KV24A_166   | Thí sinh tự do | Nguyễn Quang Khánh Vũ | 100     | 100 (5) | 0      | 10     | 30 (7) | <b>240</b> |         |
| 27   | KV24A_181   | Thí sinh tự do | Phan Minh Nhật        | 100 (1) | 80 (1)  | 15 (3) | 10     | 30 (4) | <b>235</b> |         |
| 28   | KV24A_133   | Lâm Đồng       | Nguyễn Dương Diệu Anh | 100     | 100     | 30 (1) | 0      | 0 (1)  | <b>230</b> |         |
| 29   | KV24A_215   | Thí sinh tự do | Trương Đức Phát       | 100     | 100 (3) | 15 (1) | 10     | 5 (2)  | <b>230</b> |         |
| 30   | KV24A_189   | Thí sinh tự do | Trương Bảo Nam        | 100     | 100 (3) | 15 (8) | 0      | 15     | <b>230</b> |         |
| 31   | KV24A_218   | Thí sinh tự do | Đào Hoàng Hùng        | 100     | 100 (2) | 15 (1) | 10     | 0 (9)  | <b>225</b> |         |
| 32   | KV24A_192   | Thí sinh tự do | Tôn Thất Bảo Duy      | 100     | 70      | 15     | 10     | 30 (3) | <b>225</b> |         |
| 33   | KV24A_201   | Thí sinh tự do | Lê Anh Khôi           | 100     | 100 (6) | 15 (2) | 10 (1) | 0 (1)  | <b>225</b> |         |
| 34   | KV24A_186   | Thí sinh tự do | Đinh Viết Gia Bảo     | 100     | 80      | 30 (1) | 10     | 0 (1)  | <b>220</b> |         |
| 35   | KV24A_130   | Lâm Đồng       | Đinh Công Thành       | 100     | 100     | 5      | 15     | 0 (4)  | <b>220</b> |         |
| 36   | KV24A_129   | Kon Tum        | Nguyễn Hữu Thành      | 100     | 100     | 20 (8) | 0      | 0 (3)  | <b>220</b> |         |
| 37   | KV24A_224   | Thí sinh tự do | Lê Bảo Nam            | 100     | 100     | 15     | 5      | 0      | <b>220</b> |         |
| 38   | KV24A_146   | Thanh Hóa      | Nguyễn Đức Trung      | 100     | 100     | 15 (3) | 0      | 0 (4)  | <b>215</b> |         |
| 39   | KV24A_167   | Thí sinh tự do | Dương Thiệu Khang     | 100     | 70      | 15     | 0      | 30 (1) | <b>215</b> |         |
| 40   | KV24A_139   | Phú Yên        | Trương Quang Huy      | 100     | 75 (2)  | 30 (1) | 10     | 0 (2)  | <b>215</b> |         |
| 41   | KV24A_136   | Nghệ An        | Nguyễn Văn Minh Khang | 100     | 100     | 15     | 0      | 0      | <b>215</b> |         |
| 42   | KV24A_222   | Thí sinh tự do | Nguyễn Trung Kiên     | 100     | 80      | 30 (7) | 0      | 0 (4)  | <b>210</b> |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên              | Bài 1   | Bài 2   | Bài 3  | Bài 4  | Bài 5  | Tổng       | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|------------------------|---------|---------|--------|--------|--------|------------|---------|
| 43   | KV24A_202   | Thí sinh tự do | Nguyễn Hữu Khải        | 100     | 55      | 15     | 10     | 30 (3) | <b>210</b> |         |
| 44   | KV24A_171   | Thí sinh tự do | Nguyễn Trọng Trí       | 100     | 80 (5)  | 30 (5) | 0 (2)  | 0 (3)  | <b>210</b> |         |
| 45   | KV24A_145   | Quảng Trị      | Nguyễn Phúc Lâm        | 100     | 100     | 0      | 10     | 0      | <b>210</b> |         |
| 46   | KV24A_220   | Thí sinh tự do | Lê Thiện Nhân          | 100     | 80      | 15     | 10     | 0 (2)  | <b>205</b> |         |
| 47   | KV24A_152   | Thí sinh tự do | Phạm Trịnh Minh Nhật   | 100     | 80      | 15 (1) | 10     | 0 (2)  | <b>205</b> |         |
| 48   | KV24A_188   | Thí sinh tự do | Nguyễn Thị Quỳnh Lam   | 100     | 80 (2)  | 15 (5) | 10     | 0 (4)  | <b>205</b> |         |
| 49   | KV24A_132   | Lâm Đồng       | Đào Xuân Tiến          | 100     | 80 (1)  | 15 (2) | 10 (1) | 0 (1)  | <b>205</b> |         |
| 50   | KV24A_199   | Thí sinh tự do | Nguyễn Ngọc Minh Khang | 100 (1) | 80 (16) | 15     | 10 (1) | 0 (3)  | <b>205</b> |         |
| 51   | KV24A_143   | Quảng Nam      | Đoàn Ngọc Gia Hưng     | 100     | 80 (4)  | 15     | 10     | 0 (2)  | <b>205</b> |         |
| 52   | KV24A_214   | Thí sinh tự do | Ngô Trần Gia Bảo       | 100 (1) | 70 (2)  | 30     | 0 (2)  | 0 (1)  | <b>200</b> |         |
| 53   | KV24A_219   | Thí sinh tự do | Vũ Hoàng Nam           | 100     | 100     | 0      | 0      | 0      | <b>200</b> |         |
| 54   | KV24A_204   | Thí sinh tự do | Đinh Cao Mạnh Tường    | 100 (2) | 80      | 15     | 0      | 0 (2)  | <b>195</b> |         |
| 55   | KV24A_175   | Thí sinh tự do | Phan Nguyễn Minh Khang | 100     | 70 (1)  | 15 (2) | 10     | 0 (5)  | <b>195</b> |         |
| 56   | KV24A_194   | Thí sinh tự do | Võ Thanh Phúc          | 100     | 70 (1)  | 15 (2) | 10     | 0 (5)  | <b>195</b> |         |
| 57   | KV24A_174   | Thí sinh tự do | Nguyễn Tuấn Kiệt       | 100     | 70      | 15 (3) | 10     | 0 (2)  | <b>195</b> |         |
| 58   | KV24A_183   | Thí sinh tự do | Phạm Gia Khang         | 100     | 45      | 40 (1) | 10     | 0 (1)  | <b>195</b> |         |
| 59   | KV24A_205   | Thí sinh tự do | Lưu Đăng Lưu           | 100     | 70 (9)  | 15 (1) | 10     | 0 (3)  | <b>195</b> |         |
| 60   | KV24A_206   | Thí sinh tự do | Nguyễn Hữu Phúc Khang  | 100 (1) | 70 (13) | 15     | 10     | 0 (6)  | <b>195</b> |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên               | Bài 1   | Bài 2  | Bài 3  | Bài 4  | Bài 5  | Tổng       | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|-------------------------|---------|--------|--------|--------|--------|------------|---------|
| 61   | KV24A_178   | Thí sinh tự do | Nguyễn Đào Đăng Khôi    | 100     | 70     | 15 (4) | 10     | 0 (1)  | <b>195</b> |         |
| 62   | KV24A_180   | Thí sinh tự do | Lê Thị Diệu Linh        | 100     | 80     | 15     | 0      | 0      | <b>195</b> |         |
| 63   | KV24A_210   | Thí sinh tự do | Nguyễn Lê Song Vũ       | 100     | 75 (1) | 15     | 0      | 0      | <b>190</b> |         |
| 64   | KV24A_209   | Thí sinh tự do | Bùi Đức Duy             | 100     | 75 (3) | 15 (1) | 0      | 0 (1)  | <b>190</b> |         |
| 65   | KV24A_200   | Thí sinh tự do | Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc   | 100 (1) | 75 (2) | 15 (2) | 0 (1)  | 0 (1)  | <b>190</b> |         |
| 66   | KV24A_221   | Thí sinh tự do | Đinh Đức Anh            | 100 (1) | 70     | 15     | 0 (1)  | 0      | <b>185</b> |         |
| 67   | KV24A_124   | Gia Lai        | Nguyễn Đỗ Thanh Tú      | 100     | 70     | 15 (2) | 0 (1)  | 0      | <b>185</b> |         |
| 68   | KV24A_156   | Thí sinh tự do | Nguyễn Đức Gia Khiêm    | 100     | 25 (1) | 30     | 0      | 30     | <b>185</b> |         |
| 69   | KV24A_142   | Quảng Bình     | Nguyễn Trần Bảo Nam     | 100     | 50 (3) | 25     | 10 (2) | 0 (9)  | <b>185</b> |         |
| 70   | KV24A_164   | Thí sinh tự do | Lưu Trần Nhật Giang     | 100     | 0      | 15     | 40     | 30     | <b>185</b> |         |
| 71   | KV24A_207   | Thí sinh tự do | Nguyễn Võ Phương Uyên   | 100     | 80 (1) | 0 (2)  | 0      | 0      | <b>180</b> |         |
| 72   | KV24A_170   | Thí sinh tự do | Nguyễn Quốc Bảo         | 100     | 5      | 30 (1) | 10     | 30     | <b>175</b> |         |
| 73   | KV24A_147   | Thanh Hóa      | Nguyễn Đức Kiên         | 100     | 50     | 15     | 0      | 10     | <b>175</b> |         |
| 74   | KV24A_163   | Thí sinh tự do | Trần Công Trí           | 100     | 45 (2) | 15 (5) | 10     | 0 (3)  | <b>170</b> |         |
| 75   | KV24A_185   | Thí sinh tự do | Phan Trung Kiên         | 100     | 70     | 0      | 0      | 0      | <b>170</b> |         |
| 76   | KV24A_161   | Thí sinh tự do | Nguyễn Huỳnh Chấn Phong | 100 (1) | 30 (6) | 15 (2) | 10     | 0 (17) | <b>155</b> |         |
| 77   | KV24A_226   | Thí sinh tự do | Nguyễn Bảo Khôi Nguyên  | 100 (7) | 35 (3) | 15 (3) |        |        | <b>150</b> |         |
| 78   | KV24A_120   | Đà Nẵng        | Lê Huy Khải             | 100     | 10 (1) | 35 (1) | 5      | 0 (3)  | <b>150</b> |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên            | Bài 1   | Bài 2  | Bài 3  | Bài 4 | Bài 5 | Tổng       | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|----------------------|---------|--------|--------|-------|-------|------------|---------|
| 79   | KV24A_135   | Nghệ An        | Đinh Tiến Phước Lâm  | 100     | 30 (1) | 15 (1) | 0 (2) | 0     | <b>145</b> |         |
| 80   | KV24A_223   | Thí sinh tự do | Võ Phước Gia Khang   | 100     | 20     | 15     | 10    | 0 (4) | <b>145</b> |         |
| 81   | KV24A_176   | Thí sinh tự do | Phan Đức Nguyên Khôi | 100     | 40     | 0 (1)  | 0     | 0 (1) | <b>140</b> |         |
| 82   | KV24A_212   | Thí sinh tự do | Nguyễn Minh Quân     | 100     | 10 (3) | 15 (4) | 10    | 0 (5) | <b>135</b> |         |
| 83   | KV24A_182   | Thí sinh tự do | Nguyễn Bảo Nam       | 100     | 5      | 15     | 10    | 0 (3) | <b>130</b> |         |
| 84   | KV24A_165   | Thí sinh tự do | Nguyễn Nguyên Khang  | 100 (1) | 5 (2)  | 15 (3) | 10    | 0 (6) | <b>130</b> |         |
| 85   | KV24A_173   | Thí sinh tự do | Phan Nhật Bình       | 100 (2) | 5      | 15     | 10    | 0 (2) | <b>130</b> |         |
| 86   | KV24A_157   | Thí sinh tự do | Nguyễn Lê Quốc Khang | 100     | 5      | 15 (2) | 10    | 0 (2) | <b>130</b> |         |
| 87   | KV24A_140   | Quảng Bình     | Đỗ Trung Đức         | 10      | 100    | 15     | 0     | 0     | <b>125</b> |         |
| 88   | KV24A_190   | Thí sinh tự do | Trần Nam Duy         | 100     | 0      | 15     | 0     | 0     | <b>115</b> |         |
| 89   | KV24A_162   | Thí sinh tự do | Nguyễn Hoàng Phong   | 100     | 0      | 15     | 0     | 0     | <b>115</b> |         |
| 90   | KV24A_196   | Thí sinh tự do | Nguyễn Duy Khánh     | 100     | 0      | 15 (2) | 0 (1) | 0 (1) | <b>115</b> |         |
| 91   | KV24A_159   | Thí sinh tự do | Phan Quang Phong     | 100     | 0 (2)  | 15 (5) | 0 (1) | 0 (2) | <b>115</b> |         |
| 92   | KV24A_128   | Kon Tum        | Lê Quốc Khánh        | 100 (1) | 0      | 15 (5) | 0     | 0     | <b>115</b> |         |
| 93   | KV24A_148   | Thanh Hóa      | Lê Quốc Khánh        | 100     | 0      | 15     | 0     | 0     | <b>115</b> |         |
| 94   | KV24A_126   | Khánh Hòa      | Trương Tuấn Kiên     | 100     | 10     | 0      | 0     | 0     | <b>110</b> |         |
| 95   | KV24A_160   | Thí sinh tự do | Phùng Bảo Lâm        | 100     | 5      | 0 (1)  | 0 (2) | 0 (1) | <b>105</b> |         |
| 96   | KV24A_177   | Thí sinh tự do | Đoàn Công Duy        | 100 (1) | 5      | 0 (5)  | 0 (1) | 0 (2) | <b>105</b> |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị           | Họ và tên             | Bài 1   | Bài 2 | Bài 3 | Bài 4 | Bài 5 | Tổng       | Ghi chú  |
|------|-------------|------------------|-----------------------|---------|-------|-------|-------|-------|------------|----------|
| 97   | KV24A_187   | Thí sinh tự do   | Phạm Lê Gia Hưng      | 100     | 5     | 0     | 0     | 0     | <b>105</b> |          |
| 98   | KV24A_193   | Thí sinh tự do   | Vũ Kỳ Nam             | 100 (1) | 0 (1) | 0     | 0     | 0     | <b>100</b> |          |
| 99   | KV24A_125   | Hà Tĩnh          | Nguyễn Quốc Gia Hưng  | 100     | 0     | 0     | 0     | 0     | <b>100</b> |          |
| 100  | KV24A_149   | Thừa Thiên - Huế | Trương Đình Gia Khang | 100     | 0     | 0     | 0     | 0     | <b>100</b> |          |
| 101  | KV24A_216   | Thí sinh tự do   | Nguyễn Trí Kiên       | 0       | 100   | 0     | 0     | 0     | <b>100</b> |          |
| 102  | KV24A_138   | Phú Yên          | Nguyễn Trúc Linh      | 0       | 0     | 0     | 0     | 0     | <b>0</b>   |          |
|      | KV24A_208   | Thí sinh tự do   | Nguyễn Lê Bảo Châu    |         |       |       |       |       |            | Vắng thi |
|      | KV24A_155   | Thí sinh tự do   | Lý Đắc Hoàng          |         |       |       |       |       |            | Vắng thi |
|      | KV24A_119   | Đà Nẵng          | Nguyễn Nam Khang      |         |       |       |       |       |            | Vắng thi |
|      | KV24A_172   | Thí sinh tự do   | Lương Thế Minh        |         |       |       |       |       |            | Vắng thi |
|      | KV24A_141   | Quảng Bình       | Nguyễn Thiện Nhân     |         |       |       |       |       |            | Vắng thi |
|      | KV24A_213   | Thí sinh tự do   | Đặng Tấn Phát         |         |       |       |       |       |            | Vắng thi |
|      | KV24A_195   | Thí sinh tự do   | Lê Anh Đức Phú        |         |       |       |       |       |            | Vắng thi |
|      | KV24A_203   | Thí sinh tự do   | Nguyễn Tấn Phú        |         |       |       |       |       |            | Vắng thi |
|      | KV24A_225   | Thí sinh tự do   | Nguyễn Danh Phú       |         |       |       |       |       |            | Vắng thi |
|      | KV24A_191   | Thí sinh tự do   | Dương Thiên Phúc      |         |       |       |       |       |            | Vắng thi |
|      | KV24A_179   | Thí sinh tự do   | Nguyễn Minh Việt      |         |       |       |       |       |            | Vắng thi |

| Hạng                    | Số báo danh | Đơn vị            | Họ và tên              | Bài 1   | Bài 2   | Bài 3   | Bài 4  | Bài 5   | Tổng | Ghi chú |
|-------------------------|-------------|-------------------|------------------------|---------|---------|---------|--------|---------|------|---------|
| <b>KHU VỰC MIỀN NAM</b> |             |                   |                        |         |         |         |        |         |      |         |
| 1                       | KV24A_299   | Thí sinh tự do    | Nguyễn Tâm Từ          | 100     | 100 (1) | 40      | 50     | 100 (3) | 390  |         |
| 2                       | KV24A_258   | Đồng Nai          | Nguyễn Gia Vinh        | 100     | 100     | 85 (34) | 10 (1) | 55 (2)  | 350  |         |
| 3                       | KV24A_300   | Thí sinh tự do    | Đinh Trần Thuỷ Tiên    | 100     | 100     | 15      | 0 (1)  | 100     | 315  |         |
| 4                       | KV24A_293   | TP. Hồ Chí Minh   | Cáp Hoàng Dũng         | 100     | 70 (3)  | 55 (3)  | 10     | 30 (2)  | 265  |         |
| 5                       | KV24A_283   | Tiền Giang        | Châu Chánh Hưng        | 100     | 70 (1)  | 45      | 0      | 30 (2)  | 245  |         |
| 6                       | KV24A_287   | TP. Hồ Chí Minh   | Phạm Tiến Huy          | 100     | 100     | 25      | 0      | 15 (1)  | 240  |         |
| 7                       | KV24A_319   | Thí sinh tự do    | Đinh Đức Vũ An         | 100 (2) | 100 (4) | 30 (2)  | 10     | 0 (1)   | 240  |         |
| 8                       | KV24A_303   | Thí sinh tự do    | Khưu Thế An            | 100     | 100     | 15 (1)  | 0      | 15      | 230  |         |
| 9                       | KV24A_230   | Bà Rịa - Vũng Tàu | Đinh Hoàng Long        | 100     | 100     | 25 (1)  | 0      | 0 (1)   | 225  |         |
| 10                      | KV24A_301   | Thí sinh tự do    | Nguyễn Bá Thiên        | 100     | 100 (5) | 15 (1)  | 10     | 0 (7)   | 225  |         |
| 11                      | KV24A_334   | Thí sinh tự do    | Hà Bảo Nam             | 100     | 100 (6) | 15 (1)  | 10     | 0 (3)   | 225  |         |
| 12                      | KV24A_325   | Thí sinh tự do    | Nguyễn Tổng Minh Khang | 100     | 100 (3) | 15 (1)  | 10     | 0 (1)   | 225  |         |
| 13                      | KV24A_284   | TP. Hồ Chí Minh   | Tăng Minh Tâm          | 100     | 80      | 40 (1)  | 0      | 0       | 220  |         |
| 14                      | KV24A_305   | Thí sinh tự do    | Lê Quang Bách          | 100     | 100 (2) | 15      | 0 (1)  | 0 (2)   | 215  |         |
| 15                      | KV24A_285   | TP. Hồ Chí Minh   | Nguyễn Hoàng Phúc      | 100     | 100     | 15      | 0      | 0       | 215  |         |
| 16                      | KV24A_263   | Đồng Tháp         | Lê Tuấn Kiệt           | 100     | 70      | 25 (2)  | 15     | 0       | 210  |         |
| 17                      | KV24A_248   | Cà Mau            | Trần Gia Đạt           | 100     | 80      | 25      | 0      | 0 (2)   | 205  |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị          | Họ và tên             | Bài 1   | Bài 2   | Bài 3  | Bài 4  | Bài 5 | Tổng | Ghi chú |
|------|-------------|-----------------|-----------------------|---------|---------|--------|--------|-------|------|---------|
| 18   | KV24A_280   | Tiền Giang      | Trần Thanh Quý        | 100     | 80      | 25 (1) | 0      | 0 (2) | 205  |         |
| 19   | KV24A_276   | Sóc Trăng       | Lưu Duy Khả           | 100 (2) | 100 (4) | 5 (1)  | 0      | 0     | 205  |         |
| 20   | KV24A_286   | TP. Hồ Chí Minh | Đinh Thành Phong      | 100     | 75 (2)  | 30     | 0 (1)  | 0     | 205  |         |
| 21   | KV24A_270   | Long An         | Lê Đăng Khôi Nguyên   | 100     | 80      | 15     | 10     | 0     | 205  |         |
| 22   | KV24A_235   | Bạc Liêu        | Tô Diễm Kiều          | 100     | 100 (1) | 0 (5)  | 0 (1)  | 0 (1) | 200  |         |
| 23   | KV24A_250   | Cà Mau          | Võ Hoàng Khang        | 100     | 80 (1)  | 15     | 0 (2)  | 0 (1) | 195  |         |
| 24   | KV24A_309   | Thí sinh tự do  | Nguyễn Trí Joseph     | 100     | 70      | 25     | 0      | 0 (1) | 195  |         |
| 25   | KV24A_269   | Long An         | Nguyễn Anh Đức        | 100     | 80      | 15 (2) | 0 (1)  | 0 (1) | 195  |         |
| 26   | KV24A_288   | TP. Hồ Chí Minh | Nguyễn Phúc Thiên Kim | 100     | 70 (1)  | 15     | 10     | 0 (3) | 195  |         |
| 27   | KV24A_327   | Thí sinh tự do  | Võ Phúc An            | 100     | 70 (4)  | 15     | 10     | 0 (2) | 195  |         |
| 28   | KV24A_265   | Đồng Tháp       | Lại Phú Thiên         | 100     | 70      | 15 (2) | 10 (1) | 0 (1) | 195  |         |
| 29   | KV24A_240   | Bình Dương      | Nguyễn Lê Hoàng Khang | 100     | 70 (1)  | 15 (7) | 10     | 0     | 195  |         |
| 30   | KV24A_324   | Thí sinh tự do  | Kiều Phúc Nguyên      | 100     | 75      | 15     | 0      | 0 (1) | 190  |         |
| 31   | KV24A_249   | Cà Mau          | Nguyễn Khiêm          | 100     | 80 (3)  | 10 (3) | 0 (1)  | 0 (3) | 190  |         |
| 32   | KV24A_227   | An Giang        | Võ Đình Huy           | 100     | 70 (2)  | 15     | 0 (3)  | 0 (1) | 185  |         |
| 33   | KV24A_279   | Tây Ninh        | Nguyễn Phan Khang     | 100     | 70      | 15     | 0      | 0     | 185  |         |
| 34   | KV24A_297   | Vĩnh Long       | Nguyễn Trần Khả Nhi   | 100     | 70      | 15 (2) | 0      | 0 (1) | 185  |         |
| 35   | KV24A_245   | Bình Thuận      | Trần Quốc Đạt         | 100     | 80      | 0 (1)  | 0      | 0 (1) | 180  |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị            | Họ và tên               | Bài 1   | Bài 2  | Bài 3  | Bài 4  | Bài 5 | Tổng | Ghi chú |
|------|-------------|-------------------|-------------------------|---------|--------|--------|--------|-------|------|---------|
| 36   | KV24A_308   | Thí sinh tự do    | Nguyễn Hồng Việt Tiến   | 100     | 35 (1) | 25 (2) | 0      | 20    | 180  |         |
| 37   | KV24A_306   | Thí sinh tự do    | Nguyễn Bảo Kim          | 100     | 50 (4) | 30 (5) | 0 (2)  | 0     | 180  |         |
| 38   | KV24A_322   | Thí sinh tự do    | Bùi Chí Nghĩa           | 100 (1) | 75 (1) | 0 (6)  | 0      | 0     | 175  |         |
| 39   | KV24A_256   | Đồng Nai          | Lê Gia Khánh            | 100     | 70 (1) | 0 (13) | 5      | 0 (1) | 175  |         |
| 40   | KV24A_304   | Thí sinh tự do    | Lê Nguyễn Gia Khang     | 100     | 70 (2) | 5 (3)  | 0 (3)  | 0     | 175  |         |
| 41   | KV24A_281   | Tiền Giang        | Nguyễn Đỗ Trung Hiếu    | 100     | 70     | 0 (5)  | 0 (1)  | 0 (1) | 170  |         |
| 42   | KV24A_323   | Thí sinh tự do    | Ngô Ngọc Ngân Sang      | 100     | 70     | 0 (1)  | 0      | 0 (3) | 170  |         |
| 43   | KV24A_333   | Thí sinh tự do    | Huỳnh Lê Tường An       | 100     | 70 (1) | 0 (2)  | 0      | 0 (1) | 170  |         |
| 44   | KV24A_242   | Bình Dương        | Vũ Đức Kiên             | 100     | 50 (1) | 20     | 0 (2)  | 0     | 170  |         |
| 45   | KV24A_310   | Thí sinh tự do    | Nguyễn Đào Minh Quân    | 100 (1) | 45 (1) | 15     | 10 (3) | 0     | 170  |         |
| 46   | KV24A_292   | TP. Hồ Chí Minh   | Huỳnh Ngọc Như An       | 100     | 50 (2) | 15     | 0      | 0 (5) | 165  |         |
| 47   | KV24A_290   | TP. Hồ Chí Minh   | Bùi Chí Bảo             | 100     | 50     | 15     | 0      | 0 (1) | 165  |         |
| 48   | KV24A_234   | Bạc Liêu          | Nguyễn Đình Khôi Nguyên | 100     | 45     | 20 (5) | 0      | 0     | 165  |         |
| 49   | KV24A_264   | Đồng Tháp         | Hà Nguyễn Hưng          | 100     | 0      | 0 (1)  | 50     | 0     | 150  |         |
| 50   | KV24A_339   | Thí sinh tự do    | Hoàng Công Anh          | 100 (1) | 50 (6) | 0 (10) | 0      | 0     | 150  |         |
| 51   | KV24A_229   | Bà Rịa - Vũng Tàu | Thái Xuân Nguyên        | 100     | 5      | 15     | 0      | 30    | 150  |         |
| 52   | KV24A_228   | Bà Rịa - Vũng Tàu | Nghiêm Tuấn Kiệt        | 100     | 5 (1)  | 15 (1) | 30     | 0     | 150  |         |
| 53   | KV24A_317   | Thí sinh tự do    | Nguyễn Xuân Trọng Nhân  | 100     | 45 (4) | 0 (8)  | 0      | 0     | 145  |         |



| Hạng | Số báo danh | Đơn vị          | Họ và tên             | Bài 1   | Bài 2  | Bài 3   | Bài 4 | Bài 5 | Tổng | Ghi chú |
|------|-------------|-----------------|-----------------------|---------|--------|---------|-------|-------|------|---------|
| 54   | KV24A_278   | Tây Ninh        | Diệp Huân             | 100     | 30     | 15      | 0     | 0 (3) | 145  |         |
| 55   | KV24A_255   | Cần Thơ         | Trần Gia An           | 100     | 30     | 15 (10) | 0     | 0     | 145  |         |
| 56   | KV24A_337   | Thí sinh tự do  | Nguyễn Viết Khôi      | 100     | 20 (3) | 15 (5)  | 10    | 0 (1) | 145  |         |
| 57   | KV24A_291   | TP. Hồ Chí Minh | Nguyễn Tiến Duy       | 100     | 35     | 0 (1)   | 0     | 0 (1) | 135  |         |
| 58   | KV24A_268   | Kiên Giang      | Vũ Thành Long         | 100     | 30 (4) | 5       | 0     | 0 (2) | 135  |         |
| 59   | KV24A_312   | Thí sinh tự do  | Đào Tuấn Khôi         | 100 (2) | 5 (2)  | 30 (3)  | 0 (4) | 0 (4) | 135  |         |
| 60   | KV24A_328   | Thí sinh tự do  | Lê Thanh Huyền        | 100     | 30 (4) | 0 (2)   | 0     | 0 (1) | 130  |         |
| 61   | KV24A_271   | Long An         | Trần Khánh Như        | 100     | 30     | 0 (3)   | 0 (2) | 0 (1) | 130  |         |
| 62   | KV24A_315   | Thí sinh tự do  | Phan Quốc Khánh       | 100     | 5      | 25 (3)  | 0     | 0 (1) | 130  |         |
| 63   | KV24A_311   | Thí sinh tự do  | Bùi Nguyễn Hoàng Kim  | 100 (2) | 25     | 0 (1)   | 0 (2) | 0 (2) | 125  |         |
| 64   | KV24A_316   | Thí sinh tự do  | Nguyễn Anh Đăng       | 100     | 15     | 10 (2)  | 0     | 0 (1) | 125  |         |
| 65   | KV24A_241   | Bình Dương      | Nguyễn Hoàng Giang    | 100     | 10 (2) | 15 (1)  | 0 (1) | 0     | 125  |         |
| 66   | KV24A_257   | Đồng Nai        | Chu Nguyễn Thiên Phúc | 100 (3) | 5      | 20 (12) | 0     | 0 (1) | 125  |         |
| 67   | KV24A_252   | Cần Thơ         | Nguyễn Tuấn Tú        | 100     | 10     | 10      | 0     | 0     | 120  |         |
| 68   | KV24A_296   | Vĩnh Long       | Nguyễn Nhật An        | 100     | 20     | 0 (5)   | 0     | 0     | 120  |         |
| 69   | KV24A_289   | TP. Hồ Chí Minh | Lại Trần Mỹ Hạnh      | 100     | 5      | 15      | 0     | 0 (1) | 120  |         |
| 70   | KV24A_243   | Bình Dương      | Bùi Hoàng Thiên Ân    | 100     | 0      | 15      | 0     | 0     | 115  |         |
| 71   | KV24A_313   | Thí sinh tự do  | Trần Phạm Hoàng Khang | 100     | 0 (2)  | 15      | 0     | 0     | 115  |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên                  | Bài 1   | Bài 2  | Bài 3  | Bài 4 | Bài 5 | Tổng | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|----------------------------|---------|--------|--------|-------|-------|------|---------|
| 72   | KV24A_262   | Đồng Tháp      | Lại Ngọc Khánh Tâm         | 100     | 0      | 15 (1) | 0     | 0     | 115  |         |
| 73   | KV24A_266   | Hậu Giang      | Nguyễn Trường Huy          | 100     | 0      | 15     | 0     | 0     | 115  |         |
| 74   | KV24A_298   | Vĩnh Long      | Đỗ Kiên Cường              | 100     | 0      | 0 (1)  | 0     | 15    | 115  |         |
| 75   | KV24A_259   | Đồng Nai       | Khúc Như Quỳnh             | 100 (2) | 0      | 15     | 0 (1) | 0 (1) | 115  |         |
| 76   | KV24A_318   | Thí sinh tự do | Phạm An Khang              | 100     | 10     | 0      | 0     | 0     | 110  |         |
| 77   | KV24A_302   | Thí sinh tự do | Võ Phan Phúc Minh          | 100     | 10 (2) | 0 (1)  | 0 (1) | 0     | 110  |         |
| 78   | KV24A_261   | Đồng Tháp      | Nguyễn Hiếu Hạnh           | 100 (1) | 10     | 0 (2)  | 0 (4) | 0     | 110  |         |
| 79   | KV24A_336   | Thí sinh tự do | Trương Kiến Phú            | 100     | 10 (1) | 0 (4)  | 0 (3) | 0 (2) | 110  |         |
| 80   | KV24A_341   | Thí sinh tự do | Hà Duyên Hải Minh          | 100     | 5      | 0 (4)  | 0 (4) | 0 (3) | 105  |         |
| 81   | KV24A_326   | Thí sinh tự do | Trần Phúc Nguyên           | 100     | 5 (1)  | 0      | 0     | 0 (1) | 105  |         |
| 82   | KV24A_340   | Thí sinh tự do | Lê Tổng Linh Thảo          | 100     | 5      | 0 (2)  | 0     | 0     | 105  |         |
| 83   | KV24A_331   | Thí sinh tự do | Phan Nguyễn Trọng Thiên Ân | 100     | 5      | 0 (1)  | 0     | 0 (1) | 105  |         |
| 84   | KV24A_338   | Thí sinh tự do | Nguyễn Hoàng Nguyên Bảo    | 100     | 5      | 0 (3)  | 0     | 0 (3) | 105  |         |
| 85   | KV24A_267   | Kiên Giang     | Lê Nguyễn Gia Hân          | 100     | 0 (3)  | 0 (9)  | 0     | 0     | 100  |         |
| 86   | KV24A_247   | Bình Thuận     | Nguyễn Hoàng Anh Tuấn      | 100     | 0      | 0      | 0     | 0     | 100  |         |
| 87   | KV24A_282   | Tiền Giang     | Nguyễn Đặng Trí Nhân       | 100     | 0      | 0 (3)  | 0     | 0     | 100  |         |
| 88   | KV24A_239   | Bình Dương     | Vũ Khôi Nguyên             | 100     | 0 (3)  | 0 (2)  | 0     | 0     | 100  |         |
| 89   | KV24A_253   | Cần Thơ        | Bùi Trần Đức Long          | 100     | 0 (2)  | 0 (5)  | 0 (1) | 0 (1) | 100  |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên             | Bài 1   | Bài 2 | Bài 3 | Bài 4 | Bài 5 | Tổng | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|-----------------------|---------|-------|-------|-------|-------|------|---------|
| 90   | KV24A_335   | Thí sinh tự do | Đặng Khánh Quỳnh      | 100     | 0     | 0 (5) | 0     | 0 (2) | 100  |         |
| 91   | KV24A_254   | Cần Thơ        | Lê Công Anh           | 100 (4) | 0 (1) | 0     | 0     | 0     | 100  |         |
| 92   | KV24A_251   | Cần Thơ        | Phạm Huỳnh Ngọc Khuê  | 15      | 70    | 0 (3) | 0     | 0 (1) | 85   |         |
| 93   | KV24A_330   | Thí sinh tự do | Nguyễn Vũ Long        | 15      | 5     | 0 (1) | 0 (1) | 0 (2) | 20   |         |
| 94   | KV24A_277   | Tây Ninh       | Trương Đức Minh Khôi  | 15      | 0 (6) | 0 (5) | 0     | 0 (1) | 15   |         |
| 95   | KV24A_244   | Bình Phước     | Lý Quỳnh Anh          | 15      | 0     | 0 (1) | 0     | 0 (4) | 15   |         |
| 96   | KV24A_236   | Bến Tre        | Ngô Thanh Tâm         | 15      | 0     | 0     | 0     | 0 (1) | 15   |         |
| 97   | KV24A_275   | Sóc Trăng      | Trần Chí Bằng         | 0 (1)   | 0 (1) | 0     | 0     | 0     | 0    |         |
| 97   | KV24A_272   | Long An        | Trương Trí Hùng       | 0 (6)   | 0 (1) | 0 (1) | 0     | 0     | 0    |         |
| 97   | KV24A_294   | Trà Vinh       | Liêu Đông Khoa        | 0 (1)   | 0     | 0 (3) | 0 (1) | 0 (1) | 0    |         |
| 97   | KV24A_231   | Bạc Liêu       | Nguyễn Đăng Khương    | 0 (2)   | 0 (1) | 0 (1) | 0     | 0     | 0    |         |
| 97   | KV24A_232   | Bạc Liêu       | Dương Huỳnh Bình Nhật | 0 (2)   | 0 (2) | 0 (1) | 0     | 0     | 0    |         |
| 97   | KV24A_238   | Bến Tre        | Ngô Hồng Nhung        | 0 (4)   | 0 (3) | 0 (2) | 0     | 0 (2) | 0    |         |
| 97   | KV24A_260   | Đồng Nai       | Châu Phong            | 0       | 0     | 0     | 0     | 0     | 0    |         |
| 97   | KV24A_314   | Thí sinh tự do | Võ Hoàng Phú          | 0 (1)   | 0     | 0 (7) | 0     | 0     | 0    |         |
| 97   | KV24A_246   | Bình Thuận     | Mãn Ngọc Quân         | 0 (1)   | 0 (1) | 0 (1) | 0 (1) | 0 (1) | 0    |         |
| 97   | KV24A_233   | Bạc Liêu       | Phạm Nguyễn Như Quỳnh | 0       | 0     | 0     | 0     | 0     | 0    |         |
| 97   | KV24A_295   | Trà Vinh       | Vũ Thành Tâm          | 0       | 0     | 0     | 0     | 0     | 0    |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên             | Bài 1 | Bài 2 | Bài 3 | Bài 4 | Bài 5 | Tổng | Ghi chú  |
|------|-------------|----------------|-----------------------|-------|-------|-------|-------|-------|------|----------|
| 97   | KV24A_274   | Sóc Trăng      | Nguyễn Ngọc Đoan Trân | 0 (5) | 0     | 0     | 0     | 0     | 0    |          |
| 97   | KV24A_237   | Bến Tre        | Châu Đại Việt         | 0 (1) | 0 (2) | 0 (2) | 0     | 0 (1) | 0    |          |
| 97   | KV24A_273   | Long An        | Huỳnh Mai Phương Yến  | 0 (4) | 0     | 0 (6) | 0     | 0     | 0    |          |
|      | KV24A_332   | Thí sinh tự do | Phạm Hồng Đức         |       |       |       |       |       |      | Vắng thi |
|      | KV24A_321   | Thí sinh tự do | Nguyễn Trọng Khang    |       |       |       |       |       |      | Vắng thi |
|      | KV24A_320   | Thí sinh tự do | Nguyễn Tùng Lâm       |       |       |       |       |       |      | Vắng thi |
|      | KV24A_307   | Thí sinh tự do | Ngô Phúc Thịnh        |       |       |       |       |       |      | Vắng thi |
|      | KV24A_329   | Thí sinh tự do | Phan Nguyễn Phúc Vinh |       |       |       |       |       |      | Vắng thi |

*Danh sách gồm 341 thí sinh./.*

## KẾT QUẢ THI VÒNG KHU VỰC HỘI THI TIN HỌC TRẺ TOÀN QUỐC LẦN THỨ XXX, NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số 111-TB/KHCN ngày 16/7/2024 của Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ)



### BẢNG B: THI LẬP TRÌNH KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ

| Hạng                    | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên         | Bài 1   | Bài 2   | Bài 3  | Tổng       | Ghi chú |
|-------------------------|-------------|----------------|-------------------|---------|---------|--------|------------|---------|
| <b>KHU VỰC MIỀN BẮC</b> |             |                |                   |         |         |        |            |         |
| 1                       | KV24B_030   | Ninh Bình      | Nguyễn Khánh Phúc | 100 (3) | 100 (8) | 80     | <b>280</b> |         |
| 2                       | KV24B_045   | Thí sinh tự do | Bùi Minh Tiến     | 100     | 90      | 40 (3) | <b>230</b> |         |
| 3                       | KV24B_016   | Hà Nội         | Đỗ Gia Bảo        | 100 (1) | 100 (1) | 0 (5)  | <b>200</b> |         |
| 4                       | KV24B_013   | Hà Nội         | Nguyễn Đăng Khánh | 100     | 100 (5) | 0      | <b>200</b> |         |
| 5                       | KV24B_035   | Thí sinh tự do | Phạm Minh Hoàng   | 100 (4) | 100 (4) | 0      | <b>200</b> |         |
| 6                       | KV24B_014   | Hà Nội         | Lê Kỳ Nam         | 100 (4) | 100 (9) | 0 (13) | <b>200</b> |         |
| 7                       | KV24B_024   | Hải Phòng      | Nguyễn Thanh Tùng | 100 (1) | 100 (5) | 0      | <b>200</b> |         |
| 8                       | KV24B_015   | Hà Nội         | Trần Hoàng Lâm    | 100 (3) | 100 (2) | 0 (6)  | <b>200</b> |         |
| 9                       | KV24B_006   | Bắc Ninh       | Nguyễn Thiện Nhân | 100 (5) | 100 (6) | 0      | <b>200</b> |         |
| 10                      | KV24B_009   | Hà Nội         | Lê Tuấn Kiệt      | 100 (9) | 100 (8) | 0 (4)  | <b>200</b> |         |
| 11                      | KV24B_040   | Thí sinh tự do | Hoàng Gia Huy     | 100     | 98 (13) | 0 (2)  | <b>198</b> |         |
| 12                      | KV24B_010   | Hà Nội         | Vũ Tiến Minh      | 100     | 90 (1)  | 0      | <b>190</b> |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên             | Bài 1    | Bài 2   | Bài 3  | Tổng       | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|-----------------------|----------|---------|--------|------------|---------|
| 13   | KV24B_037   | Thí sinh tự do | Lê Minh Đức           | 100      | 90 (3)  | 0      | <b>190</b> |         |
| 14   | KV24B_064   | Thí sinh tự do | Phạm Huy Bảo Long     | 100 (4)  | 90 (2)  | 0 (8)  | <b>190</b> |         |
| 15   | KV24B_036   | Thí sinh tự do | Vũ Minh Tuấn          | 100 (12) | 90 (9)  | 0 (7)  | <b>190</b> |         |
| 16   | KV24B_047   | Thí sinh tự do | Nguyễn Sỹ Khôi Anh    | 100 (1)  | 38      | 40 (1) | <b>178</b> |         |
| 17   | KV24B_041   | Thí sinh tự do | Đào Khánh Nam         | 100 (4)  | 72 (2)  | 0 (3)  | <b>172</b> |         |
| 18   | KV24B_048   | Thí sinh tự do | Trần An Thái          | 100 (5)  | 72 (12) | 0 (10) | <b>172</b> |         |
| 19   | KV24B_011   | Hà Nội         | Đỗ Viết Hoàng         | 70       | 100 (7) | 0      | <b>170</b> |         |
| 20   | KV24B_008   | Hà Nội         | Nguyễn Hải Phong      | 70 (2)   | 100     | 0      | <b>170</b> |         |
| 21   | KV24B_039   | Thí sinh tự do | Đoàn Nhật Phước       | 62 (17)  | 88 (20) | 0      | <b>150</b> |         |
| 22   | KV24B_055   | Thí sinh tự do | Trần Minh Duy         | 62 (2)   | 72 (1)  | 0      | <b>134</b> |         |
| 23   | KV24B_062   | Thí sinh tự do | Phạm Quang Hà         | 52 (2)   | 82 (1)  | 0      | <b>134</b> |         |
| 24   | KV24B_012   | Hà Nội         | Trịnh Lê Hưng         | 70 (8)   | 62 (1)  | 0 (3)  | <b>132</b> |         |
| 25   | KV24B_049   | Thí sinh tự do | Nguyễn Phạm Hải Dương | 100 (5)  | 32 (2)  | 0 (3)  | <b>132</b> |         |
| 26   | KV24B_066   | Thí sinh tự do | Lê Huy Tùng           | 70 (1)   | 60      | 0 (10) | <b>130</b> |         |
| 27   | KV24B_056   | Thí sinh tự do | Hoàng Minh Anh        | 66 (3)   | 60 (3)  | 0      | <b>126</b> |         |
| 28   | KV24B_065   | Thí sinh tự do | Nguyễn Thanh Phúc     | 64 (4)   | 60 (2)  | 0 (6)  | <b>124</b> |         |
| 29   | KV24B_107   | Thí sinh tự do | Nguyễn Minh Tiệp      | 100      | 20      | 0 (66) | <b>120</b> |         |
| 30   | KV24B_054   | Thí sinh tự do | Chu Chính Hoàng       | 46 (4)   | 72 (9)  | 0 (6)  | <b>118</b> |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên             | Bài 1  | Bài 2  | Bài 3  | Tổng       | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|-----------------------|--------|--------|--------|------------|---------|
| 31   | KV24B_061   | Thí sinh tự do | Lê Nguyễn Nhật Minh   | 52 (1) | 62     | 0      | <b>114</b> |         |
| 32   | KV24B_038   | Thí sinh tự do | Nguyễn Quang Dũng     | 56 (1) | 58 (4) | 0      | <b>114</b> |         |
| 33   | KV24B_046   | Thí sinh tự do | Nguyễn Hoàng Hải Nam  | 100    | 10     | 0      | <b>110</b> |         |
| 34   | KV24B_051   | Thí sinh tự do | Dương Phạm Minh Quang | 70 (3) | 38 (5) | 0 (14) | <b>108</b> |         |
| 35   | KV24B_106   | Thí sinh tự do | Nguyễn Kim Thành      | 66 (7) | 38 (2) | 0 (4)  | <b>104</b> |         |
| 36   | KV24B_052   | Thí sinh tự do | Doãn Hoàng Long       | 40 (3) | 64 (9) | 0 (1)  | <b>104</b> |         |
| 37   | KV24B_068   | Thí sinh tự do | Thái Vĩnh Giang       | 100    | 0      | 0 (3)  | <b>100</b> |         |
| 38   | KV24B_050   | Thí sinh tự do | Nguyễn Đức Khải       | 60 (1) | 38 (4) | 0      | <b>98</b>  |         |
| 39   | KV24B_005   | Bắc Ninh       | Lê Đình Triệu Vĩ      | 60 (2) | 38 (2) | 0 (1)  | <b>98</b>  |         |
| 40   | KV24B_073   | Thí sinh tự do | Phạm Gia Huy          | 32 (3) | 66 (2) | 0      | <b>98</b>  |         |
| 41   | KV24B_078   | Thí sinh tự do | Ngô Gia Khánh         | 62 (4) | 30 (5) | 0      | <b>92</b>  |         |
| 42   | KV24B_076   | Thí sinh tự do | Nguyễn Tuấn Minh      | 30     | 60 (1) | 0      | <b>90</b>  |         |
| 43   | KV24B_058   | Thí sinh tự do | Đỗ Bảo Nam            | 40 (1) | 40 (3) | 0 (5)  | <b>80</b>  |         |
| 44   | KV24B_090   | Thí sinh tự do | Ngô Tuấn Huy          | 30 (5) | 48 (9) | 0 (2)  | <b>78</b>  |         |
| 45   | KV24B_100   | Thí sinh tự do | Phạm Gia Huy          | 44 (1) | 30 (3) | 0 (17) | <b>74</b>  |         |
| 46   | KV24B_084   | Thí sinh tự do | Lương Hữu Đức Minh    | 44 (1) | 30 (1) | 0      | <b>74</b>  |         |
| 47   | KV24B_111   | Thí sinh tự do | Ngô Trọng Quang       | 40     | 30 (5) | 0      | <b>70</b>  |         |
| 48   | KV24B_026   | Hải Phòng      | Lê Bảo Ngọc           | 40     | 30 (5) | 0 (2)  | <b>70</b>  |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên            | Bài 1  | Bài 2   | Bài 3  | Tổng      | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|----------------------|--------|---------|--------|-----------|---------|
| 49   | KV24B_042   | Thí sinh tự do | Nguyễn Thành Đạt     | 30     | 38      | 0 (5)  | <b>68</b> |         |
| 50   | KV24B_070   | Thí sinh tự do | Trần Khôi Nguyên     | 30     | 38      | 0      | <b>68</b> |         |
| 51   | KV24B_060   | Thí sinh tự do | Lê Huy Minh Quang    | 30     | 38 (1)  | 0      | <b>68</b> |         |
| 52   | KV24B_028   | Ninh Bình      | Đặng Ngọc Lan Chi    | 30 (1) | 38 (1)  | 0      | <b>68</b> |         |
| 53   | KV24B_079   | Thí sinh tự do | Nguyễn Hoàng Minh    | 54 (3) | 14      | 0      | <b>68</b> |         |
| 54   | KV24B_003   | Bắc Giang      | Dương Văn Huy        | 30 (3) | 38      | 0      | <b>68</b> |         |
| 55   | KV24B_007   | Hà Nam         | Trần Hà Khải         | 30     | 38 (5)  | 0 (17) | <b>68</b> |         |
| 56   | KV24B_004   | Bắc Ninh       | Trần Đức Dũng        | 30     | 38 (1)  | 0 (1)  | <b>68</b> |         |
| 57   | KV24B_017   | Hải Dương      | Vũ Đức Hải Phong     | 30     | 32 (2)  | 0      | <b>62</b> |         |
| 58   | KV24B_088   | Thí sinh tự do | Nguyễn Anh Duy       | 40 (2) | 20      | 0 (7)  | <b>60</b> |         |
| 59   | KV24B_082   | Thí sinh tự do | Nguyễn Trọng Lưu     | 30     | 30 (2)  | 0      | <b>60</b> |         |
| 60   | KV24B_081   | Thí sinh tự do | Vũ Minh Tuấn         | 30 (1) | 30 (3)  | 0 (3)  | <b>60</b> |         |
| 61   | KV24B_071   | Thí sinh tự do | Hồ Thanh Phong       | 40 (7) | 20 (1)  | 0 (11) | <b>60</b> |         |
| 62   | KV24B_101   | Thí sinh tự do | Hoàng Nguyễn Vân Lam | 30 (2) | 30 (11) | 0      | <b>60</b> |         |
| 63   | KV24B_087   | Thí sinh tự do | Nguyễn Trọng Hoàng   | 40 (1) | 16      | 0 (1)  | <b>56</b> |         |
| 64   | KV24B_103   | Thí sinh tự do | Trần Vũ Phong        | 30     | 20      | 0 (5)  | <b>50</b> |         |
| 65   | KV24B_043   | Thí sinh tự do | Đỗ Trí Dũng          | 30     | 20      | 0 (2)  | <b>50</b> |         |
| 66   | KV24B_001   | Bắc Giang      | Nguyễn Đình Phúc     | 30     | 20      | 0 (5)  | <b>50</b> |         |



| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên          | Bài 1   | Bài 2   | Bài 3  | Tổng      | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|--------------------|---------|---------|--------|-----------|---------|
| 67   | KV24B_027   | Hung Yên       | Lê Thành Đạt       | 30      | 20      | 0 (8)  | <b>50</b> |         |
| 68   | KV24B_072   | Thí sinh tự do | Hồ Minh Đăng       | 30      | 20 (2)  | 0      | <b>50</b> |         |
| 69   | KV24B_032   | Thái Bình      | Lương Thế Cường    | 36 (1)  | 14 (6)  | 0      | <b>50</b> |         |
| 70   | KV24B_057   | Thí sinh tự do | Vũ Minh Nhật       | 30      | 20 (15) | 0 (16) | <b>50</b> |         |
| 71   | KV24B_097   | Thí sinh tự do | Nguyễn Minh Hoàng  | 30 (1)  | 20 (1)  | 0 (2)  | <b>50</b> |         |
| 72   | KV24B_002   | Bắc Giang      | Trần Châu Quân     | 30 (7)  | 20 (5)  | 0 (20) | <b>50</b> |         |
| 73   | KV24B_029   | Ninh Bình      | Tạ Quang Lâm       | 30 (1)  | 18 (1)  | 0 (2)  | <b>48</b> |         |
| 74   | KV24B_063   | Thí sinh tự do | Bùi Đức Mạnh       | 46 (7)  | 0       | 0      | <b>46</b> |         |
| 75   | KV24B_069   | Thí sinh tự do | Nguyễn Việt Bách   | 44      | 0       | 0      | <b>44</b> |         |
| 76   | KV24B_023   | Hải Phòng      | Nguyễn Lê Hải Long | 30      | 10      | 0 (2)  | <b>40</b> |         |
| 77   | KV24B_110   | Thí sinh tự do | Lê Gia Minh        | 20 (15) | 20      | 0 (75) | <b>40</b> |         |
| 78   | KV24B_025   | Hải Phòng      | Đinh Phương Thảo   | 30      | 10      | 0      | <b>40</b> |         |
| 79   | KV24B_033   | Thái Bình      | Phạm Công Hải      | 40 (2)  | 0       | 0      | <b>40</b> |         |
| 80   | KV24B_059   | Thí sinh tự do | Nguyễn Minh Đức    | 2 (5)   | 38 (1)  | 0      | <b>40</b> |         |
| 81   | KV24B_018   | Hải Dương      | Đỗ Gia Khoa        | 20 (14) | 20 (1)  | 0 (16) | <b>40</b> |         |
| 82   | KV24B_074   | Thí sinh tự do | Nguyễn Minh Quân   | 2       | 38 (6)  | 0 (13) | <b>40</b> |         |
| 83   | KV24B_098   | Thí sinh tự do | Lê Đỗ Minh Tuấn    | 20 (15) | 20 (7)  | 0 (38) | <b>40</b> |         |
| 84   | KV24B_102   | Thí sinh tự do | Nguyễn Minh Đức    | 36 (2)  | 0       | 0      | <b>36</b> |         |

| <b>Hạng</b> | <b>Số báo danh</b> | <b>Đơn vị</b>  | <b>Họ và tên</b>      | <b>Bài 1</b> | <b>Bài 2</b> | <b>Bài 3</b> | <b>Tổng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-------------|--------------------|----------------|-----------------------|--------------|--------------|--------------|-------------|----------------|
| 85          | KV24B_044          | Thí sinh tự do | Nguyễn Khánh My       | 16 (2)       | 20 (1)       | 0 (5)        | <b>36</b>   |                |
| 86          | KV24B_083          | Thí sinh tự do | Lê Minh Nhật          | 30           | 2 (1)        | 0 (3)        | <b>32</b>   |                |
| 87          | KV24B_021          | Hải Dương      | Nguyễn Mạnh Đạt       | 30           | 2 (1)        | 0            | <b>32</b>   |                |
| 88          | KV24B_022          | Hải Phòng      | Phạm Quốc Tấn         | 12 (4)       | 20 (3)       | 0 (1)        | <b>32</b>   |                |
| 89          | KV24B_094          | Thí sinh tự do | Vũ Anh Tuấn           | 30           | 0 (2)        | 0            | <b>30</b>   |                |
| 90          | KV24B_104          | Thí sinh tự do | Đoàn Chính Liêm       | 30           | 0            | 0 (1)        | <b>30</b>   |                |
| 91          | KV24B_075          | Thí sinh tự do | Cao Xuân Hùng         | 30           | 0 (5)        | 0            | <b>30</b>   |                |
| 92          | KV24B_089          | Thí sinh tự do | Vũ Minh Đức           | 30           | 0            | 0            | <b>30</b>   |                |
| 93          | KV24B_109          | Thí sinh tự do | Nguyễn Duy Hoàng Linh | 30           | 0            | 0 (1)        | <b>30</b>   |                |
| 94          | KV24B_091          | Thí sinh tự do | Cao Lan Chi           | 30 (5)       | 0            | 0            | <b>30</b>   |                |
| 95          | KV24B_099          | Thí sinh tự do | Lê Tuấn Hoàng         | 10 (7)       | 20 (45)      | 0 (28)       | <b>30</b>   |                |
| 96          | KV24B_086          | Thí sinh tự do | Trần Hoàng Minh       | 0 (2)        | 28 (3)       | 0            | <b>28</b>   |                |
| 97          | KV24B_067          | Thí sinh tự do | Vương Hoàng Long      | 2            | 20           | 0 (1)        | <b>22</b>   |                |
| 98          | KV24B_112          | Thí sinh tự do | Nguyễn Hoàng Minh     | 0 (1)        | 20           | 0            | <b>20</b>   |                |
| 99          | KV24B_092          | Thí sinh tự do | Nguyễn Tiến Minh      | 0            | 20 (1)       | 0            | <b>20</b>   |                |
| 100         | KV24B_031          | Thái Bình      | Vũ Nguyên Hưng        | 12           | 0            | 0            | <b>12</b>   |                |
| 101         | KV24B_105          | Thí sinh tự do | Đào Bảo Hà            | 10 (1)       | 0            | 0            | <b>10</b>   |                |
| 102         | KV24B_019          | Hải Dương      | Nguyễn Vinh Hiễn      | 2            | 0 (13)       | 0 (5)        | <b>2</b>    |                |

| Hạng                      | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên             | Bài 1   | Bài 2   | Bài 3  | Tổng | Ghi chú  |
|---------------------------|-------------|----------------|-----------------------|---------|---------|--------|------|----------|
| 103                       | KV24B_093   | Thí sinh tự do | Nguyễn Quốc Tuấn      | 0       | 2       | 0      | 2    |          |
| 104                       | KV24B_108   | Thí sinh tự do | Lã Thị Vân Khánh      | 0       | 2       | 0 (7)  | 2    |          |
| 105                       | KV24B_085   | Thí sinh tự do | Nguyễn Cao Hoàng Quân | 0       | 2 (1)   | 0      | 2    |          |
| 106                       | KV24B_095   | Thí sinh tự do | Bùi Minh Hiền         | 2       | 0 (2)   | 0 (1)  | 2    |          |
| 107                       | KV24B_096   | Thí sinh tự do | Đỗ An Hiếu            | 0       | 2       | 0      | 2    |          |
| 108                       | KV24B_020   | Hải Dương      | Đồng Duy Anh          | 0 (1)   | 0       | 0 (3)  | 0    |          |
| 108                       | KV24B_034   | Yên Bái        | Nguyễn Minh Đức       | 0 (22)  | 0       | 0      | 0    |          |
| 108                       | KV24B_053   | Thí sinh tự do | Phạm Hồng Kỳ          | 0 (1)   | 0       | 0 (7)  | 0    |          |
| 108                       | KV24B_077   | Thí sinh tự do | Hàn Lê Quang          | 0 (4)   | 0       | 0      | 0    |          |
|                           | KV24B_080   | Thí sinh tự do | Nguyễn Gia Vinh       |         |         |        |      | Vắng thi |
| <b>KHU VỰC MIỀN TRUNG</b> |             |                |                       |         |         |        |      |          |
| 1                         | KV24B_122   | Đà Nẵng        | Lê Tuấn Tú            | 100 (1) | 100 (2) | 65 (3) | 265  |          |
| 2                         | KV24B_164   | Thí sinh tự do | Bùi Minh Nhật         | 100     | 100     | 40     | 240  |          |
| 3                         | KV24B_124   | Đà Nẵng        | Hồ Khánh Đan          | 100 (1) | 100 (9) | 40 (2) | 240  |          |
| 4                         | KV24B_120   | Đà Nẵng        | Trần Tiến Khoa        | 100 (2) | 100 (2) | 0 (1)  | 200  |          |
| 5                         | KV24B_115   | Đà Nẵng        | Nguyễn Văn Minh       | 100 (1) | 88 (5)  | 0 (1)  | 188  |          |
| 6                         | KV24B_136   | Lâm Đồng       | Đào Anh Việt          | 100     | 88 (12) | 0      | 188  |          |
| 7                         | KV24B_170   | Thí sinh tự do | Phạm Đắc Quang Anh    | 100     | 82 (1)  | 0 (3)  | 182  |          |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên             | Bài 1    | Bài 2   | Bài 3 | Tổng       | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|-----------------------|----------|---------|-------|------------|---------|
| 8    | KV24B_116   | Đà Nẵng        | Phạm Tuấn Anh         | 100 (2)  | 76      | 0 (1) | <b>176</b> |         |
| 9    | KV24B_123   | Đà Nẵng        | Hà Phước Vũ           | 100 (10) | 66 (1)  | 0     | <b>166</b> |         |
| 10   | KV24B_177   | Thí sinh tự do | Bùi Anh Quân          | 94 (4)   | 72 (9)  | 0 (3) | <b>166</b> |         |
| 11   | KV24B_119   | Đà Nẵng        | Lê Hoàng Long         | 100 (1)  | 64 (4)  | 0     | <b>164</b> |         |
| 12   | KV24B_160   | Thí sinh tự do | Nguyễn Văn Bá Tinh    | 74 (5)   | 90 (6)  | 0     | <b>164</b> |         |
| 13   | KV24B_173   | Thí sinh tự do | Đặng Xuân Minh Khôi   | 100      | 62 (10) | 0 (2) | <b>162</b> |         |
| 14   | KV24B_155   | Thí sinh tự do | Nguyễn An Phước       | 60       | 100 (1) | 0 (5) | <b>160</b> |         |
| 15   | KV24B_175   | Thí sinh tự do | Đỗ Nguyễn Gia Bảo     | 70 (2)   | 90 (4)  | 0     | <b>160</b> |         |
| 16   | KV24B_143   | Phú Yên        | Nguyễn Nhật Anh       | 70 (3)   | 84 (3)  | 0 (3) | <b>154</b> |         |
| 17   | KV24B_158   | Thí sinh tự do | Phạm Phú Bình         | 60 (1)   | 90      | 0     | <b>150</b> |         |
| 18   | KV24B_174   | Thí sinh tự do | Hoàng Đình Hải Vương  | 60 (12)  | 90      | 0     | <b>150</b> |         |
| 19   | KV24B_118   | Đà Nẵng        | Trần Nguyễn Minh Tiến | 62 (1)   | 84 (4)  | 0     | <b>146</b> |         |
| 20   | KV24B_223   | Thí sinh tự do | Mai Thế Dũng          | 76 (4)   | 68 (3)  | 0     | <b>144</b> |         |
| 21   | KV24B_162   | Thí sinh tự do | Trần Sĩ Quý           | 60       | 82 (14) | 0 (5) | <b>142</b> |         |
| 22   | KV24B_121   | Đà Nẵng        | Phạm Lê Minh Sơn      | 54 (4)   | 88 (8)  | 0 (4) | <b>142</b> |         |
| 23   | KV24B_168   | Thí sinh tự do | Đậu Đăng Khôi         | 70 (11)  | 70 (10) | 0     | <b>140</b> |         |
| 24   | KV24B_181   | Thí sinh tự do | Dương Đình Đức Hoàng  | 64       | 70 (3)  | 0 (1) | <b>134</b> |         |
| 25   | KV24B_156   | Thí sinh tự do | Trần Công Triết       | 60 (4)   | 72 (2)  | 0     | <b>132</b> |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên              | Bài 1   | Bài 2   | Bài 3  | Tổng       | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|------------------------|---------|---------|--------|------------|---------|
| 26   | KV24B_157   | Thí sinh tự do | Trần Duy Tùng          | 60 (4)  | 68 (1)  | 0 (2)  | <b>128</b> |         |
| 27   | KV24B_187   | Thí sinh tự do | Phạm Bảo Khánh         | 54 (5)  | 68 (6)  | 0 (3)  | <b>122</b> |         |
| 28   | KV24B_131   | Kon Tum        | Nguyễn Vũ Hoàng        | 100 (3) | 18 (1)  | 0 (1)  | <b>118</b> |         |
| 29   | KV24B_166   | Thí sinh tự do | Bùi Hữu Nhật Minh      | 80 (9)  | 38      | 0      | <b>118</b> |         |
| 30   | KV24B_200   | Thí sinh tự do | Nguyễn Huy Khánh       | 54 (2)  | 64 (3)  | 0 (4)  | <b>118</b> |         |
| 31   | KV24B_137   | Nghệ An        | Nguyễn Sỹ Đức Trí      | 70 (3)  | 48 (2)  | 0 (2)  | <b>118</b> |         |
| 32   | KV24B_184   | Thí sinh tự do | Đoàn Trí Quân          | 60 (1)  | 54 (5)  | 0      | <b>114</b> |         |
| 33   | KV24B_150   | Thanh Hóa      | Lê Nguyễn Minh Hiếu    | 94 (6)  | 18 (1)  | 0      | <b>112</b> |         |
| 34   | KV24B_130   | Kon Tum        | Phạm Đại Nam           | 50 (6)  | 62 (3)  | 0      | <b>112</b> |         |
| 35   | KV24B_125   | Gia Lai        | Nguyễn Đức Phở         | 44 (2)  | 66 (30) | 0 (12) | <b>110</b> |         |
| 36   | KV24B_161   | Thí sinh tự do | Lã Gia Huy             | 98 (1)  | 10      | 0 (1)  | <b>108</b> |         |
| 37   | KV24B_176   | Thí sinh tự do | Nguyễn Gia Kiệt        | 60 (2)  | 48 (5)  | 0      | <b>108</b> |         |
| 38   | KV24B_149   | Quảng Trị      | Nguyễn Hữu Việt Phương | 70 (2)  | 34 (9)  | 0      | <b>104</b> |         |
| 39   | KV24B_148   | Quảng Nam      | Nguyễn Thái Nam        | 30      | 72 (1)  | 0      | <b>102</b> |         |
| 40   | KV24B_167   | Thí sinh tự do | Đình Khánh Hà          | 70 (3)  | 32      | 0      | <b>102</b> |         |
| 41   | KV24B_140   | Nghệ An        | Trần Võ Hồng Phúc      | 100     | 0       | 0      | <b>100</b> |         |
| 42   | KV24B_142   | Ninh Thuận     | Võ Thế Hào             | 100     | 0       | 0      | <b>100</b> |         |
| 43   | KV24B_215   | Thí sinh tự do | Trần Hoàng Kiên        | 52      | 48 (3)  | 0 (11) | <b>100</b> |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên            | Bài 1   | Bài 2   | Bài 3 | Tổng       | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|----------------------|---------|---------|-------|------------|---------|
| 44   | KV24B_159   | Thí sinh tự do | Lê Anh Tuấn          | 40 (6)  | 60 (4)  | 0     | <b>100</b> |         |
| 45   | KV24B_197   | Thí sinh tự do | Nguyễn Nhân Danh     | 60      | 38 (1)  | 0     | <b>98</b>  |         |
| 46   | KV24B_117   | Đà Nẵng        | Nguyễn Văn Anh Kiệt  | 30      | 66 (1)  | 0     | <b>96</b>  |         |
| 47   | KV24B_199   | Thí sinh tự do | Nguyễn Danh Bình     | 60 (1)  | 36 (4)  | 0     | <b>96</b>  |         |
| 48   | KV24B_196   | Thí sinh tự do | Nguyễn Đình Nguyên   | 50 (3)  | 44 (1)  | 0     | <b>94</b>  |         |
| 49   | KV24B_207   | Thí sinh tự do | Nguyễn Anh Quân      | 48 (10) | 46 (6)  | 0 (6) | <b>94</b>  |         |
| 50   | KV24B_193   | Thí sinh tự do | Đình Thanh Hà        | 62 (4)  | 30      | 0     | <b>92</b>  |         |
| 51   | KV24B_126   | Hà Tĩnh        | Nguyễn Kim Gia Bảo   | 30      | 62 (1)  | 0     | <b>92</b>  |         |
| 52   | KV24B_217   | Thí sinh tự do | Nguyễn Thành Nam     | 52 (4)  | 38      | 0 (2) | <b>90</b>  |         |
| 53   | KV24B_182   | Thí sinh tự do | Võ Thiện Nhân        | 30      | 60 (6)  | 0     | <b>90</b>  |         |
| 54   | KV24B_229   | Thí sinh tự do | Đỗ Nhật Nam          | 60 (5)  | 30      | 0     | <b>90</b>  |         |
| 55   | KV24B_202   | Thí sinh tự do | Hồ Thị Cẩm Vân       | 62 (10) | 28 (3)  | 0     | <b>90</b>  |         |
| 56   | KV24B_188   | Thí sinh tự do | Thái Hải Nam         | 44 (9)  | 46 (16) | 0     | <b>90</b>  |         |
| 57   | KV24B_214   | Thí sinh tự do | Trần Huỳnh Gia Khiêm | 40 (2)  | 48 (6)  | 0 (3) | <b>88</b>  |         |
| 58   | KV24B_128   | Khánh Hòa      | Trần Việt Khôi       | 38 (5)  | 50 (3)  | 0 (4) | <b>88</b>  |         |
| 59   | KV24B_221   | Thí sinh tự do | Phan Nhân            | 54      | 32 (4)  | 0     | <b>86</b>  |         |
| 60   | KV24B_153   | Thí sinh tự do | Hoàng Minh Khánh     | 70 (4)  | 16 (1)  | 0     | <b>86</b>  |         |
| 61   | KV24B_135   | Lâm Đồng       | Thái Hồng Anh        | 54      | 30      | 0     | <b>84</b>  |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên            | Bài 1  | Bài 2  | Bài 3  | Tổng      | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|----------------------|--------|--------|--------|-----------|---------|
| 62   | KV24B_194   | Thí sinh tự do | Trần Minh Đạt        | 34 (1) | 50 (3) | 0      | <b>84</b> |         |
| 63   | KV24B_139   | Nghệ An        | Nguyễn Văn Minh Nhật | 54 (4) | 30 (1) | 0 (3)  | <b>84</b> |         |
| 64   | KV24B_141   | Ninh Thuận     | Trần Thanh Khôi      | 40 (3) | 44 (9) | 0 (16) | <b>84</b> |         |
| 65   | KV24B_206   | Thí sinh tự do | Lê Phú Khánh         | 52 (2) | 30 (4) | 0 (1)  | <b>82</b> |         |
| 66   | KV24B_169   | Thí sinh tự do | Nguyễn Công Khánh    | 54     | 20     | 0      | <b>74</b> |         |
| 67   | KV24B_189   | Thí sinh tự do | Nguyễn Văn Phúc      | 40 (2) | 30 (6) | 0      | <b>70</b> |         |
| 68   | KV24B_210   | Thí sinh tự do | Nguyễn Vũ Quỳnh Lam  | 40 (1) | 30     | 0 (1)  | <b>70</b> |         |
| 69   | KV24B_228   | Thí sinh tự do | Nguyễn Hữu Chương    | 30     | 38     | 0 (1)  | <b>68</b> |         |
| 70   | KV24B_209   | Thí sinh tự do | Nguyễn Văn Gia Bảo   | 30     | 38     | 0      | <b>68</b> |         |
| 71   | KV24B_154   | Thí sinh tự do | Lê Việt Thái         | 30     | 38     | 0 (1)  | <b>68</b> |         |
| 72   | KV24B_127   | Khánh Hòa      | Hoàng Vĩnh Thái      | 30     | 38     | 0      | <b>68</b> |         |
| 73   | KV24B_192   | Thí sinh tự do | Lê Tấn Nghĩa         | 30 (1) | 38 (2) | 0      | <b>68</b> |         |
| 74   | KV24B_129   | Khánh Hòa      | Trần Tuấn Khang      | 30     | 38 (1) | 0 (3)  | <b>68</b> |         |
| 75   | KV24B_145   | Quảng Bình     | Nguyễn Thiện Nhân    | 2      | 66 (3) | 0 (4)  | <b>68</b> |         |
| 76   | KV24B_178   | Thí sinh tự do | Nguyễn Đức Anh Khoa  | 30 (1) | 38 (3) | 0      | <b>68</b> |         |
| 77   | KV24B_211   | Thí sinh tự do | Nguyễn Ngọc Trâm Anh | 44     | 20     | 0 (3)  | <b>64</b> |         |
| 78   | KV24B_220   | Thí sinh tự do | Nguyễn Ngô Quế Lâm   | 30 (3) | 30     | 0 (4)  | <b>60</b> |         |
| 79   | KV24B_186   | Thí sinh tự do | Nguyễn Hải Dương     | 30     | 30 (1) | 0      | <b>60</b> |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị           | Họ và tên              | Bài 1   | Bài 2   | Bài 3  | Tổng      | Ghi chú |
|------|-------------|------------------|------------------------|---------|---------|--------|-----------|---------|
| 80   | KV24B_218   | Thí sinh tự do   | Nguyễn Tuấn Danh Khoa  | 30 (2)  | 30 (1)  | 0      | <b>60</b> |         |
| 81   | KV24B_146   | Quảng Bình       | Bùi Văn Tiến Dũng      | 30      | 30 (11) | 0 (1)  | <b>60</b> |         |
| 82   | KV24B_138   | Nghệ An          | Nguyễn Trọng Khiêm     | 60 (9)  | 0       | 0      | <b>60</b> |         |
| 83   | KV24B_151   | Thừa Thiên - Huế | Nguyễn Hải Duy         | 40 (1)  | 20      | 0 (1)  | <b>60</b> |         |
| 84   | KV24B_165   | Thí sinh tự do   | Nguyễn Đức Sơn         | 30 (2)  | 30 (6)  | 0      | <b>60</b> |         |
| 85   | KV24B_204   | Thí sinh tự do   | Nguyễn Trung Hải Phong | 30      | 26 (1)  | 0      | <b>56</b> |         |
| 86   | KV24B_224   | Thí sinh tự do   | Nguyễn Vũ Lâm          | 30      | 20      | 0 (5)  | <b>50</b> |         |
| 87   | KV24B_172   | Thí sinh tự do   | Đặng Tô Minh Đức       | 30      | 20      | 0 (3)  | <b>50</b> |         |
| 88   | KV24B_179   | Thí sinh tự do   | Trần Phương Liêm       | 30      | 20      | 0 (5)  | <b>50</b> |         |
| 89   | KV24B_201   | Thí sinh tự do   | Ngô Đức Phát           | 30      | 20 (2)  | 0 (8)  | <b>50</b> |         |
| 90   | KV24B_180   | Thí sinh tự do   | Nhan Nguyễn Minh Nhân  | 30      | 20 (3)  | 0 (2)  | <b>50</b> |         |
| 91   | KV24B_144   | Phú Yên          | Đặng Thành Nam         | 44 (3)  | 4       | 0      | <b>48</b> |         |
| 92   | KV24B_185   | Thí sinh tự do   | Đặng Minh Đức          | 30      | 16      | 0      | <b>46</b> |         |
| 93   | KV24B_113   | Bình Định        | Nguyễn Đoàn Vi Na      | 14 (2)  | 32      | 0      | <b>46</b> |         |
| 94   | KV24B_147   | Quảng Nam        | Hoàng Trung Kiên       | 30      | 16      | 0      | <b>46</b> |         |
| 95   | KV24B_213   | Thí sinh tự do   | Nguyễn Việt Hoàng      | 30      | 12 (2)  | 0      | <b>42</b> |         |
| 96   | KV24B_198   | Thí sinh tự do   | Lê Quang Nhật          | 30      | 10 (1)  | 0      | <b>40</b> |         |
| 97   | KV24B_152   | Thừa Thiên - Huế | Phan Công Dũng         | 20 (17) | 20 (1)  | 0 (34) | <b>40</b> |         |



| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên           | Bài 1  | Bài 2   | Bài 3 | Tổng      | Ghi chú  |
|------|-------------|----------------|---------------------|--------|---------|-------|-----------|----------|
| 98   | KV24B_222   | Thí sinh tự do | Nguyễn Công Lâm     | 30 (4) | 4 (1)   | 0 (7) | <b>34</b> |          |
| 99   | KV24B_205   | Thí sinh tự do | Trần Duy Anh        | 30     | 2       | 0     | <b>32</b> |          |
| 100  | KV24B_163   | Thí sinh tự do | Bùi Xuân Phúc       | 12 (4) | 20 (1)  | 0 (3) | <b>32</b> |          |
| 101  | KV24B_183   | Thí sinh tự do | Đặng Trọng Phước    | 12     | 20 (15) | 0 (1) | <b>32</b> |          |
| 102  | KV24B_208   | Thí sinh tự do | Lê Hồ Nam Thắng     | 30     | 0 (1)   | 0 (1) | <b>30</b> |          |
| 103  | KV24B_134   | Lâm Đồng       | Lê Nguyễn Quỳnh Anh | 0 (1)  | 30 (1)  | 0     | <b>30</b> |          |
| 104  | KV24B_114   | Bình Định      | Nguyễn Đào Duy Văn  | 2 (5)  | 20      | 0     | <b>22</b> |          |
| 105  | KV24B_190   | Thí sinh tự do | Đinh Ngọc Diễn      | 14     | 2 (3)   | 0 (1) | <b>16</b> |          |
| 106  | KV24B_227   | Thí sinh tự do | Lưu Gia Bảo         | 2      | 0 (3)   | 0 (2) | <b>2</b>  |          |
| 107  | KV24B_133   | Lâm Đồng       | Bùi Anh Tuấn        | 2 (1)  | 0       | 0     | <b>2</b>  |          |
| 108  | KV24B_132   | Lâm Đồng       | Phạm Thị Mỹ Trinh   | 2 (2)  | 0       | 0     | <b>2</b>  |          |
|      | KV24B_216   | Thí sinh tự do | Phùng Văn Tấn Điền  |        |         |       |           | Vắng thi |
|      | KV24B_230   | Thí sinh tự do | Đỗ Huỳnh Gia Hưng   |        |         |       |           | Vắng thi |
|      | KV24B_212   | Thí sinh tự do | Võ Duy Khánh        |        |         |       |           | Vắng thi |
|      | KV24B_191   | Thí sinh tự do | Nguyễn Anh Minh     |        |         |       |           | Vắng thi |
|      | KV24B_219   | Thí sinh tự do | Nguyễn Văn Minh     |        |         |       |           | Vắng thi |
|      | KV24B_195   | Thí sinh tự do | Bùi Minh Nguyên     |        |         |       |           | Vắng thi |
|      | KV24B_203   | Thí sinh tự do | Dương Quốc Phong    |        |         |       |           | Vắng thi |

| Hạng                    | Số báo danh | Đơn vị          | Họ và tên           | Bài 1   | Bài 2   | Bài 3  | Tổng       | Ghi chú  |
|-------------------------|-------------|-----------------|---------------------|---------|---------|--------|------------|----------|
|                         | KV24B_226   | Thí sinh tự do  | Nguyễn Minh Thiên   |         |         |        |            | Vắng thi |
|                         | KV24B_225   | Thí sinh tự do  | Vũ Đức Vinh         |         |         |        |            | Vắng thi |
|                         | KV24B_171   | Thí sinh tự do  | Lê Quang Hoàng Vũ   |         |         |        |            | Vắng thi |
| <b>KHU VỰC MIỀN NAM</b> |             |                 |                     |         |         |        |            |          |
| 1                       | KV24B_311   | Thí sinh tự do  | Thái Nguyên Trung   | 100     | 62 (1)  | 80     | <b>242</b> |          |
| 2                       | KV24B_304   | Thí sinh tự do  | Từ Đình Nguyên      | 100 (1) | 68      | 40 (1) | <b>208</b> |          |
| 3                       | KV24B_239   | Bạc Liêu        | Lâm Gia Tài         | 100 (1) | 90 (3)  | 0      | <b>190</b> |          |
| 4                       | KV24B_290   | TP. Hồ Chí Minh | Nguyễn Khang Ninh   | 100 (9) | 90 (1)  | 0 (4)  | <b>190</b> |          |
| 5                       | KV24B_293   | TP. Hồ Chí Minh | Đỗ Thị Thanh Bình   | 100 (6) | 78 (11) | 0 (5)  | <b>178</b> |          |
| 6                       | KV24B_268   | Kiên Giang      | Hồ Chánh Nam        | 70      | 88 (2)  | 0      | <b>158</b> |          |
| 7                       | KV24B_292   | TP. Hồ Chí Minh | Nguyễn Chí Thanh    | 100     | 56 (2)  | 0      | <b>156</b> |          |
| 8                       | KV24B_309   | Thí sinh tự do  | Lâm Gia Phúc Nguyên | 100 (2) | 38      | 0      | <b>138</b> |          |
| 9                       | KV24B_303   | Thí sinh tự do  | Lê Minh Quân        | 60 (1)  | 78 (5)  | 0      | <b>138</b> |          |
| 10                      | KV24B_308   | Thí sinh tự do  | Phan Thành Hưng     | 42      | 90 (2)  | 0      | <b>132</b> |          |
| 11                      | KV24B_291   | TP. Hồ Chí Minh | Lê Trọng Bảo        | 30 (2)  | 100 (2) | 0 (1)  | <b>130</b> |          |
| 12                      | KV24B_283   | Tiền Giang      | Lê Hoài Anh         | 62 (6)  | 68 (1)  | 0 (1)  | <b>130</b> |          |
| 13                      | KV24B_262   | Đồng Tháp       | Lữ Hoài Thương      | 52      | 74 (1)  | 0      | <b>126</b> |          |
| 14                      | KV24B_260   | Đồng Nai        | Phạm Tiến Mạnh      | 30      | 90      | 0      | <b>120</b> |          |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị          | Họ và tên              | Bài 1  | Bài 2  | Bài 3  | Tổng       | Ghi chú |
|------|-------------|-----------------|------------------------|--------|--------|--------|------------|---------|
| 15   | KV24B_271   | Long An         | Cù Trần Tiến Phát      | 52     | 66     | 0 (3)  | <b>118</b> |         |
| 16   | KV24B_266   | Đồng Tháp       | Lữ Minh Triết          | 54 (1) | 62 (1) | 0 (12) | <b>116</b> |         |
| 17   | KV24B_299   | Vĩnh Long       | Nguyễn Gia Khiêm       | 54 (1) | 62 (3) | 0 (2)  | <b>116</b> |         |
| 18   | KV24B_265   | Đồng Tháp       | Nguyễn Thanh Khê       | 40 (1) | 70 (1) | 0 (1)  | <b>110</b> |         |
| 19   | KV24B_314   | Thí sinh tự do  | Nguyễn Thị Kim Ngân    | 30     | 76     | 0      | <b>106</b> |         |
| 20   | KV24B_301   | Thí sinh tự do  | Kiều Quang Huy         | 36 (1) | 70     | 0 (1)  | <b>106</b> |         |
| 21   | KV24B_243   | Bình Dương      | Đình Nguyễn An         | 40 (1) | 66 (3) | 0 (4)  | <b>106</b> |         |
| 22   | KV24B_285   | TP. Hồ Chí Minh | Cao Minh Quốc Thái     | 66     | 36 (3) | 0      | <b>102</b> |         |
| 23   | KV24B_261   | Đồng Nai        | Nguyễn Công Thành      | 44 (2) | 58 (6) | 0      | <b>102</b> |         |
| 24   | KV24B_240   | Bình Dương      | Nguyễn Lê Tấn          | 62     | 38     | 0      | <b>100</b> |         |
| 25   | KV24B_319   | Thí sinh tự do  | Phạm Quốc Thiện        | 60 (1) | 38     | 0      | <b>98</b>  |         |
| 26   | KV24B_300   | Thí sinh tự do  | Lê Phạm Bảo Duy        | 60 (3) | 38     | 0 (4)  | <b>98</b>  |         |
| 27   | KV24B_307   | Thí sinh tự do  | Võ Tấn Phát            | 60 (7) | 38 (1) | 0      | <b>98</b>  |         |
| 28   | KV24B_323   | Thí sinh tự do  | Nguyễn Cao Minh Tiến   | 40 (2) | 56 (4) | 0      | <b>96</b>  |         |
| 29   | KV24B_341   | Thí sinh tự do  | Phạm Nguyễn Thiên Phúc | 56 (5) | 38     | 0      | <b>94</b>  |         |
| 30   | KV24B_284   | Tiền Giang      | Đình Nguyên Khoa       | 30     | 62 (2) | 0 (1)  | <b>92</b>  |         |
| 31   | KV24B_251   | Cà Mau          | Phan Phúc Thuận        | 30     | 60 (1) | 0 (2)  | <b>90</b>  |         |
| 32   | KV24B_294   | TP. Hồ Chí Minh | Trương Thanh Thiên     | 52 (1) | 38     | 0      | <b>90</b>  |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị          | Họ và tên             | Bài 1  | Bài 2  | Bài 3  | Tổng      | Ghi chú |
|------|-------------|-----------------|-----------------------|--------|--------|--------|-----------|---------|
| 33   | KV24B_282   | Tiền Giang      | Nguyễn Ngô Thành Danh | 30     | 58 (2) | 0 (6)  | <b>88</b> |         |
| 34   | KV24B_242   | Bình Dương      | Lê Đức Huy            | 52 (3) | 30 (2) | 0 (21) | <b>82</b> |         |
| 35   | KV24B_289   | TP. Hồ Chí Minh | Nguyễn Vi Quân        | 30     | 50 (6) | 0      | <b>80</b> |         |
| 36   | KV24B_258   | Đồng Nai        | Hồ Bảo Phúc           | 40 (3) | 38     | 0 (1)  | <b>78</b> |         |
| 37   | KV24B_248   | Bình Thuận      | Lê Thanh Phong        | 40 (2) | 38 (1) | 0      | <b>78</b> |         |
| 38   | KV24B_320   | Thí sinh tự do  | Nguyễn Tấn Lộc        | 30     | 42 (3) | 0      | <b>72</b> |         |
| 39   | KV24B_310   | Thí sinh tự do  | Phan Trung Quân       | 30     | 42 (9) | 0      | <b>72</b> |         |
| 40   | KV24B_324   | Thí sinh tự do  | Đỗ Đức Minh           | 40     | 30     | 0 (2)  | <b>70</b> |         |
| 41   | KV24B_252   | Cần Thơ         | Huỳnh Quang Hạo       | 40 (2) | 30 (1) | 0      | <b>70</b> |         |
| 42   | KV24B_312   | Thí sinh tự do  | Bùi Minh Duy          | 30     | 38     | 0 (2)  | <b>68</b> |         |
| 43   | KV24B_247   | Bình Thuận      | Lê Nguyễn Thiên Phúc  | 30     | 38     | 0 (2)  | <b>68</b> |         |
| 44   | KV24B_287   | TP. Hồ Chí Minh | Hoàng Lê Quang Minh   | 30     | 38 (2) | 0 (1)  | <b>68</b> |         |
| 45   | KV24B_281   | Tiền Giang      | Võ Thị Huỳnh Như      | 30     | 38 (1) | 0      | <b>68</b> |         |
| 46   | KV24B_347   | Thí sinh tự do  | Lạc An Nguyên         | 30 (1) | 38 (4) | 0      | <b>68</b> |         |
| 47   | KV24B_272   | Long An         | Huỳnh Minh Lâm        | 30 (4) | 38     | 0      | <b>68</b> |         |
| 48   | KV24B_306   | Thí sinh tự do  | Lê Đỗ Thanh Phú       | 40 (4) | 26     | 0 (1)  | <b>66</b> |         |
| 49   | KV24B_335   | Thí sinh tự do  | Phạm Nguyễn Anh Khôi  | 30     | 32 (2) | 0      | <b>62</b> |         |
| 50   | KV24B_244   | Bình Dương      | Trần Việt Anh         | 40 (1) | 22 (4) | 0 (2)  | <b>62</b> |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên           | Bài 1   | Bài 2   | Bài 3  | Tổng      | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|---------------------|---------|---------|--------|-----------|---------|
| 51   | KV24B_356   | Thí sinh tự do | Vũ Phạm Quốc Thiên  | 40 (1)  | 22 (49) | 0 (85) | <b>62</b> |         |
| 52   | KV24B_270   | Long An        | Nguyễn Trọng Toàn   | 60      | 0 (2)   | 0 (8)  | <b>60</b> |         |
| 53   | KV24B_264   | Đồng Tháp      | Nguyễn Khôi Minh    | 40 (1)  | 20      | 0 (8)  | <b>60</b> |         |
| 54   | KV24B_302   | Thí sinh tự do | Tôn Thất Bảo Đạt    | 30      | 30 (3)  | 0      | <b>60</b> |         |
| 55   | KV24B_241   | Bình Dương     | Võ Minh Trí         | 24      | 30 (4)  | 0      | <b>54</b> |         |
| 56   | KV24B_351   | Thí sinh tự do | Võ Hoài Anh         | 30      | 20 (2)  | 0 (9)  | <b>50</b> |         |
| 57   | KV24B_246   | Bình Thuận     | Trần Thái Sơn       | 30      | 20 (2)  | 0 (13) | <b>50</b> |         |
| 58   | KV24B_344   | Thí sinh tự do | Mai Minh Nhật       | 30 (4)  | 20 (1)  | 0 (12) | <b>50</b> |         |
| 59   | KV24B_340   | Thí sinh tự do | Lê Nguyễn Đăng Khoa | 30      | 20      | 0 (1)  | <b>50</b> |         |
| 60   | KV24B_231   | An Giang       | Lê Gia Hân          | 34      | 16 (10) | 0 (1)  | <b>50</b> |         |
| 61   | KV24B_357   | Thí sinh tự do | Hoàng Vĩnh Khánh    | 4       | 44 (4)  | 0 (1)  | <b>48</b> |         |
| 62   | KV24B_253   | Cần Thơ        | Lê Phúc Minh        | 0       | 44 (7)  | 0 (1)  | <b>44</b> |         |
| 63   | KV24B_326   | Thí sinh tự do | Nguyễn Long         | 30 (1)  | 12 (1)  | 0 (32) | <b>42</b> |         |
| 64   | KV24B_322   | Thí sinh tự do | Văn Công Thuyên     | 36      | 6 (2)   | 0 (1)  | <b>42</b> |         |
| 65   | KV24B_256   | Cần Thơ        | Nguyễn Đức Huy      | 38      | 2 (2)   | 0      | <b>40</b> |         |
| 66   | KV24B_321   | Thí sinh tự do | Võ Đình Bảo         | 30      | 10 (3)  | 0      | <b>40</b> |         |
| 67   | KV24B_255   | Cần Thơ        | Mai Thành Luân      | 24      | 16      | 0 (1)  | <b>40</b> |         |
| 68   | KV24B_375   | Thí sinh tự do | Nguyễn Quang Anh    | 20 (16) | 20 (2)  | 0 (3)  | <b>40</b> |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị            | Họ và tên             | Bài 1  | Bài 2  | Bài 3  | Tổng      | Ghi chú |
|------|-------------|-------------------|-----------------------|--------|--------|--------|-----------|---------|
| 69   | KV24B_250   | Cà Mau            | Nguyễn Minh Khôi      | 38 (1) | 0      | 0 (6)  | <b>38</b> |         |
| 70   | KV24B_305   | Thí sinh tự do    | Huỳnh Huy Hoàng       | 30     | 8 (5)  | 0      | <b>38</b> |         |
| 71   | KV24B_232   | Bà Rịa - Vũng Tàu | Nguyễn Hữu Khương Duy | 30 (3) | 8      | 0 (5)  | <b>38</b> |         |
| 72   | KV24B_331   | Thí sinh tự do    | Lê Ngọc Trí Văn       | 6 (2)  | 32 (1) | 0      | <b>38</b> |         |
| 73   | KV24B_338   | Thí sinh tự do    | Nguyễn Hạo Nguyên     | 30     | 8 (5)  | 0      | <b>38</b> |         |
| 74   | KV24B_318   | Thí sinh tự do    | Phan Gia Khang        | 30 (2) | 8      | 0      | <b>38</b> |         |
| 75   | KV24B_328   | Thí sinh tự do    | Nguyễn Thành Phú      | 34 (1) | 0 (1)  | 0 (1)  | <b>34</b> |         |
| 76   | KV24B_233   | Bà Rịa - Vũng Tàu | Nguyễn Hải Đăng       | 30     | 4      | 0 (23) | <b>34</b> |         |
| 77   | KV24B_329   | Thí sinh tự do    | Nguyễn Hoàng Minh Huy | 30     | 4      | 0 (2)  | <b>34</b> |         |
| 78   | KV24B_259   | Đồng Nai          | Nguyễn Trọng Nhân     | 30     | 4 (1)  | 0      | <b>34</b> |         |
| 79   | KV24B_317   | Thí sinh tự do    | Đoàn Công Kiệt        | 30     | 4 (2)  | 0      | <b>34</b> |         |
| 80   | KV24B_274   | Long An           | Nguyễn Đăng Khoa      | 30     | 4 (1)  | 0      | <b>34</b> |         |
| 81   | KV24B_337   | Thí sinh tự do    | Trần Lê Minh Đức      | 30     | 4 (1)  | 0      | <b>34</b> |         |
| 82   | KV24B_342   | Thí sinh tự do    | Trần Chí Hiếu Thuận   | 20 (7) | 14 (1) | 0 (7)  | <b>34</b> |         |
| 83   | KV24B_234   | Bà Rịa - Vũng Tàu | Phạm Ngọc Thái Sơn    | 30     | 2      | 0      | <b>32</b> |         |
| 84   | KV24B_263   | Đồng Tháp         | Trần Quang Thuận      | 30     | 2      | 0 (4)  | <b>32</b> |         |
| 85   | KV24B_297   | Vĩnh Long         | Nguyễn Hoàng Phong    | 30 (2) | 2      | 0      | <b>32</b> |         |
| 86   | KV24B_298   | Vĩnh Long         | Trần Thế Nhân         | 30     | 0 (1)  | 0      | <b>30</b> |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị          | Họ và tên          | Bài 1  | Bài 2   | Bài 3  | Tổng      | Ghi chú |
|------|-------------|-----------------|--------------------|--------|---------|--------|-----------|---------|
| 87   | KV24B_275   | Sóc Trăng       | Lê Đình Hải Minh   | 30     | 0       | 0      | <b>30</b> |         |
| 88   | KV24B_280   | Tiền Giang      | Nguyễn Tấn Khang   | 0      | 30      | 0      | <b>30</b> |         |
| 89   | KV24B_267   | Hậu Giang       | Nguyễn Hữu Thịnh   | 30     | 0 (4)   | 0 (4)  | <b>30</b> |         |
| 90   | KV24B_286   | TP. Hồ Chí Minh | Lê Trần Nhật Nam   | 30 (1) | 0 (3)   | 0      | <b>30</b> |         |
| 91   | KV24B_254   | Cần Thơ         | Lê Khôi            | 0      | 30 (1)  | 0 (1)  | <b>30</b> |         |
| 92   | KV24B_257   | Đồng Nai        | Bùi Tiến Anh       | 30 (8) | 0 (2)   | 0      | <b>30</b> |         |
| 93   | KV24B_358   | Thí sinh tự do  | Đậu Đức Phúc       | 30 (2) | 0       | 0      | <b>30</b> |         |
| 94   | KV24B_345   | Thí sinh tự do  | Trần Vĩnh Huy      | 30     | 0       | 0      | <b>30</b> |         |
| 95   | KV24B_364   | Thí sinh tự do  | Đỗ Quang Phong     | 10     | 20      | 0 (2)  | <b>30</b> |         |
| 96   | KV24B_249   | Cà Mau          | Nguyễn Thiện Hoàng | 6 (1)  | 20 (11) | 0 (1)  | <b>26</b> |         |
| 97   | KV24B_332   | Thí sinh tự do  | Phạm Văn Hà        | 0      | 24 (1)  | 0 (1)  | <b>24</b> |         |
| 98   | KV24B_348   | Thí sinh tự do  | Lê Minh Đức        | 2 (6)  | 22      | 0 (14) | <b>24</b> |         |
| 99   | KV24B_245   | Bình Phước      | Trương Anh Quân    | 22 (2) | 0       | 0      | <b>22</b> |         |
| 100  | KV24B_336   | Thí sinh tự do  | Mai Ngọc Châu      | 2      | 20      | 0 (12) | <b>22</b> |         |
| 101  | KV24B_352   | Thí sinh tự do  | Trác Xuân Kiên     | 2      | 20      | 0 (4)  | <b>22</b> |         |
| 102  | KV24B_373   | Thí sinh tự do  | Nguyễn Hoàng Dũng  | 2 (1)  | 20 (2)  | 0      | <b>22</b> |         |
| 103  | KV24B_276   | Sóc Trăng       | Trần Đình Đàn      | 0      | 20      | 0      | <b>20</b> |         |
| 104  | KV24B_288   | TP. Hồ Chí Minh | Hoàng Văn Đức      | 6      | 14      | 0      | <b>20</b> |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên              | Bài 1  | Bài 2  | Bài 3  | Tổng      | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|------------------------|--------|--------|--------|-----------|---------|
| 105  | KV24B_346   | Thí sinh tự do | Nguyễn Minh Khôi       | 14     | 2 (2)  | 0 (6)  | <b>16</b> |         |
| 106  | KV24B_313   | Thí sinh tự do | Nguyễn Lý Tấn Phúc     | 14 (4) | 2      | 0      | <b>16</b> |         |
| 107  | KV24B_372   | Thí sinh tự do | Phạm Phi Hùng          | 0      | 10 (3) | 0      | <b>10</b> |         |
| 108  | KV24B_327   | Thí sinh tự do | Lê Quang Thanh         | 2      | 6 (1)  | 0 (3)  | <b>8</b>  |         |
| 109  | KV24B_325   | Thí sinh tự do | Trần Doãn Quân         | 8      | 0 (1)  | 0      | <b>8</b>  |         |
| 110  | KV24B_370   | Thí sinh tự do | Nguyễn Chí Phát        | 2 (3)  | 4      | 0 (6)  | <b>6</b>  |         |
| 111  | KV24B_339   | Thí sinh tự do | Nguyễn Minh Thiện      | 4 (1)  | 0      | 0      | <b>4</b>  |         |
| 112  | KV24B_269   | Kiên Giang     | Trần Nhật Ảnh          | 4      | 0      | 0      | <b>4</b>  |         |
| 113  | KV24B_235   | Bạc Liêu       | Lưu Gia Lợi            | 0      | 4      | 0 (3)  | <b>4</b>  |         |
| 114  | KV24B_296   | Trà Vinh       | Trương Đoàn Minh Nhựt  | 4      | 0      | 0      | <b>4</b>  |         |
| 115  | KV24B_277   | Sóc Trăng      | Dương Thời Thạnh       | 0 (4)  | 4 (1)  | 0 (5)  | <b>4</b>  |         |
| 116  | KV24B_315   | Thí sinh tự do | Trần Duy Minh          | 2 (3)  | 2 (3)  | 0 (1)  | <b>4</b>  |         |
| 117  | KV24B_354   | Thí sinh tự do | Nguyễn Huỳnh Minh Đăng | 2      | 0      | 0 (11) | <b>2</b>  |         |
| 118  | KV24B_369   | Thí sinh tự do | Võ Quang Huy           | 2      | 0 (1)  | 0      | <b>2</b>  |         |
| 119  | KV24B_355   | Thí sinh tự do | Trần Đức Nguyễn        | 2 (7)  | 0 (2)  | 0 (7)  | <b>2</b>  |         |
| 120  | KV24B_349   | Thí sinh tự do | Lê Nguyên Đăng Khoa    | 0 (1)  | 2      | 0 (10) | <b>2</b>  |         |
| 121  | KV24B_237   | Bạc Liêu       | Trần Minh Long         | 2      | 0 (1)  | 0 (1)  | <b>2</b>  |         |
| 122  | KV24B_330   | Thí sinh tự do | Nguyễn Hữu Hướng       | 2 (23) | 0      | 0      | <b>2</b>  |         |



| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên                | Bài 1 | Bài 2 | Bài 3 | Tổng     | Ghi chú  |
|------|-------------|----------------|--------------------------|-------|-------|-------|----------|----------|
| 123  | KV24B_377   | Thí sinh tự do | Phạm Thanh An            | 0     | 0     | 0     | <b>0</b> |          |
| 123  | KV24B_273   | Long An        | Trần Sỹ Ân               | 0 (2) | 0     | 0     | <b>0</b> |          |
| 123  | KV24B_236   | Bạc Liêu       | Lâm Xuân Bách            | 0     | 0     | 0     | <b>0</b> |          |
| 123  | KV24B_362   | Thí sinh tự do | Nguyễn Đức Gia Bảo       | 0     | 0     | 0     | <b>0</b> |          |
| 123  | KV24B_360   | Thí sinh tự do | Lê Nguyễn Huy Chương     | 0 (2) | 0 (1) | 0 (1) | <b>0</b> |          |
| 123  | KV24B_295   | Trà Vinh       | Kim Ngọc Duy             | 0 (1) | 0 (1) | 0 (3) | <b>0</b> |          |
| 123  | KV24B_365   | Thí sinh tự do | Nguyễn Đức Khang         | 0 (2) | 0     | 0     | <b>0</b> |          |
| 123  | KV24B_367   | Thí sinh tự do | Nguyễn Quang Trường Long | 0 (2) | 0 (1) | 0 (1) | <b>0</b> |          |
| 123  | KV24B_238   | Bạc Liêu       | Trần Trọng Nghĩa         | 0     | 0     | 0     | <b>0</b> |          |
| 123  | KV24B_278   | Tây Ninh       | Trang Hoàng Nhật Phi     | 0 (3) | 0 (5) | 0 (2) | <b>0</b> |          |
| 123  | KV24B_374   | Thí sinh tự do | Mai Phúc Thịnh           | 0     | 0 (3) | 0 (6) | <b>0</b> |          |
| 123  | KV24B_334   | Thí sinh tự do | Trần Minh Triết          | 0     | 0 (3) | 0     | <b>0</b> |          |
| 123  | KV24B_279   | Tây Ninh       | Trần Thiên Văn           | 0 (1) | 0     | 0     | <b>0</b> |          |
|      | KV24B_376   | Thí sinh tự do | Phạm Nguyễn Gia Bảo      |       |       |       |          | Vắng thi |
|      | KV24B_316   | Thí sinh tự do | Nguyễn Viết Khoa         |       |       |       |          | Vắng thi |
|      | KV24B_359   | Thí sinh tự do | Nguyễn Anh Khôi          |       |       |       |          | Vắng thi |
|      | KV24B_333   | Thí sinh tự do | Dụng Phan Hoàng Long     |       |       |       |          | Vắng thi |
|      | KV24B_350   | Thí sinh tự do | Lê Nguyễn Tuyết Minh     |       |       |       |          | Vắng thi |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên          | Bài 1 | Bài 2 | Bài 3 | Tổng | Ghi chú  |
|------|-------------|----------------|--------------------|-------|-------|-------|------|----------|
|      | KV24B_353   | Thí sinh tự do | Trần Hoàng Minh    |       |       |       |      | Vắng thi |
|      | KV24B_371   | Thí sinh tự do | Hoàng Minh Nhật    |       |       |       |      | Vắng thi |
|      | KV24B_343   | Thí sinh tự do | Thái Hoàng Sơn     |       |       |       |      | Vắng thi |
|      | KV24B_361   | Thí sinh tự do | Trần Phú Thịnh     |       |       |       |      | Vắng thi |
|      | KV24B_368   | Thí sinh tự do | Hà Gia Tiến        |       |       |       |      | Vắng thi |
|      | KV24B_363   | Thí sinh tự do | Nguyễn Minh Trường |       |       |       |      | Vắng thi |
|      | KV24B_366   | Thí sinh tự do | Phạm Quang Vũ      |       |       |       |      | Vắng thi |

*Danh sách gồm 377 thí sinh./.*

**KẾT QUẢ THI VÒNG KHU VỰC HỘI THI TIN HỌC TRẺ TOÀN QUỐC LẦN THỨ XXX, NĂM 2024**

(Kèm theo Thông báo số 111-TB/KHCN ngày 16/7/2024 của Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ)



**BẢNG C1: THI LẬP TRÌNH KHỐI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN**

| Hạng             | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên             | Bài 1   | Bài 2      | Bài 3   | Bài 4  | Tổng  | Ghi chú |
|------------------|-------------|----------------|-----------------------|---------|------------|---------|--------|-------|---------|
| KHU VỰC MIỀN BẮC |             |                |                       |         |            |         |        |       |         |
| 1                | KV24C1_020  | Thí sinh tự do | Nguyễn Bùi Đức Dũng   | 100 (4) | 72.500 (4) | 38 (3)  | 85 (6) | 295.5 |         |
| 2                | KV24C1_028  | Thí sinh tự do | Nguyễn Mạnh Hùng      | 100 (2) | 55 (7)     | 50 (6)  | 85 (8) | 290   |         |
|                  |             |                | Lê Anh Trí            |         |            |         |        |       |         |
| 3                | KV24C1_010  | Hà Nội         | Lê Trọng Khôi         | 100 (2) | 50         | 50 (1)  | 83 (2) | 283   |         |
|                  |             |                | Giang Trung Minh Đức  |         |            |         |        |       |         |
| 4                | KV24C1_008  | Hà Nội         | Lê Nguyễn Quốc Bình   | 50 (2)  | 50 (1)     | 100 (2) | 70 (1) | 270   |         |
|                  |             |                | Nguyễn Hồng Sơn       |         |            |         |        |       |         |
| 5                | KV24C1_012  | Hải Dương      | Nguyễn Hải An         | 100 (1) | 50         | 50      | 69     | 269   |         |
|                  |             |                | Đỗ Mạnh Hiệp          |         |            |         |        |       |         |
| 6                | KV24C1_034  | Thí sinh tự do | Chu Văn Khánh         | 100 (2) | 100        | 32      | 37     | 269   |         |
|                  |             |                | Nguyễn Trần Mạnh Dũng |         |            |         |        |       |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên             | Bài 1   | Bài 2   | Bài 3  | Bài 4  | Tổng | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|-----------------------|---------|---------|--------|--------|------|---------|
| 7    | KV24C1_007  | Hà Nội         | Nguyễn Minh Tuấn      | 100 (3) | 50      | 36 (2) | 82     | 268  |         |
|      |             |                | Phạm Vũ Đăng          |         |         |        |        |      |         |
| 8    | KV24C1_023  | Thí sinh tự do | Lê Minh Hoàng         | 50 (2)  | 100     | 34     | 75 (5) | 259  |         |
|      |             |                | Phan Minh             |         |         |        |        |      |         |
| 9    | KV24C1_031  | Thí sinh tự do | Nguyễn Tiến Phú Khang | 100 (4) | 50      | 48     | 45     | 243  |         |
|      |             |                | Bùi Quang Nguyên      |         |         |        |        |      |         |
| 10   | KV24C1_006  | Hà Nội         | Nguyễn Lê Tuấn Tú     | 50 (3)  | 100     | 40     | 49 (3) | 239  |         |
|      |             |                | Nguyễn Hải Nam        |         |         |        |        |      |         |
| 11   | KV24C1_019  | Thí sinh tự do | Hoàng Tiến Phát       | 50 (2)  | 50      | 50 (3) | 82     | 232  |         |
|      |             |                | Nguyễn Tường Duy      |         |         |        |        |      |         |
| 12   | KV24C1_040  | Thí sinh tự do | Hồ Văn Tuấn Hưng      | 100 (7) | 50 (2)  | 34     | 45     | 229  |         |
|      |             |                | Đỗ Trung Hiếu         |         |         |        |        |      |         |
| 13   | KV24C1_003  | Bắc Ninh       | Nguyễn Thế Việt       | 100 (2) | 50      | 0      | 45     | 195  |         |
|      |             |                | Nguyễn Thế Việt Anh   |         |         |        |        |      |         |
| 14   | KV24C1_025  | Thí sinh tự do | Hoàng Dương           | 50 (5)  | 10 (16) | 42 (1) | 85     | 187  |         |
|      |             |                | Đàm Nữ Tuệ Minh       |         |         |        |        |      |         |
| 15   | KV24C1_022  | Thí sinh tự do | Nguyễn Văn Khuê       | 50 (21) | 50 (5)  | 36     | 44 (5) | 180  |         |
|      |             |                | Đỗ Phúc An Nguyên     |         |         |        |        |      |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên              | Bài 1   | Bài 2      | Bài 3  | Bài 4  | Tổng  | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|------------------------|---------|------------|--------|--------|-------|---------|
| 16   | KV24C1_045  | Thí sinh tự do | Trần Quốc Khánh        | 50 (3)  | 50         | 36     | 33 (1) | 169   |         |
| 17   | KV24C1_001  | Bắc Giang      | Thân Đăng Khôi         | 50 (3)  | 0          | 34 (1) | 84 (2) | 168   |         |
|      |             |                | Đỗ Thị Ngọc Hà         |         |            |        |        |       |         |
| 18   | KV24C1_033  | Thí sinh tự do | Nguyễn Đại Khang       | 50 (1)  | 0          | 30     | 76     | 156   |         |
| 19   | KV24C1_035  | Thí sinh tự do | Lưu Phúc Vinh          | 50 (4)  | 50 (3)     | 50 (2) | 3      | 153   |         |
|      |             |                | Nguyễn Minh Đức        |         |            |        |        |       |         |
| 20   | KV24C1_009  | Hà Nội         | Phạm Nguyễn Đăng Huy   | 20 (1)  | 37.5       | 50     | 45     | 152.5 |         |
|      |             |                | Trần Thuận Hiếu        |         |            |        |        |       |         |
| 21   | KV24C1_026  | Thí sinh tự do | Hoàng Minh Quân        | 30      | 37.500 (2) | 38 (1) | 47     | 152.5 |         |
| 22   | KV24C1_037  | Thí sinh tự do | Tạ Hữu Dương           | 50 (2)  | 50         | 6      | 45     | 151   |         |
| 23   | KV24C1_044  | Thí sinh tự do | Phạm Trọng Hiếu        | 30 (2)  | 42.5       | 34 (3) | 44     | 150.5 |         |
|      |             |                | Điền Hải Đăng          |         |            |        |        |       |         |
| 24   | KV24C1_029  | Thí sinh tự do | Phạm Nam Khánh         | 50 (13) | 50         | 8 (1)  | 41     | 149   |         |
|      |             |                | Phạm Minh Sơn          |         |            |        |        |       |         |
| 25   | KV24C1_048  | Thí sinh tự do | Vũ Thành Gia           | 20      | 50 (1)     | 30     | 45 (1) | 145   |         |
|      |             |                | Ngô Nhật Minh          |         |            |        |        |       |         |
| 26   | KV24C1_011  | Hải Dương      | Nguyễn Thị Phương Thảo | 50 (9)  | 10         | 36     | 45 (1) | 141   |         |
|      |             |                | Lưu Hải Đăng           |         |            |        |        |       |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên            | Bài 1   | Bài 2  | Bài 3  | Bài 4  | Tổng | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|----------------------|---------|--------|--------|--------|------|---------|
| 27   | KV24C1_046  | Thí sinh tự do | Vũ Đức Minh          | 20      | 50 (3) | 36 (2) | 29     | 135  |         |
|      |             |                | Nguyễn Thành Long    |         |        |        |        |      |         |
| 28   | KV24C1_015  | Ninh Bình      | Bùi Tùng Linh        | 50      | 50     | 0      | 22     | 122  |         |
|      |             |                | Tạ Minh Hiếu         |         |        |        |        |      |         |
| 29   | KV24C1_032  | Thí sinh tự do | Phạm Gia Minh        | 50 (1)  | 20 (4) | 0      | 44     | 114  |         |
|      |             |                | Nguyễn Cao Gia Minh  |         |        |        |        |      |         |
| 30   | KV24C1_038  | Thí sinh tự do | Nguyễn Đăng Tùng Lâm | 50      | 50     | 12     | 0 (2)  | 112  |         |
|      |             |                | Trần Đức Minh        |         |        |        |        |      |         |
| 31   | KV24C1_036  | Thí sinh tự do | Nguyễn Lê Trung      | 20      | 0 (2)  | 42 (2) | 43     | 105  |         |
| 32   | KV24C1_017  | Thái Bình      | Nguyễn Hoàng Minh    | 20 (3)  | 50     | 32     | 0      | 102  |         |
|      |             |                | Trần Năng Phúc       |         |        |        |        |      |         |
| 33   | KV24C1_014  | Hưng Yên       | Nguyễn Doãn Duy Hưng | 100 (3) | 0      | 0 (1)  | 0      | 100  |         |
|      |             |                | Vũ Khôi Nguyên       |         |        |        |        |      |         |
| 34   | KV24C1_027  | Thí sinh tự do | Nguyễn Nam Anh       | 50 (5)  | 15     | 0      | 35 (2) | 100  |         |
| 35   | KV24C1_004  | Hà Nam         | Đỗ Thành Trọng       | 0       | 50     | 0      | 46     | 96   |         |
|      |             |                | Nguyễn Đức Tuệ       |         |        |        |        |      |         |
| 36   | KV24C1_013  | Hưng Yên       | Đoàn Đại Dương       | 50 (2)  | 0      | 0      | 45     | 95   |         |
|      |             |                | Nguyễn Trí Đại       |         |        |        |        |      |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên          | Bài 1  | Bài 2      | Bài 3 | Bài 4  | Tổng | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|--------------------|--------|------------|-------|--------|------|---------|
| 37   | KV24C1_016  | Thái Bình      | Phí Hoàng Giang    | 0 (2)  | 50         | 0 (1) | 45 (3) | 95   |         |
|      |             |                | Phạm Đình Tuấn Anh |        |            |       |        |      |         |
| 38   | KV24C1_002  | Bắc Giang      | Hoàng Văn Trà      | 50 (1) | 0          | 0     | 45 (4) | 95   |         |
|      |             |                | Nguyễn Anh Tuấn    |        |            |       |        |      |         |
| 39   | KV24C1_047  | Thí sinh tự do | Phạm Đức Minh      | 20     | 20         | 0     | 39     | 79   |         |
|      |             |                | Nguyễn Danh Quang  |        |            |       |        |      |         |
| 40   | KV24C1_030  | Thí sinh tự do | Phùng Khôi         | 50 (3) | 27.5       | 0     | 0      | 77.5 |         |
|      |             |                | Nguyễn Hữu Nguyên  |        |            |       |        |      |         |
| 41   | KV24C1_043  | Thí sinh tự do | Lưu Gia Huy        | 20     | 25 (1)     | 32    | 0      | 77   |         |
| 42   | KV24C1_021  | Thí sinh tự do | Lã Huy Hoàng       | 50     | 25 (3)     | 0     | 0      | 75   |         |
|      |             |                | Tạ Minh Hiếu       |        |            |       |        |      |         |
| 43   | KV24C1_005  | Hà Nội         | Nguyễn Tiến Đạt    | 20     | 42.500 (1) | 0     | 0      | 62.5 |         |
| 44   | KV24C1_042  | Thí sinh tự do | Đặng Đông Hưng     | 50     | 5 (4)      | 4     | 0      | 59   |         |
| 45   | KV24C1_024  | Thí sinh tự do | Hoàng Đình Hồng    | 50 (6) | 7.500 (3)  | 0     | 1 (6)  | 58.5 |         |
|      |             |                | Nguyễn Trung Hải   |        |            |       |        |      |         |
| 46   | KV24C1_041  | Thí sinh tự do | Phan Lê Nguyên Bảo | 0 (1)  | 15 (1)     | 2     | 30     | 47   |         |
| 47   | KV24C1_018  | Yên Bái        | Nguyễn Xuân Mạnh   | 20     | 0 (1)      | 0     | 0      | 20   |         |
|      |             |                | Đặng Quang Minh    |        |            |       |        |      |         |

| Hạng               | Số báo danh | Đơn vị           | Họ và tên             | Bài 1   | Bài 2   | Bài 3  | Bài 4  | Tổng | Ghi chú  |
|--------------------|-------------|------------------|-----------------------|---------|---------|--------|--------|------|----------|
| 48                 | KV24C1_039  | Thí sinh tự do   | Mai Hà Dũng           |         |         |        |        |      | Vắng thi |
|                    |             |                  | Đào Nhật Minh         |         |         |        |        |      |          |
| KHU VỰC MIỀN TRUNG |             |                  |                       |         |         |        |        |      |          |
| 1                  | KV24C1_078  | Thí sinh tự do   | Lê Tùng Sơn           | 100     | 50 (1)  | 100    | 64     | 314  |          |
|                    |             |                  | Trần Tuấn Anh         |         |         |        |        |      |          |
| 2                  | KV24C1_054  | Đà Nẵng          | Huỳnh Ngọc Nhân       | 100 (4) | 100 (3) | 50 (1) | 60     | 310  |          |
|                    |             |                  | Nguyễn Phú Nhân       |         |         |        |        |      |          |
| 3                  | KV24C1_055  | Đà Nẵng          | Nguyễn Hữu Nhật Quang | 100 (1) | 100 (2) | 34     | 56 (3) | 290  |          |
|                    |             |                  | Thiều Nguyễn Huy      |         |         |        |        |      |          |
| 4                  | KV24C1_049  | Bình Định        | Trịnh Khánh Dũng      | 100 (4) | 50      | 50     | 86 (1) | 286  |          |
|                    |             |                  | Trần Anh Thi          |         |         |        |        |      |          |
| 5                  | KV24C1_084  | Thí sinh tự do   | Ngô Tuấn Hiệp         | 50      | 100 (2) | 48 (3) | 85 (2) | 283  |          |
|                    |             |                  | Trần Hải Đăng         |         |         |        |        |      |          |
| 6                  | KV24C1_079  | Thí sinh tự do   | Lê Quốc Khánh         | 100 (3) | 50      | 34     | 68 (2) | 252  |          |
| 7                  | KV24C1_070  | Quảng Bình       | Phan Thanh Đạt        | 100     | 55 (7)  | 50 (2) | 46     | 251  |          |
|                    |             |                  | Võ Ngọc Sinh          |         |         |        |        |      |          |
| 8                  | KV24C1_074  | Thừa Thiên - Huế | Nguyễn Nguyễn Gia Bảo | 100 (3) | 50 (2)  | 50     | 46     | 246  |          |
|                    |             |                  | Nguyễn Tấn Minh       |         |         |        |        |      |          |



| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên          | Bài 1   | Bài 2  | Bài 3  | Bài 4  | Tổng  | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|--------------------|---------|--------|--------|--------|-------|---------|
| 9    | KV24C1_083  | Thí sinh tự do | Cao Khắc Mạnh      | 100 (2) | 50 (2) | 50     | 45     | 245   |         |
|      |             |                | Trần Đăng Quang    |         |        |        |        |       |         |
| 10   | KV24C1_066  | Ninh Thuận     | Võ Văn Đạt         | 50      | 50 (1) | 50     | 85 (1) | 235   |         |
| 11   | KV24C1_056  | Gia Lai        | Nguyễn Đăng Khang  | 50 (2)  | 50     | 50     | 84     | 234   |         |
| 12   | KV24C1_075  | Thí sinh tự do | Thái Văn Gia Kiên  | 100 (1) | 50     | 38     | 44     | 232   |         |
|      |             |                | Phạm Công Đức Minh |         |        |        |        |       |         |
| 13   | KV24C1_071  | Quảng Nam      | Trương Thành Danh  | 50 (2)  | 50     | 50 (1) | 77 (2) | 227   |         |
|      |             |                | Nguyễn Quốc Triệu  |         |        |        |        |       |         |
| 14   | KV24C1_050  | Đà Nẵng        | Nguyễn Ngọc Minh   | 100 (1) | 50 (1) | 0      | 72     | 222   |         |
|      |             |                | Trần Hoàng Nguyên  |         |        |        |        |       |         |
| 15   | KV24C1_062  | Lâm Đồng       | Sử Trường Giang    | 50 (1)  | 50     | 36     | 85     | 221   |         |
|      |             |                | Hoàng Đức Huy      |         |        |        |        |       |         |
| 16   | KV24C1_051  | Đà Nẵng        | Phan Huy Khang     | 100 (2) | 50 (2) | 50 (3) | 0      | 200   |         |
|      |             |                | Dương Quốc Tuấn    |         |        |        |        |       |         |
| 17   | KV24C1_089  | Thí sinh tự do | Nguyễn Cao Đức     | 50 (1)  | 50     | 34     | 60 (2) | 194   |         |
|      |             |                | Tô Nguyễn Đức Bằng |         |        |        |        |       |         |
| 18   | KV24C1_094  | Thí sinh tự do | Lâu Ngọc Bảo       | 50 (2)  | 47.5   | 40     | 45     | 182.5 |         |
| 19   | KV24C1_095  | Thí sinh tự do | Lê Minh Lộc        | 50 (5)  | 45     | 0      | 82 (5) | 177   |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên           | Bài 1  | Bài 2  | Bài 3  | Bài 4  | Tổng | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|---------------------|--------|--------|--------|--------|------|---------|
| 20   | KV24C1_076  | Thí sinh tự do | Nguyễn Đình Tài     | 30     | 50 (4) | 50     | 44     | 174  |         |
| 21   | KV24C1_064  | Nghệ An        | Nguyễn Việt Nam     | 50 (1) | 50     | 24     | 46     | 170  |         |
|      |             |                | Văn Bảo Anh         |        |        |        |        |      |         |
| 22   | KV24C1_090  | Thí sinh tự do | Hoàng Mạnh Linh     | 30 (1) | 50     | 32 (1) | 46     | 158  |         |
| 23   | KV24C1_098  | Thí sinh tự do | Phan Thành Nhân     | 30     | 50     | 0      | 71     | 151  |         |
|      |             |                | Trần Văn Khoa       |        |        |        |        |      |         |
| 24   | KV24C1_091  | Thí sinh tự do | Nguyễn Quang Lý     | 20     | 50     | 34     | 45     | 149  |         |
| 25   | KV24C1_067  | Phú Yên        | Võ Hữu Nhân         | 20     | 50     | 0      | 71 (4) | 141  |         |
|      |             |                | Nguyễn Thanh Thuyền |        |        |        |        |      |         |
| 26   | KV24C1_069  | Quảng Bình     | Nguyễn Khắc Trung   | 50 (3) | 0 (4)  | 50 (1) | 40     | 140  |         |
|      |             |                | Trần Huy Hoàng      |        |        |        |        |      |         |
| 27   | KV24C1_077  | Thí sinh tự do | Võ Nguyễn Anh Quân  | 50     | 0 (2)  | 42     | 46     | 138  |         |
|      |             |                | Trần Minh Triết     |        |        |        |        |      |         |
| 28   | KV24C1_086  | Thí sinh tự do | Phan Anh Tuấn       | 50     | 50     | 34     | 0      | 134  |         |
|      |             |                | Lưu Minh Hiếu       |        |        |        |        |      |         |
| 29   | KV24C1_085  | Thí sinh tự do | Trần Việt Hưng      | 50 (2) | 0 (1)  | 36 (2) | 46     | 132  |         |
|      |             |                | Phạm Đức Minh       |        |        |        |        |      |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên            | Bài 1   | Bài 2  | Bài 3  | Bài 4  | Tổng  | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|----------------------|---------|--------|--------|--------|-------|---------|
| 30   | KV24C1_072  | Quảng Nam      | Trịnh Văn Tuấn       | 20 (1)  | 27.5   | 34 (2) | 49     | 130.5 |         |
|      |             |                | Đỗ Phú Quang         |         |        |        |        |       |         |
| 31   | KV24C1_088  | Thí sinh tự do | Hoàng Mạnh Hùng      | 100 (3) | 27.5   | 0      | 0      | 127.5 |         |
| 32   | KV24C1_058  | Khánh Hòa      | Nguyễn Khánh Tài     | 50 (5)  | 0 (2)  | 30     | 43     | 123   |         |
|      |             |                | Huỳnh Trung Cường    |         |        |        |        |       |         |
| 33   | KV24C1_060  | Lâm Đồng       | Vũ Ngọc Bình An      | 0 (3)   | 50     | 38 (3) | 34 (3) | 122   |         |
|      |             |                | Trần Công Lợi        |         |        |        |        |       |         |
| 34   | KV24C1_080  | Thí sinh tự do | Nguyễn Lê Gia Huy    | 50      | 25     | 0      | 41     | 116   |         |
|      |             |                | Kiều Văn Đạt         |         |        |        |        |       |         |
| 35   | KV24C1_059  | Kon Tum        | Nguyễn Hồ Vĩnh Khang | 50 (2)  | 20 (2) | 0      | 45     | 115   |         |
|      |             |                | Hồ Văn Thế           |         |        |        |        |       |         |
| 36   | KV24C1_068  | Phú Yên        | Trần Nhật An         | 20      | 50     | 0 (2)  | 42 (1) | 112   |         |
|      |             |                | Nguyễn Lê Khánh Toàn |         |        |        |        |       |         |
| 37   | KV24C1_061  | Lâm Đồng       | Quách Minh Quân      | 50      | 50     | 0      | 12     | 112   |         |
|      |             |                | Nguyễn Chí Kiên      |         |        |        |        |       |         |
| 38   | KV24C1_065  | Nghệ An        | Hồ Hữu Bảo Vũ        | 100 (3) | 0 (1)  | 6 (1)  | 0      | 106   |         |
|      |             |                | Nguyễn Lê Huy Hoàng  |         |        |        |        |       |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên              | Bài 1  | Bài 2 | Bài 3  | Bài 4  | Tổng | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|------------------------|--------|-------|--------|--------|------|---------|
| 39   | KV24C1_063  | Nghệ An        | Vương Viết Lượng       | 20     | 50    | 36 (1) | 0      | 106  |         |
|      |             |                | Nguyễn Diên Thiện Nhân |        |       |        |        |      |         |
| 40   | KV24C1_082  | Thí sinh tự do | Phan Đình Triết        | 0      | 50    | 0      | 46     | 96   |         |
|      |             |                | Lê Anh Tú              |        |       |        |        |      |         |
| 41   | KV24C1_100  | Thí sinh tự do | Nguyễn Đăng Huy        | 0 (11) | 27.5  | 0      | 48     | 75.5 |         |
|      |             |                | Đặng Phúc Hiếu         |        |       |        |        |      |         |
| 42   | KV24C1_096  | Thí sinh tự do | Nguyễn Cửu Chí Bảo     | 30 (3) | 0 (1) | 0      | 45     | 75   |         |
|      |             |                | Nguyễn Trọng Nguyễn    |        |       |        |        |      |         |
| 43   | KV24C1_097  | Thí sinh tự do | Nguyễn Trung Hiếu      | 20 (1) | 50    | 0 (1)  | 0      | 70   |         |
| 44   | KV24C1_102  | Thí sinh tự do | Lê Hoàng Công Quốc     | 20     | 30    | 4      | 0      | 54   |         |
|      |             |                | Nguyễn Văn Tài         |        |       |        |        |      |         |
| 45   | KV24C1_093  | Thí sinh tự do | Võ Tiến Tường          | 0 (4)  | 50    | 0 (2)  | 0      | 50   |         |
|      |             |                | Trần Ngọc Tân          |        |       |        |        |      |         |
| 46   | KV24C1_99   | Thí sinh tự do | Nguyễn Công Khải       | 0 (2)  | 0     | 2      | 47 (4) | 49   |         |
| 47   | KV24C1_052  | Đà Nẵng        | Trịnh Hoàng Kiên       | 30     | 0     | 0      | 14     | 44   |         |
|      |             |                | Lê Đức Chính           |        |       |        |        |      |         |
| 48   | KV24C1_103  | Thí sinh tự do | Hà Bảo Khang           | 0 (3)  | 0     | 0      | 0      | 0    |         |

| Hạng                    | Số báo danh | Đơn vị          | Họ và tên             | Bài 1   | Bài 2   | Bài 3  | Bài 4  | Tổng | Ghi chú  |
|-------------------------|-------------|-----------------|-----------------------|---------|---------|--------|--------|------|----------|
| 48                      | KV24C1_057  | Hà Tĩnh         | Đào Nhật Tân          | 0 (10)  | 0 (2)   | 0      | 0      | 0    |          |
|                         |             |                 | Nguyễn Văn Sơn        |         |         |        |        |      |          |
|                         | KV24C1_053  | Đà Nẵng         | Huỳnh Bá Hoài An      |         |         |        |        |      | Vắng thi |
|                         |             |                 | Nguyễn Viết Thành Đạt |         |         |        |        |      |          |
|                         | KV24C1_087  | Thí sinh tự do  | Nguyễn Thanh Minh     |         |         |        |        |      | Vắng thi |
|                         |             |                 | Trần Kim Nhật         |         |         |        |        |      |          |
|                         | KV24C1_092  | Thí sinh tự do  | Phạm Vũ Phương        |         |         |        |        |      | Vắng thi |
|                         |             |                 | Nguyễn Hoàng Long     |         |         |        |        |      |          |
|                         | KV24C1_101  | Thí sinh tự do  | Mai Văn Quyết         |         |         |        |        |      | Vắng thi |
|                         | KV24C1_081  | Thí sinh tự do  | Nguyễn Ngọc Bảo Toàn  |         |         |        |        |      | Vắng thi |
|                         |             |                 | Nguyễn Thành Phú      |         |         |        |        |      |          |
|                         | KV24C1_073  | Thanh Hóa       | Trịnh Thế Tùng        |         |         |        |        |      | Vắng thi |
|                         |             |                 | Nguyễn Tiến Thành     |         |         |        |        |      |          |
|                         | KV24C1_091  | Thí sinh tự do  | Bùi Châu Thanh Triều  |         |         |        |        |      | Vắng thi |
| <b>KHU VỰC MIỀN NAM</b> |             |                 |                       |         |         |        |        |      |          |
| 1                       | KV24C1_140  | TP. Hồ Chí Minh | Dương Hoàng Long      | 100 (9) | 100 (4) | 50     | 86     | 336  |          |
|                         |             |                 | Hồ Trọng Bình         |         |         |        |        |      |          |
| 2                       | KV24C1_142  | TP. Hồ Chí Minh | Lê Viết Nam Khôi      | 100 (2) | 100 (2) | 50 (3) | 86 (8) | 336  |          |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị          | Họ và tên          | Bài 1   | Bài 2   | Bài 3  | Bài 4   | Tổng | Ghi chú |
|------|-------------|-----------------|--------------------|---------|---------|--------|---------|------|---------|
| 3    | KV24C1_123  | Đồng Nai        | Lê Chí Hưng        | 100     | 100 (1) | 50 (1) | 85 (1)  | 335  |         |
|      |             |                 | Phạm Hữu Nam       |         |         |        |         |      |         |
| 4    | KV24C1_144  | TP. Hồ Chí Minh | Hoàng Phương       | 100     | 50      | 50 (7) | 86 (4)  | 286  |         |
|      |             |                 | Nguyễn Tấn Minh    |         |         |        |         |      |         |
| 5    | KV24C1_121  | Cần Thơ         | Võ Quốc Thịnh      | 100 (2) | 50 (2)  | 50     | 83 (4)  | 283  |         |
|      |             |                 | Bùi Quang Anh      |         |         |        |         |      |         |
| 6    | KV24C1_104  | An Giang        | Hồ Quang Minh      | 100 (4) | 50      | 50     | 82      | 282  |         |
|      |             |                 | Trang Tín Nhiệm    |         |         |        |         |      |         |
| 7    | KV24C1_143  | TP. Hồ Chí Minh | Dương Kiến Khải    | 100 (3) | 50      | 34     | 97      | 281  |         |
|      |             |                 | Lê Nguyễn Hữu An   |         |         |        |         |      |         |
| 8    | KV24C1_161  | Thí sinh tự do  | Đặng Phú Duy       | 100 (3) | 55 (7)  | 50     | 60 (11) | 265  |         |
|      |             |                 | Mai Quốc Anh       |         |         |        |         |      |         |
| 9    | KV24C1_152  | Thí sinh tự do  | Nguyễn Trọng Tiến  | 100 (1) | 70 (5)  | 50     | 38 (1)  | 258  |         |
|      |             |                 | Vương Quốc Huy     |         |         |        |         |      |         |
| 10   | KV24C1_149  | Thí sinh tự do  | Lê Trung Minh Nhật | 100 (1) | 50      | 50 (1) | 46 (1)  | 246  |         |
|      |             |                 | Nguyễn Tuấn Nguyễn |         |         |        |         |      |         |
| 11   | KV24C1_124  | Đồng Nai        | Cao Quảng Hưng     | 50 (5)  | 50      | 50 (2) | 85 (4)  | 235  |         |
|      |             |                 | Phạm Huy Khánh     |         |         |        |         |      |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị            | Họ và tên              | Bài 1   | Bài 2      | Bài 3  | Bài 4  | Tổng  | Ghi chú |
|------|-------------|-------------------|------------------------|---------|------------|--------|--------|-------|---------|
| 12   | KV24C1_115  | Bình Phước        | Trần Quang Trường      | 50 (1)  | 50         | 50     | 69     | 219   |         |
|      |             |                   | Trần Văn Tấn Khôi      |         |            |        |        |       |         |
| 13   | KV24C1_106  | Bà Rịa - Vũng Tàu | Lê Hữu Hòa             | 30      | 50         | 50 (1) | 76 (4) | 206   |         |
|      |             |                   | Đặng Quốc Trung        |         |            |        |        |       |         |
| 14   | KV24C1_151  | Thí sinh tự do    | Võ Tấn Bảo             | 50 (2)  | 50         | 34     | 69 (4) | 203   |         |
|      |             |                   | Lê Lâm                 |         |            |        |        |       |         |
| 15   | KV24C1_119  | Cần Thơ           | Trịnh Minh Quang       | 50 (1)  | 50         | 50     | 46     | 196   |         |
|      |             |                   | Nguyễn Ngọc Nhựt       |         |            |        |        |       |         |
| 16   | KV24C1_160  | Thí sinh tự do    | Võ Minh Long           | 50 (7)  | 50         | 0 (1)  | 82     | 182   |         |
|      |             |                   | Lê Gia Phúc            |         |            |        |        |       |         |
| 17   | KV24C1_156  | Thí sinh tự do    | Đỗ Đăng Khoa           | 50      | 50 (7)     | 36     | 46     | 182   |         |
|      |             |                   | Nguyễn Xuân Thái       |         |            |        |        |       |         |
| 18   | KV24C1_114  | Bình Phước        | Nguyễn Hoàng Anh       | 50 (2)  | 50 (1)     | 34 (2) | 46 (1) | 180   |         |
|      |             |                   | Phan Anh Vũ            |         |            |        |        |       |         |
| 19   | KV24C1_157  | Thí sinh tự do    | Nguyễn Tăng Quốc Thịnh | 100 (2) | 0          | 0      | 78 (2) | 178   |         |
|      |             |                   | Tất Huy Minh           |         |            |        |        |       |         |
| 20   | KV24C1_105  | Bà Rịa - Vũng Tàu | Ngô Thảo Anh           | 50 (2)  | 32.500 (1) | 48     | 45 (1) | 175.5 |         |
|      |             |                   | Nguyễn Quang Tân Thanh |         |            |        |        |       |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị          | Họ và tên             | Bài 1   | Bài 2      | Bài 3  | Bài 4  | Tổng  | Ghi chú |
|------|-------------|-----------------|-----------------------|---------|------------|--------|--------|-------|---------|
| 21   | KV24C1_138  | Tiền Giang      | Nguyễn Đăng Khoa      | 50 (4)  | 47.5       | 32 (3) | 45     | 174.5 |         |
|      |             |                 | Nguyễn Duy Khang      |         |            |        |        |       |         |
| 22   | KV24C1_141  | TP. Hồ Chí Minh | Vũ Gia Bảo            | 50 (1)  | 27.500 (1) | 50 (3) | 46     | 173.5 |         |
|      |             |                 | Châu Tấn Phát         |         |            |        |        |       |         |
| 23   | KV24C1_146  | Trà Vinh        | Hứa Phước Duy         | 20 (1)  | 50         | 34     | 69 (3) | 173   |         |
|      |             |                 | Võ Dương Phương Nhi   |         |            |        |        |       |         |
| 24   | KV24C1_112  | Bình Dương      | Nguyễn Mạnh Hùng      | 50 (6)  | 50         | 0 (1)  | 72 (3) | 172   |         |
|      |             |                 | Bùi Đình Lộc          |         |            |        |        |       |         |
| 25   | KV24C1_159  | Thí sinh tự do  | Phùng Quang Thắng     | 50      | 0 (2)      | 34 (3) | 84 (6) | 168   |         |
| 26   | KV24C1_164  | Thí sinh tự do  | Nguyễn Thái Bảo       | 50 (4)  | 27.5       | 42 (2) | 44 (1) | 163.5 |         |
| 27   | KV24C1_150  | Thí sinh tự do  | Ngô Xuân Toàn         | 0 (3)   | 50         | 34 (1) | 72 (3) | 156   |         |
| 28   | KV24C1_111  | Bình Dương      | Nguyễn Thành Tài      | 100 (9) | 50 (9)     | 2      | 0 (1)  | 152   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Thanh Hưng     |         |            |        |        |       |         |
| 29   | KV24C1_122  | Đồng Nai        | Phùng Ngọc Nguyên Đức | 30 (2)  | 57.5       | 18     | 46     | 151.5 |         |
|      |             |                 | Bùi Viết Thành        |         |            |        |        |       |         |
| 30   | KV24C1_167  | Thí sinh tự do  | Phạm Minh Huy         | 100 (4) | 0          | 50 (2) | 0      | 150   |         |
|      |             |                 | Đặng Thành Nghĩa      |         |            |        |        |       |         |



| Hạng | Số báo danh | Đơn vị            | Họ và tên            | Bài 1  | Bài 2 | Bài 3  | Bài 4  | Tổng       | Ghi chú |
|------|-------------|-------------------|----------------------|--------|-------|--------|--------|------------|---------|
| 31   | KV24C1_133  | Long An           | Bùi Tuấn Anh         | 50 (5) | 50    | 0      | 50 (4) | <b>150</b> |         |
|      |             |                   | Phạm Minh Quang      |        |       |        |        |            |         |
| 32   | KV24C1_168  | Thí sinh tự do    | Nguyễn Phúc Thắng    | 20 (2) | 50    | 38 (2) | 42     | <b>150</b> |         |
|      |             |                   | Huỳnh Đăng Thức      |        |       |        |        |            |         |
| 33   | KV24C1_153  | Thí sinh tự do    | Trịnh Trần Hương Mai | 50 (4) | 50    | 0      | 41     | <b>141</b> |         |
| 34   | KV24C1_173  | Thí sinh tự do    | Phạm Quang Trí       | 50 (1) | 50    | 0      | 41     | <b>141</b> |         |
|      |             |                   | Nguyễn Thiện Nhân    |        |       |        |        |            |         |
| 35   | KV24C1_107  | Bà Rịa - Vũng Tàu | Vũ Minh Phương       | 50     | 0     | 0      | 82     | <b>132</b> |         |
|      |             |                   | Trần Hoàng Long      |        |       |        |        |            |         |
| 36   | KV24C1_109  | Bạc Liêu          | Trương Phúc Huy      | 30 (3) | 30    | 0      | 70 (3) | <b>130</b> |         |
|      |             |                   | Lý Kiên Trung        |        |       |        |        |            |         |
| 37   | KV24C1_137  | Tiền Giang        | Nguyễn Quốc Thịnh    | 50 (1) | 0     | 34     | 46 (1) | <b>130</b> |         |
|      |             |                   | Đoàn Châu Nhật Nam   |        |       |        |        |            |         |
| 38   | KV24C1_131  | Kiên Giang        | Trần Thành Lợi       | 50 (4) | 0     | 0 (4)  | 79 (2) | <b>129</b> |         |
| 39   | KV24C1_113  | Bình Dương        | Đỗ Pirlo             | 50     | 50    | 28 (1) | 0      | <b>128</b> |         |
|      |             |                   | Trương Minh Nhật     |        |       |        |        |            |         |
| 40   | KV24C1_127  | Đồng Tháp         | Lê Nguyễn Hiếu An    | 50 (3) | 0 (2) | 34     | 43 (1) | <b>127</b> |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên               | Bài 1  | Bài 2 | Bài 3  | Bài 4  | Tổng  | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|-------------------------|--------|-------|--------|--------|-------|---------|
| 41   | KV24C1_132  | Long An        | Lương Huỳnh Gia Bảo     | 50 (1) | 0 (3) | 32     | 42     | 124   |         |
|      |             |                | Hàng Lê Gia Bảo         |        |       |        |        |       |         |
| 42   | KV24C1_130  | Kiên Giang     | Nguyễn Phạm Thiên Tường | 50     | 50    | 0      | 22     | 122   |         |
| 43   | KV24C1_154  | Thí sinh tự do | Nguyễn Quang Chương     | 20     | 50    | 6 (1)  | 45     | 121   |         |
|      |             |                | Nguyễn Minh Tường       |        |       |        |        |       |         |
| 44   | KV24C1_125  | Đồng Tháp      | Nguyễn Phúc Anh Khôi    | 30 (2) | 50    | 0      | 30 (1) | 110   |         |
| 45   | KV24C1_148  | Vĩnh Long      | Trần Lê Vy              | 50 (2) | 27.5  | 0 (8)  | 30     | 107.5 |         |
|      |             |                | Nguyễn Thành Nhân       |        |       |        |        |       |         |
| 46   | KV24C1_120  | Cần Thơ        | Phương Ái Vy            | 20     | 50    | 36 (1) | 0      | 106   |         |
|      |             |                | Trương Lý Nhật Duy      |        |       |        |        |       |         |
| 47   | KV24C1_128  | Hậu Giang      | Nguyễn Viết Tường       | 20     | 50    | 34     | 0 (5)  | 104   |         |
|      |             |                | Huỳnh Khải              |        |       |        |        |       |         |
| 48   | KV24C1_135  | Tây Ninh       | Lê Duy Khang            | 20     | 0 (2) | 36 (8) | 46     | 102   |         |
|      |             |                | Lê Nhựt Trí             |        |       |        |        |       |         |
| 49   | KV24C1_134  | Tây Ninh       | Đỗ Thanh Sơn            | 30     | 27.5  | 40     | 0      | 97.5  |         |
|      |             |                | Nguyễn Hữu Quang        |        |       |        |        |       |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị          | Họ và tên            | Bài 1  | Bài 2  | Bài 3  | Bài 4  | Tổng | Ghi chú |
|------|-------------|-----------------|----------------------|--------|--------|--------|--------|------|---------|
| 50   | KV24C1_116  | Bình Thuận      | Phạm Hùng Anh        | 0 (1)  | 50     | 0 (2)  | 44     | 94   |         |
|      |             |                 | Đỗ Thanh Triết       |        |        |        |        |      |         |
| 51   | KV24C1_118  | Cà Mau          | Trương Đức Dương     | 20 (1) | 0      | 34     | 40 (1) | 94   |         |
|      |             |                 | Mai Kim Khôi         |        |        |        |        |      |         |
| 52   | KV24C1_165  | Thí sinh tự do  | Nguyễn Tấn Dũng      | 20     | 0      | 36 (6) | 38 (1) | 94   |         |
| 53   | KV24C1_166  | Thí sinh tự do  | Nghiêm Đình An       | 0 (2)  | 50     | 0      | 41     | 91   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Phú Minh Quân |        |        |        |        |      |         |
| 54   | KV24C1_170  | Thí sinh tự do  | Võ Phước Thành       | 20     | 27.5   | 24     | 9      | 80.5 |         |
|      |             |                 | Bùi Đăng Khôi        |        |        |        |        |      |         |
| 55   | KV24C1_136  | Tiền Giang      | Nguyễn Phan Mỹ Tuyên | 30     | 50     | 0      | 0      | 80   |         |
|      |             |                 | Trần Khiêm           |        |        |        |        |      |         |
| 56   | KV24C1_139  | TP. Hồ Chí Minh | Bùi Quốc Minh Nhật   | 30 (6) | 0 (6)  | 0      | 46 (2) | 76   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Khánh Trang   |        |        |        |        |      |         |
| 57   | KV24C1_110  | Bạc Liêu        | Trần Nhật Tân        | 50     | 25 (1) | 0      | 0 (1)  | 75   |         |
|      |             |                 | Trương Vũ Duy Bình   |        |        |        |        |      |         |
| 58   | KV24C1_117  | Cà Mau          | Nguyễn Gia Huy       | 0 (6)  | 50     | 0      | 22 (1) | 72   |         |
|      |             |                 | Lê Anh Minh          |        |        |        |        |      |         |



| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên           | Bài 1 | Bài 2 | Bài 3 | Bài 4 | Tổng | Ghi chú  |
|------|-------------|----------------|---------------------|-------|-------|-------|-------|------|----------|
|      | KV24C1_169  | Thí sinh tự do | Vũ Minh Đăng        |       |       |       |       |      | Vắng thi |
|      |             |                | Lê Win              |       |       |       |       |      |          |
|      | KV24C1_171  | Thí sinh tự do | Bùi Quốc Vĩnh Khang |       |       |       |       |      | Vắng thi |
|      | KV24C1_150  | Thí sinh tự do | Huỳnh Minh Trí      |       |       |       |       |      | Vắng thi |

*Danh sách gồm 174 đội thi./.*



**KẾT QUẢ THI VÒNG KHU VỰC HỘI THI TIN HỌC TRẺ TOÀN QUỐC LẦN THỨ XXX, NĂM 2024**  
 (Kèm theo Thông báo số 111-TB/KHCN ngày 16/7/2024 của Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ)

**BẢNG C2: THI LẬP TRÌNH KHỞI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG KHÔNG CHUYÊN**

| Hạng                    | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên              | Bài 1   | Bài 2   | Bài 3      | Bài 4  | Tổng         | Ghi chú |
|-------------------------|-------------|----------------|------------------------|---------|---------|------------|--------|--------------|---------|
| <b>KHU VỰC MIỀN BẮC</b> |             |                |                        |         |         |            |        |              |         |
| 1                       | KV24C2_032  | Thí sinh tự do | Đỗ Gia Bảo             | 100     | 100 (2) | 50         | 50 (2) | <b>300</b>   |         |
| 2                       | KV24C2_008  | Hà Nội         | Nguyễn Tri Khoa        | 100     | 100 (7) | 50 (8)     | 50     | <b>300</b>   |         |
| 3                       | KV24C2_026  | Thí sinh tự do | Nguyễn Viết Trung Nhân | 100     | 100 (2) | 30 (1)     | 36     | <b>266</b>   |         |
| 4                       | KV24C2_011  | Hải Dương      | Hoàng Đức Tiến         | 100     | 100 (8) | 0          | 50 (5) | <b>250</b>   |         |
| 5                       | KV24C2_020  | Ninh Bình      | Đình Quang Chính       | 100 (2) | 50 (3)  | 50         | 42 (8) | <b>242</b>   |         |
| 6                       | KV24C2_027  | Thí sinh tự do | Hoàng Lâm Trí Dũng     | 100 (3) | 50 (6)  | 50 (2)     | 42 (8) | <b>242</b>   |         |
| 7                       | KV24C2_013  | Hải Dương      | Nguyễn Hoàng Linh      | 100     | 50 (3)  | 50         | 38 (2) | <b>238</b>   |         |
| 8                       | KV24C2_033  | Thí sinh tự do | Nguyễn Tiến Minh       | 100     | 50 (3)  | 50         | 36     | <b>236</b>   |         |
| 9                       | KV24C2_029  | Thí sinh tự do | Nguyễn Nhật Minh       | 100     | 50      | 50         | 34     | <b>234</b>   |         |
| 10                      | KV24C2_007  | Hà Nội         | Vũ Gia Huy             | 100     | 50 (1)  | 32.500 (2) | 50     | <b>232.5</b> |         |
| 11                      | KV24C2_031  | Thí sinh tự do | Nhữ Thành Đạt          | 100     | 30 (1)  | 50         | 50 (1) | <b>230</b>   |         |
| 12                      | KV24C2_001  | Bắc Giang      | Nguyễn Trung Kiên      | 100     | 20      | 50         | 50 (2) | <b>220</b>   |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên             | Bài 1   | Bài 2  | Bài 3  | Bài 4  | Tổng         | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|-----------------------|---------|--------|--------|--------|--------------|---------|
| 13   | KV24C2_010  | Hải Dương      | Đỗ Đức Quyền          | 100 (6) | 50 (3) | 50 (8) | 4      | <b>204</b>   |         |
| 14   | KV24C2_003  | Bắc Giang      | Tạ Xuân Kiên          | 100     | 50 (1) | 0      | 42 (4) | <b>192</b>   |         |
| 15   | KV24C2_036  | Thí sinh tự do | Bùi Duy Linh          | 100     | 50 (1) | 0 (1)  | 36     | <b>186</b>   |         |
| 16   | KV24C2_019  | Hưng Yên       | Nguyễn Thị Thu Huyền  | 100     | 30 (1) | 20 (1) | 32 (2) | <b>182</b>   |         |
| 17   | KV24C2_030  | Thí sinh tự do | Trần Nguyên Khải      | 100     | 50 (2) | 30 (7) | 0 (6)  | <b>180</b>   |         |
| 18   | KV24C2_006  | Hà Nội         | Đào Quang Minh        | 100 (2) | 20 (1) | 25     | 34     | <b>179</b>   |         |
| 19   | KV24C2_038  | Thí sinh tự do | Trịnh Công Thành      | 100 (5) | 50 (2) | 27.5   | 0      | <b>177.5</b> |         |
| 20   | KV24C2_015  | Hải Phòng      | Lưu Quang Thịnh       | 100     | 30 (3) | 27.5   | 6      | <b>163.5</b> |         |
| 21   | KV24C2_040  | Thí sinh tự do | Bùi Minh Hiếu         | 100 (2) | 50 (5) | 12.5   | 0      | <b>162.5</b> |         |
| 22   | KV24C2_035  | Thí sinh tự do | Trần Hải Long         | 100     | 50     | 10     | 0      | <b>160</b>   |         |
| 23   | KV24C2_037  | Thí sinh tự do | Nguyễn Quang An       | 100     | 50 (3) | 10     | 0 (1)  | <b>160</b>   |         |
| 24   | KV24C2_012  | Hải Dương      | Nguyễn Thành Long     | 100 (1) | 50 (5) | 0 (4)  | 6 (2)  | <b>156</b>   |         |
| 25   | KV24C2_005  | Hà Nội         | Nguyễn Tùng Dương     | 100     | 30 (1) | 25     | 0 (2)  | <b>155</b>   |         |
| 26   | KV24C2_043  | Thí sinh tự do | Nhâm Đại Dương        | 100 (4) | 50 (6) | 0      | 0 (2)  | <b>150</b>   |         |
| 27   | KV24C2_052  | Thí sinh tự do | Nguyễn Trần Minh Hiếu | 100 (4) | 50 (2) | 0 (1)  | 0      | <b>150</b>   |         |
| 28   | KV24C2_044  | Thí sinh tự do | Phạm Tuấn Anh         | 100 (1) | 30     | 10     | 0 (1)  | <b>140</b>   |         |
| 29   | KV24C2_002  | Bắc Giang      | Nguyễn Minh Bảo       | 100 (6) | 30 (3) | 0      | 6      | <b>136</b>   |         |
| 30   | KV24C2_025  | Yên Bái        | Nguyễn Trần Thế Anh   | 100 (8) | 30 (7) | 0      | 0      | <b>130</b>   |         |
| 31   | KV24C2_053  | Thí sinh tự do | Nguyễn Trọng Đức Anh  | 100 (4) | 30     | 0 (1)  | 0      | <b>130</b>   |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên           | Bài 1   | Bài 2  | Bài 3  | Bài 4  | Tổng        | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|---------------------|---------|--------|--------|--------|-------------|---------|
| 32   | KV24C2_041  | Thí sinh tự do | Đinh Thị Thanh Bình | 100     | 20     | 0 (2)  | 6 (1)  | <b>126</b>  |         |
| 33   | KV24C2_048  | Thí sinh tự do | Lê Thanh Ngân       | 100     | 20     | 0 (1)  | 0      | <b>120</b>  |         |
| 34   | KV24C2_039  | Thí sinh tự do | Nguyễn Lê Hoàng     | 100     | 20     | 0 (1)  | 0      | <b>120</b>  |         |
| 35   | KV24C2_050  | Thí sinh tự do | Ngô Kiến Trung      | 100 (2) | 20 (2) | 0 (1)  | 0 (1)  | <b>120</b>  |         |
| 36   | KV24C2_045  | Thí sinh tự do | Đoàn Thế Long       | 95 (4)  | 0      | 25     | 0      | <b>120</b>  |         |
| 37   | KV24C2_042  | Thí sinh tự do | Hoàng Quốc Anh      | 100     | 20 (2) | 0      | 0      | <b>120</b>  |         |
| 38   | KV24C2_051  | Thí sinh tự do | Nguyễn Tấn Phát     | 100 (2) | 0      | 0      | 12     | <b>112</b>  |         |
| 39   | KV24C2_049  | Thí sinh tự do | Phạm Minh Dương     | 100     | 0 (7)  | 0 (55) | 0 (95) | <b>100</b>  |         |
| 40   | KV24C2_034  | Thí sinh tự do | Nguyễn Việt Hùng    | 100     | 0 (16) | 0 (17) | 0 (21) | <b>100</b>  |         |
| 41   | KV24C2_046  | Thí sinh tự do | Bùi Nguyễn Minh Đức | 100 (4) | 0 (22) | 0 (1)  | 0 (4)  | <b>100</b>  |         |
| 42   | KV24C2_018  | Hải Phòng      | Đinh Thế Minh       | 50 (1)  | 20     | 27.5   | 0      | <b>97.5</b> |         |
| 43   | KV24C2_023  | Thái Bình      | Nguyễn Đức Anh      | 90 (4)  | 0      | 0      | 6      | <b>96</b>   |         |
| 44   | KV24C2_017  | Hải Phòng      | Vũ Long Khánh       | 95 (2)  | 0      | 0 (1)  | 0      | <b>95</b>   |         |
| 45   | KV24C2_009  | Hải Dương      | Nguyễn Duy Minh Đức | 50 (1)  | 20     | 0      | 0 (1)  | <b>70</b>   |         |
| 46   | KV24C2_022  | Thái Bình      | Hà Đức Anh          | 50 (10) | 20 (1) | 0      | 0 (1)  | <b>70</b>   |         |
| 47   | KV24C2_047  | Thí sinh tự do | Đỗ Hồng Anh         | 50 (1)  | 0 (4)  | 0      | 0      | <b>50</b>   |         |
| 48   | KV24C2_016  | Hải Phòng      | Nguyễn Thanh Nguyên | 20      | 0      | 27.5   | 0 (1)  | <b>47.5</b> |         |
| 49   | KV24C2_004  | Hà Nam         | Phạm Bình Minh      | 30      | 0 (5)  | 10 (1) | 0 (4)  | <b>40</b>   |         |
| 50   | KV24C2_054  | Thí sinh tự do | Đỗ Minh Đức         | 30 (1)  | 0 (4)  | 0      | 0      | <b>30</b>   |         |



| Hạng                      | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên         | Bài 1   | Bài 2   | Bài 3      | Bài 4   | Tổng         | Ghi chú  |
|---------------------------|-------------|----------------|-------------------|---------|---------|------------|---------|--------------|----------|
| 51                        | KV24C2_024  | Thái Bình      | Lê Việt Khang     | 30 (6)  | 0 (3)   | 0          | 0       | <b>30</b>    |          |
|                           | KV24C2_055  | Thí sinh tự do | Kiều Minh Đức     |         |         |            |         |              | Vắng thi |
|                           | KV24C2_028  | Thí sinh tự do | Trần Hoàng Lâm    |         |         |            |         |              | Vắng thi |
|                           | KV24C2_021  | Sơn La         | Trần Ngọc Sơn     |         |         |            |         |              | Vắng thi |
|                           | KV24C2_014  | Hải Phòng      | Phạm Đức Thịnh    |         |         |            |         |              | Vắng thi |
| <b>KHU VỰC MIỀN TRUNG</b> |             |                |                   |         |         |            |         |              |          |
| 1                         | KV24C2_078  | Lâm Đồng       | Đặng Huy Hậu      | 100     | 100     | 100        | 50      | <b>350</b>   |          |
| 2                         | KV24C2_089  | Thí sinh tự do | Nguyễn Gia Hưng   | 100     | 100     | 72.500 (5) | 40 (13) | <b>312.5</b> |          |
| 3                         | KV24C2_086  | Quảng Nam      | Trần Lê Anh Pha   | 100     | 100     | 57.5       | 34      | <b>291.5</b> |          |
| 4                         | KV24C2_083  | Phú Yên        | Trần Bảo Đăng     | 100     | 100 (3) | 50 (1)     | 36      | <b>286</b>   |          |
| 5                         | KV24C2_077  | Lâm Đồng       | La Nguyên Tài     | 100     | 50 (5)  | 50         | 50 (2)  | <b>250</b>   |          |
| 6                         | KV24C2_081  | Ninh Thuận     | Lê Nam Khánh      | 100 (1) | 50 (1)  | 50 (2)     | 50      | <b>250</b>   |          |
| 7                         | KV24C2_080  | Nghệ An        | Lăng Trọng Đạt    | 100     | 50 (1)  | 50         | 40 (1)  | <b>240</b>   |          |
| 8                         | KV24C2_067  | Gia Lai        | Nguyễn Minh Hiếu  | 100     | 50 (1)  | 50 (4)     | 40 (5)  | <b>240</b>   |          |
| 9                         | KV24C2_091  | Thí sinh tự do | Nguyễn Thành Long | 100 (1) | 50 (6)  | 50 (1)     | 40 (1)  | <b>240</b>   |          |
| 10                        | KV24C2_058  | Đà Nẵng        | Nguyễn Phước Sang | 100     | 50 (1)  | 50 (2)     | 6 (1)   | <b>206</b>   |          |
| 11                        | KV24C2_061  | Đà Nẵng        | Lê Đình Bảo Phúc  | 100 (1) | 50      | 50 (8)     | 0 (2)   | <b>200</b>   |          |
| 12                        | KV24C2_087  | Quảng Trị      | Nguyễn Chơn Nhân  | 100     | 50 (5)  | 5          | 40 (1)  | <b>195</b>   |          |
| 13                        | KV24C2_092  | Thí sinh tự do | Võ Đăng Tuệ       | 100     | 50 (4)  | 5 (1)      | 32      | <b>187</b>   |          |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên            | Bài 1   | Bài 2  | Bài 3      | Bài 4  | Tổng         | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|----------------------|---------|--------|------------|--------|--------------|---------|
| 14   | KV24C2_079  | Nghệ An        | Nguyễn Huy Nhật      | 100     | 50 (2) | 0 (4)      | 36 (2) | <b>186</b>   |         |
| 15   | KV24C2_071  | Khánh Hòa      | Nguyễn Lê Gia Bảo    | 100 (1) | 20     | 50         | 0      | <b>170</b>   |         |
| 16   | KV24C2_093  | Thí sinh tự do | Lê Quang Minh        | 100 (7) | 30     | 0          | 34     | <b>164</b>   |         |
| 17   | KV24C2_063  | Đà Nẵng        | Lê Bá Gia Bảo        | 100     | 30 (1) | 27.5       | 0      | <b>157.5</b> |         |
| 18   | KV24C2_084  | Quảng Bình     | Hoàng Thế Thành Đạt  | 100     | 50 (3) | 7.5        | 0 (1)  | <b>157.5</b> |         |
| 19   | KV24C2_088  | Thanh Hóa      | Hoàng Đức Vinh Đăng  | 100     | 30 (2) | 25         | 0      | <b>155</b>   |         |
| 20   | KV24C2_070  | Khánh Hòa      | Lê Hồng Đăng         | 95 (13) | 30     | 27.5       | 2 (1)  | <b>154.5</b> |         |
| 21   | KV24C2_060  | Đà Nẵng        | Văn Phú Khang        | 100     | 50     | 0          | 0 (1)  | <b>150</b>   |         |
| 22   | KV24C2_066  | Đà Nẵng        | Dương Hiền Chí Kiên  | 100 (2) | 0      | 50         | 0      | <b>150</b>   |         |
| 23   | KV24C2_065  | Đà Nẵng        | Võ Quốc Kiệt         | 100     | 50 (6) | 0 (1)      | 0 (4)  | <b>150</b>   |         |
| 24   | KV24C2_059  | Đà Nẵng        | Lê Văn Tài           | 100 (2) | 50 (4) | 0          | 0      | <b>150</b>   |         |
| 25   | KV24C2_104  | Thí sinh tự do | Trần Minh Khôi       | 100     | 0 (4)  | 50 (8)     | 0 (7)  | <b>150</b>   |         |
| 26   | KV24C2_068  | Hà Tĩnh        | Đinh Nho Quân        | 100     | 20     | 25         | 0      | <b>145</b>   |         |
| 27   | KV24C2_109  | Thí sinh tự do | Bùi Đức Tài          | 100 (1) | 0 (1)  | 42.500 (4) | 0      | <b>142.5</b> |         |
| 28   | KV24C2_074  | Lâm Đồng       | Nguyễn Minh Đức      | 100     | 30 (2) | 12.5       | 0      | <b>142.5</b> |         |
| 29   | KV24C2_094  | Thí sinh tự do | Đặng Thái Kim        | 100     | 30 (2) | 10         | 0      | <b>140</b>   |         |
| 30   | KV24C2_096  | Thí sinh tự do | Lý Nguyễn Công Chính | 100     | 20     | 12.500 (7) | 0      | <b>132.5</b> |         |
| 31   | KV24C2_076  | Lâm Đồng       | Nguyễn Đăng Sang     | 100 (1) | 30 (1) | 0 (1)      | 0 (2)  | <b>130</b>   |         |
| 32   | KV24C2_056  | Bình Định      | Nguyễn Quốc Hưng     | 100 (1) | 30     | 0          | 0      | <b>130</b>   |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên              | Bài 1    | Bài 2  | Bài 3 | Bài 4 | Tổng       | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|------------------------|----------|--------|-------|-------|------------|---------|
| 33   | KV24C2_064  | Đà Nẵng        | Vương Gia Nguyên       | 100 (2)  | 30 (2) | 0     | 0 (1) | <b>130</b> |         |
| 34   | KV24C2_095  | Thí sinh tự do | Lương Nhật Minh        | 100 (18) | 30 (1) | 0     | 0 (2) | <b>130</b> |         |
| 35   | KV24C2_099  | Thí sinh tự do | Nguyễn Quang Long      | 100      | 20 (2) | 0     | 2     | <b>122</b> |         |
| 36   | KV24C2_069  | Khánh Hòa      | Trần Tiến Thành        | 100 (4)  | 20     | 0     | 0     | <b>120</b> |         |
| 37   | KV24C2_106  | Thí sinh tự do | Phạm Gia Bảo           | 100 (4)  | 20 (2) | 0 (2) | 0 (2) | <b>120</b> |         |
| 38   | KV24C2_111  | Thí sinh tự do | Lê Đỗ Hồng Lam         | 100 (1)  | 0      | 0     | 4 (1) | <b>104</b> |         |
| 39   | KV24C2_062  | Đà Nẵng        | Thái Quang Vinh        | 100 (1)  | 0 (8)  | 0     | 0     | <b>100</b> |         |
| 40   | KV24C2_108  | Thí sinh tự do | Trần Ngọc Minh         | 100      | 0 (1)  | 0     | 0     | <b>100</b> |         |
| 41   | KV24C2_098  | Thí sinh tự do | Phan Ka Ka             | 100 (3)  | 0 (10) | 0     | 0     | <b>100</b> |         |
| 42   | KV24C2_073  | Kon Tum        | Mai Quốc Anh Bảo       | 100 (1)  | 0      | 0     | 0 (1) | <b>100</b> |         |
| 43   | KV24C2_082  | Phú Yên        | Lê Trung Chánh         | 100 (1)  | 0 (16) | 0     | 0     | <b>100</b> |         |
| 44   | KV24C2_107  | Thí sinh tự do | Lê Trần Trung Kiên     | 100 (2)  | 0 (3)  | 0     | 0     | <b>100</b> |         |
| 45   | KV24C2_072  | Kon Tum        | Trương Quốc Đạt        | 100 (2)  | 0 (3)  | 0     | 0 (1) | <b>100</b> |         |
| 46   | KV24C2_103  | Thí sinh tự do | Lê Văn Nam Khánh       | 100 (9)  | 0 (2)  | 0 (2) | 0     | <b>100</b> |         |
| 47   | KV24C2_102  | Thí sinh tự do | Nguyễn Phan Nhật Tân   | 100 (9)  | 0 (3)  | 0 (2) | 0     | <b>100</b> |         |
| 48   | KV24C2_101  | Thí sinh tự do | Huỳnh Giang Nhật Khang | 95 (6)   | 0 (4)  | 0 (1) | 0     | <b>95</b>  |         |
| 49   | KV24C2_075  | Lâm Đồng       | Nguyễn Hưng Vỹ         | 80 (3)   | 0      | 0     | 0     | <b>80</b>  |         |
| 50   | KV24C2_090  | Thí sinh tự do | Phan Lê Tuấn Khanh     | 50       | 0 (1)  | 0     | 0     | <b>50</b>  |         |
| 51   | KV24C2_112  | Thí sinh tự do | Cao Trương Minh Khang  | 50       | 0      | 0 (1) | 0     | <b>50</b>  |         |

| Hạng                    | Số báo danh | Đơn vị          | Họ và tên                | Bài 1   | Bài 2    | Bài 3  | Bài 4   | Tổng       | Ghi chú  |
|-------------------------|-------------|-----------------|--------------------------|---------|----------|--------|---------|------------|----------|
| 52                      | KV24C2_057  | Đà Nẵng         | Trương Quang Vinh        | 20      | 20       | 0 (2)  | 0       | <b>40</b>  |          |
| 53                      | KV24C2_105  | Thí sinh tự do  | Hoàng Danh Nhân          | 30 (1)  | 0        | 0      | 0       | <b>30</b>  |          |
| 54                      | KV24C2_110  | Thí sinh tự do  | Bùi Tấn Phong            | 25 (3)  | 0 (1)    | 0      | 0       | <b>25</b>  |          |
| 55                      | KV24C2_100  | Thí sinh tự do  | Lữ Quốc Tuấn             | 15 (6)  | 0        | 0      | 0       | <b>15</b>  |          |
| 56                      | KV24C2_085  | Quảng Nam       | Nguyễn Lê Nhật Huy       | 0 (1)   | 0 (1)    | 0      | 0       | <b>0</b>   |          |
|                         | KV24C2_097  | Thí sinh tự do  | Đồng Đại Hà              |         |          |        |         |            | Vắng thi |
| <b>KHU VỰC MIỀN NAM</b> |             |                 |                          |         |          |        |         |            |          |
| 1                       | KV24C2_148  | Long An         | Phạm Thanh Sang          | 100     | 100 (16) | 50 (1) | 50 (1)  | <b>300</b> |          |
| 2                       | KV24C2_138  | Đồng Nai        | Lê Phạm Thành Nhân       | 100 (1) | 100 (4)  | 50     | 50 (2)  | <b>300</b> |          |
| 3                       | KV24C2_166  | TP. Hồ Chí Minh | Đan Nguyễn Nguyên Chương | 100     | 100 (10) | 50     | 50 (6)  | <b>300</b> |          |
| 4                       | KV24C2_147  | Long An         | Võ Trần Ngọc Vy          | 100     | 50 (2)   | 50 (1) | 50 (7)  | <b>250</b> |          |
| 5                       | KV24C2_173  | Thí sinh tự do  | Vũ Nguyễn Việt Khanh     | 100     | 50       | 50     | 36 (14) | <b>236</b> |          |
| 6                       | KV24C2_133  | Cần Thơ         | Trần Đức Duy             | 100     | 50 (1)   | 50     | 34      | <b>234</b> |          |
| 7                       | KV24C2_156  | Tiền Giang      | Phan Minh Quân           | 100     | 50 (12)  | 50 (1) | 10 (1)  | <b>210</b> |          |
| 8                       | KV24C2_174  | Thí sinh tự do  | Thái Tuấn Văn            | 100 (5) | 20       | 50     | 34      | <b>204</b> |          |
| 9                       | KV24C2_136  | Đồng Nai        | Đỗ Quang Huy             | 100 (1) | 50 (3)   | 50 (4) | 0 (1)   | <b>200</b> |          |
| 10                      | KV24C2_177  | Thí sinh tự do  | Võ Quang Vũ              | 100 (4) | 50 (6)   | 50 (3) | 0 (5)   | <b>200</b> |          |
| 11                      | KV24C2_165  | TP. Hồ Chí Minh | Tô Huỳnh Đức             | 100     | 50       | 50     | 0 (1)   | <b>200</b> |          |
| 12                      | KV24C2_162  | TP. Hồ Chí Minh | Huỳnh Đức Hoàng          | 100 (4) | 50       | 50 (7) | 0 (3)   | <b>200</b> |          |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị            | Họ và tên          | Bài 1   | Bài 2  | Bài 3      | Bài 4  | Tổng         | Ghi chú |
|------|-------------|-------------------|--------------------|---------|--------|------------|--------|--------------|---------|
| 13   | KV24C2_175  | Thí sinh tự do    | Lê Trung Vinh      | 100 (2) | 50 (3) | 50         | 0      | <b>200</b>   |         |
| 14   | KV24C2_172  | Thí sinh tự do    | Phan Trung Bạc     | 100     | 50 (2) | 0 (5)      | 40 (2) | <b>190</b>   |         |
| 15   | KV24C2_164  | TP. Hồ Chí Minh   | Lê Minh Hoàng      | 100 (1) | 50 (3) | 5          | 34     | <b>189</b>   |         |
| 16   | KV24C2_135  | Đồng Nai          | Bùi Thái Ninh      | 100 (1) | 30 (1) | 50         | 6      | <b>186</b>   |         |
| 17   | KV24C2_122  | Bình Dương        | Vương Nhật Hào     | 100     | 30     | 50         | 0      | <b>180</b>   |         |
| 18   | KV24C2_120  | Bình Dương        | Phạm Phúc Nguyên   | 100     | 30 (1) | 50         | 0      | <b>180</b>   |         |
| 19   | KV24C2_144  | Long An           | Đào Huỳnh Gia Huy  | 100 (4) | 20 (3) | 50         | 6      | <b>176</b>   |         |
| 20   | KV24C2_146  | Long An           | Đặng Đức Tài       | 100 (2) | 20     | 50         | 0      | <b>170</b>   |         |
| 21   | KV24C2_115  | Bà Rịa - Vũng Tàu | Phạm Gia Khánh     | 100 (2) | 20     | 50 (3)     | 0 (1)  | <b>170</b>   |         |
| 22   | KV24C2_154  | Tây Ninh          | Đỗ Quang Thành     | 100 (1) | 50     | 0 (4)      | 18 (1) | <b>168</b>   |         |
| 23   | KV24C2_118  | Bến Tre           | Nguyễn Kiến Hào    | 100     | 30     | 35         | 0      | <b>165</b>   |         |
| 24   | KV24C2_171  | Vĩnh Long         | Cao Hoàng Phúc     | 100 (1) | 20     | 45 (1)     | 0 (1)  | <b>165</b>   |         |
| 25   | KV24C2_151  | Sóc Trăng         | Lâm Hùng Vĩ        | 100 (2) | 50 (8) | 10         | 0 (3)  | <b>160</b>   |         |
| 26   | KV24C2_176  | Thí sinh tự do    | Nguyễn Minh Trí    | 100     | 30 (3) | 27.500 (4) | 0      | <b>157.5</b> |         |
| 27   | KV24C2_130  | Cần Thơ           | Nguyễn Chí Khang   | 100     | 0 (1)  | 50 (3)     | 0      | <b>150</b>   |         |
| 28   | KV24C2_155  | Tiền Giang        | Trần Minh Triều    | 100 (1) | 0 (3)  | 50         | 0      | <b>150</b>   |         |
| 29   | KV24C2_180  | Thí sinh tự do    | Võ Thiên Phú       | 100 (2) | 0 (1)  | 50         | 0 (4)  | <b>150</b>   |         |
| 30   | KV24C2_125  | Bình Thuận        | Trịnh Công Kiên    | 100 (1) | 0 (6)  | 50 (3)     | 0      | <b>150</b>   |         |
| 31   | KV24C2_129  | Cần Thơ           | Ôn Huỳnh Hiếu Ngân | 100     | 20 (2) | 20         | 6      | <b>146</b>   |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị            | Họ và tên              | Bài 1    | Bài 2  | Bài 3  | Bài 4 | Tổng       | Ghi chú |
|------|-------------|-------------------|------------------------|----------|--------|--------|-------|------------|---------|
| 32   | KV24C2_139  | Đồng Tháp         | Dương Anh Kiệt         | 95 (1)   | 0      | 50 (3) | 0     | <b>145</b> |         |
| 33   | KV24C2_123  | Bình Dương        | Lê Đình Thành          | 100      | 20 (1) | 20     | 0     | <b>140</b> |         |
| 34   | KV24C2_134  | Đồng Nai          | Lý Vĩ Hào              | 100      | 30 (2) | 0      | 0     | <b>130</b> |         |
| 35   | KV24C2_158  | TP. Hồ Chí Minh   | Trần Quang Thịnh       | 80 (1)   | 0      | 50     | 0     | <b>130</b> |         |
| 36   | KV24C2_184  | Thí sinh tự do    | Nguyễn Duy Nguyên      | 100 (2)  | 30 (2) | 0      | 0     | <b>130</b> |         |
| 37   | KV24C2_159  | TP. Hồ Chí Minh   | Trần Quang Huy         | 100 (2)  | 30     | 0      | 0     | <b>130</b> |         |
| 38   | KV24C2_137  | Đồng Nai          | Lê Thành Nhân          | 100 (2)  | 30 (3) | 0      | 0     | <b>130</b> |         |
| 39   | KV24C2_143  | Kiên Giang        | Triệu Phúc Thịnh       | 100      | 30 (4) | 0      | 0     | <b>130</b> |         |
| 40   | KV24C2_131  | Cần Thơ           | Nguyễn Lâm Khánh       | 100 (2)  | 30 (2) | 0 (1)  | 0     | <b>130</b> |         |
| 41   | KV24C2_182  | Thí sinh tự do    | Nguyễn Hoàng Đăng Khoa | 100 (1)  | 20     | 0      | 0     | <b>120</b> |         |
| 42   | KV24C2_183  | Thí sinh tự do    | Trần Gia Huy           | 100 (1)  | 20 (5) | 0      | 0 (6) | <b>120</b> |         |
| 43   | KV24C2_149  | Sóc Trăng         | Phạm Quốc Bảo          | 100 (5)  | 20     | 0      | 0     | <b>120</b> |         |
| 44   | KV24C2_114  | Bà Rịa - Vũng Tàu | Nguyễn Nguyên Phúc     | 100 (5)  | 20 (2) | 0      | 0     | <b>120</b> |         |
| 45   | KV24C2_141  | Đồng Tháp         | Hồ Đăng Quang          | 50 (3)   | 20     | 50     | 0 (1) | <b>120</b> |         |
| 46   | KV24C2_126  | Cà Mau            | Lê Bảo Ân              | 100 (13) | 20     | 0      | 0     | <b>120</b> |         |
| 47   | KV24C2_128  | Cà Mau            | Bao Công Thành         | 85 (6)   | 30 (1) | 0 (2)  | 0     | <b>115</b> |         |
| 48   | KV24C2_163  | TP. Hồ Chí Minh   | Nguyễn Phụ Thành Đạt   | 95 (7)   | 20     | 0 (2)  | 0 (2) | <b>115</b> |         |
| 49   | KV24C2_170  | Vĩnh Long         | Trần Đặng Công Danh    | 70 (7)   | 20     | 25 (1) | 0 (1) | <b>115</b> |         |
| 50   | KV24C2_150  | Sóc Trăng         | Quách Cường            | 100 (1)  | 0 (12) | 0      | 0 (1) | <b>100</b> |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị          | Họ và tên               | Bài 1    | Bài 2  | Bài 3 | Bài 4 | Tổng       | Ghi chú |
|------|-------------|-----------------|-------------------------|----------|--------|-------|-------|------------|---------|
| 51   | KV24C2_119  | Bình Dương      | Đinh Quốc Trí           | 100 (2)  | 0 (3)  | 0     | 0     | <b>100</b> |         |
| 52   | KV24C2_160  | TP. Hồ Chí Minh | Lê Nguyễn Quốc Học      | 100 (3)  | 0      | 0 (1) | 0     | <b>100</b> |         |
| 53   | KV24C2_121  | Bình Dương      | Bùi Gia Bảo             | 80       | 20     | 0 (9) | 0 (1) | <b>100</b> |         |
| 54   | KV24C2_179  | Thí sinh tự do  | Nguyễn Lê Phước Hòa     | 100 (4)  | 0 (26) | 0     | 0     | <b>100</b> |         |
| 55   | KV24C2_181  | Thí sinh tự do  | Nguyễn Chí Hải          | 100 (4)  | 0      | 0 (2) | 0     | <b>100</b> |         |
| 56   | KV24C2_161  | TP. Hồ Chí Minh | Nguyễn Võ Phương Uyên   | 100 (1)  | 0 (2)  | 0     | 0     | <b>100</b> |         |
| 57   | KV24C2_185  | Thí sinh tự do  | Đỗ Nguyễn Duy Khang     | 100 (4)  | 0      | 0     | 0 (1) | <b>100</b> |         |
| 58   | KV24C2_153  | Tây Ninh        | Nguyễn Bùi Minh Long    | 100 (12) | 0      | 0     | 0     | <b>100</b> |         |
| 59   | KV24C2_117  | Bến Tre         | Lê Nguyễn Nhật Quang    | 80 (2)   | 0      | 0 (6) | 0     | <b>80</b>  |         |
| 60   | KV24C2_169  | Vĩnh Long       | Võ Thanh Xuân           | 45 (4)   | 30 (1) | 0     | 0     | <b>75</b>  |         |
| 61   | KV24C2_113  | An Giang        | Lê Trí Mẫn              | 65 (1)   | 0 (1)  | 0     | 0     | <b>65</b>  |         |
| 62   | KV24C2_132  | Cần Thơ         | Nguyễn Minh Luân        | 20       | 30 (2) | 0 (3) | 6 (2) | <b>56</b>  |         |
| 63   | KV24C2_124  | Bình Phước      | Nguyễn Minh Trọng       | 50       | 0      | 0     | 0     | <b>50</b>  |         |
| 64   | KV24C2_145  | Long An         | Đặng Phước Đông         | 30       | 20     | 0 (2) | 0     | <b>50</b>  |         |
| 65   | KV24C2_157  | TP. Hồ Chí Minh | Trương Minh Triết       | 50 (3)   | 0      | 0     | 0 (1) | <b>50</b>  |         |
| 66   | KV24C2_142  | Hậu Giang       | Danh Thị Thảo           | 50 (6)   | 0      | 0     | 0     | <b>50</b>  |         |
| 67   | KV24C2_187  | Thí sinh tự do  | Nguyễn Ngọc Phương Uyên | 30 (1)   | 0 (4)  | 0     | 0     | <b>30</b>  |         |
| 68   | KV24C2_168  | Trà Vinh        | Huỳnh Đoàn              | 30       | 0      | 0     | 0     | <b>30</b>  |         |
| 69   | KV24C2_116  | Bến Tre         | Nguyễn Phúc Lợi         | 30 (1)   | 0      | 0     | 0     | <b>30</b>  |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên               | Bài 1   | Bài 2 | Bài 3 | Bài 4 | Tổng      | Ghi chú  |
|------|-------------|----------------|-------------------------|---------|-------|-------|-------|-----------|----------|
| 70   | KV24C2_140  | Đồng Tháp      | Võ Trần Tiến Nhân       | 30 (10) | 0     | 0     | 0 (3) | <b>30</b> |          |
| 71   | KV24C2_152  | Tây Ninh       | Nguyễn Hữu Nam          | 30 (7)  | 0     | 0     | 0     | <b>30</b> |          |
| 72   | KV24C2_167  | Trà Vinh       | Nguyễn Duy Khang        | 0 (1)   | 0     | 0     | 0     | <b>0</b>  |          |
|      | KV24C2_127  | Cà Mau         | Châu Minh Đức           |         |       |       |       |           | Vắng thi |
|      | KV24C2_178  | Thí sinh tự do | Nguyễn Thành Nghị       |         |       |       |       |           | Vắng thi |
|      | KV24C2_186  | Thí sinh tự do | Nguyễn Huỳnh Minh Triết |         |       |       |       |           | Vắng thi |

*Danh sách gồm 187 thí sinh.*





**KẾT QUẢ THI VÒNG KHU VỰC HỘI THI TIN HỌC TRẺ TOÀN QUỐC LẦN THỨ XXX, NĂM 2024**  
 (Kèm theo Thông báo số 111-TB/KHCN ngày 16/7/2024 của Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ)

**BẢNG D1: THI PHẦN MỀM SÁNG TẠO KHỐI TIỂU HỌC**

| STT | Số báo danh | Tỉnh/TP         | Họ và tên            | Điểm phần chung | Điểm phần mở rộng | Tổng | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------|----------------------|-----------------|-------------------|------|---------|
| 1   | KV24D1_024  | Đà Nẵng         | Lê Huy Khải          | 67.5            | 2.5               | 70   |         |
|     |             |                 | Dương Thiệu Khang    |                 |                   |      |         |
| 2   | KV24D1_036  | Lâm Đồng        | Lê Quang Huy         | 50              | 5                 | 55   |         |
|     |             |                 | Đào Xuân Tiến        |                 |                   |      |         |
| 3   | KV24D1_079  | Thí sinh tự do  | Nghiêm Tuấn Kiệt     | 47.5            | 0                 | 47.5 |         |
| 4   | KV24D1_065  | TP. Hồ Chí Minh | Lê Gia Minh          | 27.5            | 12.5              | 40   |         |
|     |             |                 | Trần Xuân Hiếu       |                 |                   |      |         |
| 5   | KV24D1_019  | Thí sinh tự do  | Lê Đức Minh          | 35              | 2.5               | 37.5 |         |
| 5   | KV24D1_029  | Đà Nẵng         | Đỗ Thái Minh Phú     | 32.5            | 5                 | 37.5 |         |
|     |             |                 | Nguyễn Trần Uyên Nhi |                 |                   |      |         |
| 5   | KV24D1_032  | Hà Tĩnh         | Đậu Quốc Trung       | 32.5            | 5                 | 37.5 |         |
|     |             |                 | Nguyễn Lê Tuấn Kiệt  |                 |                   |      |         |

| STT | Số báo danh | Tỉnh/TP         | Họ và tên             | Điểm phân chung | Điểm phân mở rộng | Tổng | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------|-----------------------|-----------------|-------------------|------|---------|
| 5   | KV24D1_034  | Khánh Hòa       | Đoàn Công Duy         | 30              | 7.5               | 37.5 |         |
|     |             |                 | Trần Ngọc Nguyên      |                 |                   |      |         |
| 5   | KV24D1_042  | Thí sinh tự do  | Trương Tuấn Kiên      | 37.5            | 0                 | 37.5 |         |
|     |             |                 | Nguyễn Ngọc Duy Minh  |                 |                   |      |         |
| 5   | KV24D1_078  | Thí sinh tự do  | Chu An Khôi           | 27.5            | 10                | 37.5 |         |
| 11  | KV24D1_038  | Quảng Nam       | Trần Tuệ Mẫn          | 27.5            | 6                 | 33.5 |         |
| 12  | KV24D1_041  | Thí sinh tự do  | Nguyễn Quốc Việt      | 30              | 2.5               | 32.5 |         |
|     |             |                 | Phan Thế Duy          |                 |                   |      |         |
| 12  | KV24D1_044  | Thí sinh tự do  | Trần Công Trí         | 32.5            | 0                 | 32.5 |         |
|     |             |                 | Hà Tuấn Anh           |                 |                   |      |         |
| 12  | KV24D1_059  | TP. Hồ Chí Minh | Phan Hoài An          | 32.5            | 0                 | 32.5 |         |
| 15  | KV24D1_030  | Đà Nẵng         | Nguyễn Quốc Bảo       | 30              | 0                 | 30   |         |
|     |             |                 | Trần Nguyễn Bảo Khanh |                 |                   |      |         |
| 15  | KV24D1_067  | TP. Hồ Chí Minh | Tăng Minh Tâm         | 30              | 0                 | 30   |         |
|     |             |                 | Phạm Tiến Huy         |                 |                   |      |         |
| 17  | KV24D1_018  | Thí sinh tự do  | Ngô Xanh              | 12.5            | 15                | 27.5 |         |
| 17  | KV24D1_027  | Đà Nẵng         | Lưu Trần Nhật Giang   | 17.5            | 10                | 27.5 |         |
|     |             |                 | Trần Đình Uyên Khánh  |                 |                   |      |         |

| STT | Số báo danh | Tỉnh/TP         | Họ và tên            | Điểm phân chung | Điểm phân mở rộng | Tổng | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------|----------------------|-----------------|-------------------|------|---------|
| 17  | KV24D1_043  | Thí sinh tự do  | Lê Anh Hào           | 27.5            | 0                 | 27.5 |         |
|     |             |                 | Nguyễn Minh Phúc     |                 |                   |      |         |
| 17  | KV24D1_054  | Bình Dương      | Phạm An Khang        | 27.5            | 0                 | 27.5 |         |
|     |             |                 | Huỳnh Đoàn Gia Huy   |                 |                   |      |         |
| 21  | KV24D1_002  | Bắc Ninh        | Trần Thị Huyền Diệu  | 12.5            | 12.5              | 25   |         |
|     |             |                 | Trần Minh Đạt        |                 |                   |      |         |
| 21  | KV24D1_023  | Đà Nẵng         | Phan Minh Quân       | 20              | 5                 | 25   |         |
|     |             |                 | Nguyễn Hồng Phúc     |                 |                   |      |         |
| 21  | KV24D1_025  | Đà Nẵng         | Lê Đình Bảo Nam      | 25              | 0                 | 25   |         |
|     |             |                 | Lê Thành Nghĩa       |                 |                   |      |         |
| 21  | KV24D1_068  | TP. Hồ Chí Minh | Cáp Hoàng Dũng       | 25              | 0                 | 25   |         |
|     |             |                 | Trần Khôi Nguyên     |                 |                   |      |         |
| 21  | KV24D1_073  | Thí sinh tự do  | Nguyễn Phan Hải Bình | 15              | 10                | 25   |         |
|     |             |                 | Trần Quốc Hùng       |                 |                   |      |         |
| 26  | KV24D1_004  | Hà Nam          | Đình Phú Đức         | 18.5            | 5                 | 23.5 |         |
|     |             |                 | Lương Tấn Phát       |                 |                   |      |         |
| 26  | KV24D1_011  | Thái Bình       | Nguyễn Tuấn Kiệt     | 18.5            | 5                 | 23.5 |         |
|     |             |                 | Dương Mai Nhi        |                 |                   |      |         |

| STT | Số báo danh | Tỉnh/TP         | Họ và tên             | Điểm phân chung | Điểm phân mở rộng | Tổng | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------|-----------------------|-----------------|-------------------|------|---------|
| 28  | KV24D1_033  | Khánh Hòa       | Nguyễn Minh Trung     | 17.5            | 5                 | 22.5 |         |
| 28  | KV24D1_050  | Thí sinh tự do  | Dương Chí Dũng        | 15              | 7.5               | 22.5 |         |
| 28  | KV24D1_060  | TP. Hồ Chí Minh | Khru Bửu Lộc          | 22.5            | 0                 | 22.5 |         |
| 28  | KV24D1_063  | TP. Hồ Chí Minh | Nguyễn Duy Phúc       | 12.5            | 10                | 22.5 |         |
|     |             |                 | Trang Anh Kiệt        |                 |                   |      |         |
| 32  | KV24D1_053  | Bình Dương      | Trương Tấn Dũng       | 3.5             | 17.5              | 21   |         |
|     |             |                 | Hoàng Tùng Lâm        |                 |                   |      |         |
| 33  | KV24D1_064  | TP. Hồ Chí Minh | Nguyễn Minh Quân      | 20              | 0                 | 20   |         |
|     |             |                 | Nguyễn Minh Sơn       |                 |                   |      |         |
| 34  | KV24D1_045  | Thí sinh tự do  | Phạm Trần Khôi Nguyên | 16              | 2.5               | 18.5 |         |
| 35  | KV24D1_014  | Thí sinh tự do  | Đỗ Hoàng Hiệp         | 17.5            | 0                 | 17.5 |         |
| 35  | KV24D1_076  | Thí sinh tự do  | Đặng Khánh Quỳnh      | 17.5            | 0                 | 17.5 |         |
| 37  | KV24D1_001  | Bắc Ninh        | Nguyễn Đức Thành      | 15              | 1                 | 16   |         |
| 37  | KV24D1_006  | Hà Nội          | Đỗ Hoàng Bách         | 16              | 0                 | 16   |         |
|     |             |                 | Ngô Nam Khánh         |                 |                   |      |         |
| 37  | KV24D1_051  | An Giang        | Nguyễn Ngọc Xuân Nghi | 13.5            | 2.5               | 16   |         |
| 37  | KV24D1_062  | TP. Hồ Chí Minh | Bùi Nguyễn Hoàng Kim  | 16              | 0                 | 16   |         |

| STT | Số báo danh | Tỉnh/TP        | Họ và tên               | Điểm phân chung | Điểm phân mở rộng | Tổng | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------|-------------------------|-----------------|-------------------|------|---------|
| 41  | KV24D1_026  | Đà Nẵng        | Nguyễn Hồng Bách Nguyên | 15              | 0                 | 15   |         |
|     |             |                | Võ Gia Hưng             |                 |                   |      |         |
| 41  | KV24D1_035  | Lâm Đồng       | Phạm Tấn Phong          | 15              | 0                 | 15   |         |
|     |             |                | Trần Minh Tâm           |                 |                   |      |         |
| 41  | KV24D1_048  | Thí sinh tự do | Bùi Trần Như Ý          | 15              | 0                 | 15   |         |
| 41  | KV24D1_052  | Bình Dương     | Trần Thị Mai Linh       | 12.5            | 2.5               | 15   |         |
|     |             |                | Nguyễn Bá Thiên         |                 |                   |      |         |
| 41  | KV24D1_074  | Thí sinh tự do | Trương Đình Phát        | 12.5            | 2.5               | 15   |         |
|     |             |                | Nguyễn Phúc Minh        |                 |                   |      |         |
| 46  | KV24D1_077  | Thí sinh tự do | Lê Phương Yến Nhi       | 0.5             | 12.5              | 13   |         |
|     |             |                | Nguyễn Thảo Vân         |                 |                   |      |         |
| 47  | KV24D1_017  | Thí sinh tự do | Nguyễn Gia Phúc         | 12.5            | 0                 | 12.5 |         |
| 47  | KV24D1_028  | Đà Nẵng        | Nguyễn Ngọc Thiên Bình  | 12.5            | 0                 | 12.5 |         |
|     |             |                | Trần Hữu Thiện          |                 |                   |      |         |
| 47  | KV24D1_071  | Vĩnh Long      | Trương Hoài An          | 7.5             | 5                 | 12.5 |         |
| 50  | KV24D1_003  | Hà Nam         | Trần Thế Quân           | 10              | 0                 | 10   |         |
| 50  | KV24D1_031  | Gia Lai        | Lê Đăng Khoa            | 2.5             | 7.5               | 10   |         |
|     |             |                | Lê Nguyên Chương        |                 |                   |      |         |

| STT | Số báo danh | Tỉnh/TP          | Họ và tên              | Điểm phân chung | Điểm phân mở rộng | Tổng | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------|------------------------|-----------------|-------------------|------|---------|
| 50  | KV24D1_039  | Thừa Thiên - Huế | Nguyễn Bảo Kim Ngân    | 10              | 0                 | 10   |         |
|     |             |                  | Lê Nguyễn Phương Thảo  |                 |                   |      |         |
| 50  | KV24D1_046  | Thí sinh tự do   | Nguyễn Hoàng Diễm      | 10              | 0                 | 10   |         |
|     |             |                  | Lê Minh Hiếu           |                 |                   |      |         |
| 50  | KV24D1_049  | Thí sinh tự do   | Nguyễn Đoàn Minh Thư   | 10              | 0                 | 10   |         |
| 50  | KV24D1_066  | TP. Hồ Chí Minh  | Âu Gia Hy              | 10              | 0                 | 10   |         |
|     |             |                  | Ngô Hải Phong          |                 |                   |      |         |
| 50  | KV24D1_069  | Trà Vinh         | Nguyễn Thành Phú       | 10              | 0                 | 10   |         |
|     |             |                  | Huỳnh Dương Tường Vy   |                 |                   |      |         |
| 50  | KV24D1_072  | Thí sinh tự do   | Bùi Trương Nhật Thiên  | 10              | 0                 | 10   |         |
|     |             |                  | Phạm Mai Thy           |                 |                   |      |         |
| 50  | KV24D1_080  | Thí sinh tự do   | Phước Nguyễn Hoàng Anh | 10              | 0                 | 10   |         |
| 50  | KV24D1_082  | Thí sinh tự do   | Hoàng Duy Tùng         | 7.5             | 2.5               | 10   |         |
|     |             |                  | Nguyễn Quỳnh Như       |                 |                   |      |         |
| 60  | KV24D1_055  | Cần Thơ          | Lý Gia Minh            | 8.5             | 0                 | 8.5  |         |
|     |             |                  | Nguyễn Kỳ Bách         |                 |                   |      |         |
| 60  | KV24D1_075  | Thí sinh tự do   | Trần Bảo Khiêm         | 6               | 2.5               | 8.5  |         |

| STT | Số báo danh | Tỉnh/TP         | Họ và tên             | Điểm phân chung | Điểm phân mở rộng | Tổng | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------|-----------------------|-----------------|-------------------|------|---------|
| 62  | KV24D1_010  | Hưng Yên        | Đỗ Thanh Lâm          | 7.5             | 0                 | 7.5  |         |
|     |             |                 | Nguyễn Huy Vũ         |                 |                   |      |         |
| 62  | KV24D1_056  | Cần Thơ         | Phạm Minh Khôi        | 7.5             | 0                 | 7.5  |         |
|     |             |                 | Nguyễn Quang Thánh    |                 |                   |      |         |
| 62  | KV24D1_058  | Đồng Nai        | Chu Nguyễn Thiên Phúc | 7.5             | 0                 | 7.5  |         |
|     |             |                 | Đỗ Bá Thiên           |                 |                   |      |         |
| 62  | KV24D1_061  | TP. Hồ Chí Minh | Hoàng Nguyên          | 7.5             | 0                 | 7.5  |         |
| 62  | KV24D1_083  | Thí sinh tự do  | Hà Quang Anh          | 7.5             | 0                 | 7.5  |         |
| 62  | KV24D1_084  | Thí sinh tự do  | Đào Tuệ Anh           | 7.5             | 0                 | 7.5  |         |
|     |             |                 | Đào Tuệ Chi           |                 |                   |      |         |
| 68  | KV24D1_016  | Thí sinh tự do  | Đoàn Bá Tùng Anh      | 6               | 0                 | 6    |         |
| 68  | KV24D1_022  | Đà Nẵng         | Phan Doãn Nguyên      | 6               | 0                 | 6    |         |
|     |             |                 | Nguyễn Trung Kiên     |                 |                   |      |         |
| 68  | KV24D1_057  | Cần Thơ         | Đặng Quang Vinh       | 6               | 0                 | 6    |         |
|     |             |                 | Lê Ngọc Minh Thư      |                 |                   |      |         |
| 68  | KV24D1_081  | Thí sinh tự do  | Đào Trí Dũng          | 6               | 0                 | 6    |         |
|     |             |                 | Nguyễn Ngọc Linh Anh  |                 |                   |      |         |

| STT | Số báo danh | Tỉnh/TP        | Họ và tên             | Điểm phân chung | Điểm phân mở rộng | Tổng | Ghi chú  |
|-----|-------------|----------------|-----------------------|-----------------|-------------------|------|----------|
| 72  | KV24D1_070  | Vĩnh Long      | Nguyễn Trần Khả Nhi   | 0.5             | 5                 | 5.5  |          |
|     |             |                | Nguyễn Gia Khánh      |                 |                   |      |          |
| 73  | KV24D1_008  | Hải Phòng      | Lê Tuấn Đạt           | 5               | 0                 | 5    |          |
|     |             |                | Trần Văn Bách         |                 |                   |      |          |
| 74  | KV24D1_013  | Thí sinh tự do | Chu Thị Ngọc Lâm      | 3.5             | 0                 | 3.5  |          |
| 75  | KV24D1_012  | Thái Bình      | Trần Minh Hải         | 0.5             | 2.5               | 3    |          |
|     |             |                | Tô Trường Ngân Bảo    |                 |                   |      |          |
| 76  | KV24D1_007  | Hà Nội         | Chu Thế Sơn Tùng      | 0               | 0                 | 0    |          |
| 76  | KV24D1_021  | Đà Nẵng        | Trần Thượng Nhân      | 0               | 0                 | 0    |          |
|     |             |                | Bùi Bá Danh           |                 |                   |      |          |
| 76  | KV24D1_015  | Thí sinh tự do | Nguyễn Minh Nhật      | 0               | 0                 | 0    |          |
| 76  | KV24D1_037  | Lâm Đồng       | Hoàng Tuấn Anh        | 0               | 0                 | 0    |          |
|     |             |                | Nguyễn Võ Thành An    |                 |                   |      |          |
| 76  | KV24D1_047  | Thí sinh tự do | Nguyễn Hữu Quang Minh | 0               | 0                 | 0    |          |
|     | KV24D1_009  | Hải Phòng      | Vũ Minh Thắng         |                 |                   |      | Vắng thi |
|     | KV24D1_020  | Thí sinh tự do | Vũ Nhật Minh          |                 |                   |      | Vắng thi |
|     | KV24D1_040  | Thí sinh tự do | Trần Nhật Nam         |                 |                   |      | Vắng thi |
|     |             |                | Trần Anh Tuấn         |                 |                   |      |          |

*Danh sách gồm 83 đội thi./.*





**KẾT QUẢ THI VÒNG KHU VỰC HỘI THI TIN HỌC TRẺ TOÀN QUỐC LẦN THỨ XXX, NĂM 2024**  
 (Kèm theo Thông báo số 111-TB/KHCN ngày 16/7/2024 của Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ)

**BẢNG D2: SẢN PHẨM SÁNG TẠO KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ**

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên           | Tên sản phẩm sáng tạo                                      | Điểm | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|---------------------|------------------------------------------------------------|------|---------|
| 1    | KV24D2_030  | Thí sinh tự do | Bùi Hà Linh         | Bản đồ nông sản Đông Triều                                 | 98   |         |
|      |             |                | Đỗ Minh Tuấn        |                                                            |      |         |
| 1    | KV24D2_053  | Phú Yên        | Đặng Kỳ Anh         | Thiết bị hỗ trợ người bị tai biến bằng công nghệ AI        | 98   |         |
|      |             |                | Lương Minh Hoàng    |                                                            |      |         |
| 1    | KV24D2_102  | Thí sinh tự do | Vũ Trí Việt         | Autism – Đồng hành cùng trẻ tự kỷ                          | 98   |         |
|      |             |                | Vũ Đăng Khoa        |                                                            |      |         |
| 4    | KV24D2_049  | Lâm Đồng       | Nguyễn Ngọc Anh Thư | Hệ thống thông minh hỗ trợ an toàn khi sử dụng xe đạp điện | 97   |         |
|      |             |                | Nguyễn Gia Bảo      |                                                            |      |         |
| 4    | KV24D2_058  | Thí sinh tự do | Đặng Đông Chung     | Nghiên cứu, xây dựng mô hình cánh tay Robot 5 bậc đơn giản | 97   |         |
|      |             |                | Lê Việt Thái        |                                                            |      |         |
| 4    | KV24D2_068  | Bình Dương     | Trần Phan Phương An | Viên APTX thất lạc                                         | 97   |         |
| 7    | KV24D2_037  | Đà Nẵng        | Nguyễn Huyền Trâm   | Hệ thống chống ngập úng tại hộ gia đình                    | 95   |         |
|      |             |                | Huỳnh Bá Anh Khoa   |                                                            |      |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị          | Họ và tên              | Tên sản phẩm sáng tạo                                                    | Điểm | Ghi chú |
|------|-------------|-----------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------|------|---------|
| 7    | KV24D2_077  | Đồng Nai        | Đoàn Phạm Thế Trung    | Các lạc bộ Tin học của trường Phan Bội Châu                              | 95   |         |
|      |             |                 | Trần Gia Thịnh         |                                                                          |      |         |
| 9    | KV24D2_016  | Hà Nội          | Lê Tùng Anh            | App chia sẻ đồ dùng học tập - Happy share                                | 94   |         |
| 10   | KV24D2_032  | Thí sinh tự do  | Mai Ngọc Đức Anh       | SMART PERIODIC TABLE 4.0                                                 | 93   |         |
|      |             |                 | Vũ Lâm Gia Bảo         |                                                                          |      |         |
| 10   | KV24D2_050  | Lâm Đồng        | Trần Minh Hải          | English Adventure                                                        | 93   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Gia Huy         |                                                                          |      |         |
| 12   | KV24D2_026  | Thái Bình       | Nguyễn Ngọc Phúc       | Knight Dungeon                                                           | 88   |         |
|      |             |                 | Đinh Gia Bảo           |                                                                          |      |         |
| 13   | KV24D2_003  | Bắc Giang       | Trần Chu Lai           | Miniproject Hello VietNam                                                | 87   |         |
| 13   | KV24D2_074  | Cần Thơ         | Nguyễn Lê Lâm Khang    | Safe Home                                                                | 87   |         |
| 13   | KV24D2_086  | Hậu Giang       | Lê Thị Như Quỳnh       | Thiết bị tự động cân bằng nhiệt chăm sóc vật nuôi                        | 87   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Hoài Trung      |                                                                          |      |         |
| 13   | KV24D2_087  | Sóc Trăng       | Huỳnh Long Quyền Lực   | Phần mềm “Cây thuốc quanh em”                                            | 87   |         |
| 17   | KV24D2_042  | Đà Nẵng         | Nguyễn Ngọc Diệp Khanh | Hệ thống cảnh báo nguy hiểm tại nơi ngã khuất, đường cong bằng xử lý ảnh | 86   |         |
|      |             |                 | Võ Nguyễn Minh Hoàng   |                                                                          |      |         |
| 17   | KV24D2_091  | TP. Hồ Chí Minh | Nguyễn Bảo Anh         | Farmer Cat- Nông dân Mèo                                                 | 86   |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị          | Họ và tên               | Tên sản phẩm sáng tạo                                                                             | Điểm | Ghi chú |
|------|-------------|-----------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|
| 19   | KV24D2_083  | Hậu Giang       | Nguyễn Thanh Toàn       | AquaWatch Pro 4.0                                                                                 | 85   |         |
|      |             |                 | Huỳnh Nguyễn Quốc Thịnh |                                                                                                   |      |         |
| 20   | KV24D2_034  | Đà Nẵng         | Hoàng Minh              | Thalassa Math                                                                                     | 83   |         |
| 21   | KV24D2_062  | An Giang        | Nguyễn Minh Hiễn        | EZENGLISH - Ứng dụng học từ vựng tiếng anh cao cấp, mang đến cho bạn trải nghiệm học tập đẳng cấp | 78   |         |
| 21   | KV24D2_106  | Thí sinh tự do  | Lê Thị Thanh Ngân       | Khám phá – Website Tin học đa dạng & thú vị                                                       | 78   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Minh Thông       |                                                                                                   |      |         |
| 23   | KV24D2_008  | Hà Nội          | Nguyễn Đình Hưng        | Raise a pet rock                                                                                  | 77   |         |
| 23   | KV24D2_014  | Hà Nội          | Nguyễn Đức Nhân         | Giải mã                                                                                           | 77   |         |
| 25   | KV24D2_044  | Gia Lai         | Trần Đăng Khôi          | Cùng học tốt tiếng Anh Tiểu học                                                                   | 76   |         |
| 25   | KV24D2_048  | Lâm Đồng        | Phạm Ngọc Như Quỳnh     | Cùng vui học tập                                                                                  | 76   |         |
|      |             |                 | Trần Hoàng Minh Đức     |                                                                                                   |      |         |
| 25   | KV24D2_075  | Cần Thơ         | Trần Thị Ngọc Anh       | Bảo vệ môi trường cùng Gấu Trúc                                                                   | 76   |         |
| 25   | KV24D2_092  | TP. Hồ Chí Minh | Đỗ Chí Hiếu             | Robot thu gom rác ứng dụng công nghệ AI                                                           | 76   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Long Phát        |                                                                                                   |      |         |
| 29   | KV24D2_029  | Thí sinh tự do  | Đặng Khánh Linh         | Chinh phục Ngữ văn 7                                                                              | 75   |         |
|      |             |                 | Hoàng Khánh Toàn        |                                                                                                   |      |         |
| 30   | KV24D2_009  | Hà Nội          | Lê Huy Minh Quang       | Trò chơi Placeholder                                                                              | 74   |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị          | Họ và tên             | Tên sản phẩm sáng tạo                                                       | Điểm | Ghi chú |
|------|-------------|-----------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------|------|---------|
| 31   | KV24D2_078  | Đồng Nai        | Hoàng Lê Vân Hà       | Phần mềm giúp các bạn ghi nhớ và đọc từ vựng tiếng anh                      | 73   |         |
|      |             |                 | Bùi Ngọc Bình Minh    |                                                                             |      |         |
| 31   | KV24D2_081  | Đồng Nai        | Hồ Huỳnh Diệu Linh    | Ứng dụng AI và IOT trong ngôi nhà thông minh                                | 73   |         |
|      |             |                 | Lê Trần Hà Vy         |                                                                             |      |         |
| 33   | KV24D2_001  | Bắc Giang       | Nguyễn Bá Tùng Lâm    | Cùng khám phá biển báo giao thông                                           | 68   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Việt Phong     |                                                                             |      |         |
| 33   | KV24D2_045  | Hà Tĩnh         | Lê Thời Trí Dũng      | Sử dụng Công nghệ 3D và Trí tuệ nhân tạo                                    | 68   |         |
|      |             |                 | Diệp Phan Bảo Thiên   |                                                                             |      |         |
| 35   | KV24D2_010  | Hà Nội          | Lã Hải Nam            | Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu      | 67   |         |
| 35   | KV24D2_038  | Đà Nẵng         | Nguyễn Thành Long     | Thiết bị phân loại, quy đổi rác bằng công nghệ AI và IOT                    | 67   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Hoàng Tuệ Nhi  |                                                                             |      |         |
| 35   | KV24D2_095  | TP. Hồ Chí Minh | Nguyễn Nam Hưng       | Ứng dụng học tập theo phương pháp Pomodoro trên thiết bị điện tử            | 67   |         |
| 38   | KV24D2_011  | Hà Nội          | Hoàng Đức Huy         | Phần mềm giúp học tốt phân môn Hóa học trong môn Khoa học tự nhiên lớp 7, 8 | 66   |         |
|      |             |                 | Trần Viết Hiếu        |                                                                             |      |         |
| 39   | KV24D2_043  | Đà Nẵng         | Trần Võ Quốc Huy      | Hệ thống phân loại màu sắc vải                                              | 64   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Tuấn Danh Khoa |                                                                             |      |         |
| 39   | KV24D2_047  | Lâm Đồng        | Nguyễn Minh Quân      | Phần mềm hỗ trợ học tập TKA6                                                | 64   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Thị Minh Thư   |                                                                             |      |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị          | Họ và tên             | Tên sản phẩm sáng tạo                                                                        | Điểm | Ghi chú |
|------|-------------|-----------------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|
| 39   | KV24D2_070  | Bình Dương      | Phạm Đình Gia Hân     | Phần mềm mô phỏng thí nghiệm Khoa học tự nhiên                                               | 64   |         |
|      |             |                 | Lai Nhật Khánh Vy     |                                                                                              |      |         |
| 39   | KV24D2_103  | Thí sinh tự do  | Ngô Trần Quốc Bảo     | Cánh tay Rô-bốt thông minh                                                                   | 64   |         |
|      |             |                 | Ngô Tấn Thịnh         |                                                                                              |      |         |
| 43   | KV24D2_039  | Đà Nẵng         | Ngô Tiến Dũng         | Hệ thống hỗ trợ phụ huynh giám sát trẻ em truy cập mạng Internet và sử dụng máy tính an toàn | 63   |         |
|      |             |                 | Lê Hoàng Hạo Nhiên    |                                                                                              |      |         |
| 44   | KV24D2_007  | Hà Nam          | Đỗ Xuân Hùng          | Hệ thống thu gom và phân loại rác bằng công nghệ AI                                          | 60   |         |
|      |             |                 | Hoàng Mai Phương Thúy |                                                                                              |      |         |
| 44   | KV24D2_012  | Hà Nội          | Nguyễn Đình Minh Đức  | Mô hình 3D - Ảnh hưởng của thuốc lá đến phổi                                                 | 60   |         |
|      |             |                 | Vũ Mỹ Tuệ             |                                                                                              |      |         |
| 44   | KV24D2_046  | Khánh Hòa       | Hà Trần Bảo Tiên      | Thùng rác cảm biến thông minh                                                                | 60   |         |
|      |             |                 | Hà Trần Bảo Trân      |                                                                                              |      |         |
| 44   | KV24D2_071  | Bình Dương      | Đặng Ngọc Trường      | Phần mềm LEJAI-Website học ngoại ngữ tích hợp AI hỗ trợ                                      | 60   |         |
|      |             |                 | Lâm Nhật Hào          |                                                                                              |      |         |
| 44   | KV24D2_090  | TP. Hồ Chí Minh | Đào Ngọc Trâm Anh     | Thư viện học tập đa dạng và thú vị                                                           | 60   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Thành Long     |                                                                                              |      |         |
| 44   | KV24D2_105  | Thí sinh tự do  | Nguyễn Trần Hữu Trí   | Trợ lý ảo Dừa ơi                                                                             | 60   |         |
| 44   | KV24D2_107  | Thí sinh tự do  | Nguyễn Minh Giang     | Hệ thống cảnh báo nhà trọ - phòng trọ thông minh                                             | 60   |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên          | Tên sản phẩm sáng tạo                                                                                  | Điểm | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|
| 44   | KV24D2_109  | Thí sinh tự do | Đặng Trọng Anh     | Thiết bị điểm danh học sinh bằng thẻ từ, khuôn mặt từ Arduino                                          | 60   |         |
|      |             |                | Võ Thiên Hữu       |                                                                                                        |      |         |
| 52   | KV24D2_013  | Hà Nội         | Đỗ Thành Vinh      | Hoạt động nông trại                                                                                    | 59   |         |
| 52   | KV24D2_023  | Sơn La         | Nguyễn Đức Thành   | Umatet                                                                                                 | 59   |         |
| 52   | KV24D2_036  | Đà Nẵng        | Trần Khắc Thắng    | Hệ thống quản lí rác thải thông minh ở trường học                                                      | 59   |         |
|      |             |                | Nguyễn Hữu Kim Hân |                                                                                                        |      |         |
| 52   | KV24D2_040  | Đà Nẵng        | Mai Lê Tuấn        | Sách Việt                                                                                              | 59   |         |
|      |             |                | Hoàng Hữu Phúc     |                                                                                                        |      |         |
| 52   | KV24D2_060  | Thí sinh tự do | Lê Phước Minh Huy  | Trang web hỗ trợ học sinh trong việc tự học có AI hỗ trợ                                               | 59   |         |
|      |             |                | Nguyễn Tuấn Minh   |                                                                                                        |      |         |
| 52   | KV24D2_067  | Bến Tre        | Phạm Minh Thùy     | Phần mềm Learning and Manage student phục vụ ôn tập và quản lý nền nếp học sinh trong trường phổ thông | 59   |         |
| 52   | KV24D2_072  | Cần Thơ        | Lê Trần Thái An    | Máy đo nồng độ cồn gia đình                                                                            | 59   |         |
|      |             |                | Nguyễn Mai Tuệ Lâm |                                                                                                        |      |         |
| 59   | KV24D2_005  | Hà Nam         | Trần Bảo Châu      | Chuyển đổi số trong quản lý và phân loại di tích ở Hà Nam                                              | 58   |         |
|      |             |                | Phạm Ngọc An Bình  |                                                                                                        |      |         |
| 59   | KV24D2_024  | Sơn La         | Nguyễn Lê Trí Đạt  | The guardian of earth                                                                                  | 58   |         |
| 59   | KV24D2_025  | Sơn La         | Nguyễn Quốc Bảo    | Shoot the Zoombies                                                                                     | 58   |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên             | Tên sản phẩm sáng tạo                                                                                           | Điểm | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|
| 59   | KV24D2_041  | Đà Nẵng        | Trần Anh Tú           | Hệ thống phát hiện và cảnh báo sạt lở đất đá cho người dân ứng dụng trí tuệ nhân tạo                            | 58   |         |
|      |             |                | Nguyễn Huỳnh Anh Phúc |                                                                                                                 |      |         |
| 59   | KV24D2_054  | Phú Yên        | Nguyễn Bùi Duy Phương | Phần mềm khắc phục lỗi chính tả cho học sinh                                                                    | 58   |         |
| 59   | KV24D2_080  | Đồng Nai       | Trần Đức Chính        | Hệ thống cảnh báo cháy tích hợp camera                                                                          | 58   |         |
| 59   | KV24D2_113  | Thí sinh tự do | Nguyễn Duy Phong      | Nhận diện ký hiệu tay bằng thị giác máy tính                                                                    | 58   |         |
|      |             |                | Nguyễn Gia Minh       |                                                                                                                 |      |         |
| 66   | KV24D2_019  | Hải Phòng      | Nguyễn Đăng Phúc      | Xây dựng ứng dụng quản lý thú y                                                                                 | 57   |         |
|      |             |                | Đặng Nhật Đăng Khoa   |                                                                                                                 |      |         |
| 66   | KV24D2_028  | Thái Bình      | Nguyễn Ngọc Bích      | Ứng dụng trang website langnguyenxa.com dành cho làng nghề xã Nguyên Xá – huyện Đông Hưng                       | 57   |         |
|      |             |                | Phạm Khánh Huyền      |                                                                                                                 |      |         |
| 66   | KV24D2_099  | Vĩnh Long      | Trần Ngọc Như Ý       | Hệ thống giám sát khối lượng nông sản từ xa                                                                     | 57   |         |
|      |             |                | Điền Tiến Thịnh       |                                                                                                                 |      |         |
| 69   | KV24D2_018  | Hải Phòng      | Bùi Bảo Nam           | Giảm thiểu thời gian chờ đợi cho khách hàng và tối ưu lợi nhuận cho doanh nghiệp bằng ngôn ngữ lập trình python | 56   |         |
|      |             |                | Ngô Như Quảng Anh     |                                                                                                                 |      |         |
| 69   | KV24D2_052  | Nghệ An        | Nguyễn Hữu Minh Quang | Xây dựng website myuplearning hỗ trợ học sinh tự học và hỗ trợ giáo viên trong phương pháp: Lớp học đảo ngược   | 56   |         |
| 69   | KV24D2_059  | Thí sinh tự do | Huỳnh Minh Triết      | CODE TRANSLATION                                                                                                | 56   |         |
| 69   | KV24D2_064  | Bạc Liêu       | Lâm Gia Phúc          | Phần mềm tìm hiểu lịch sử Việt Nam                                                                              | 56   |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị          | Họ và tên               | Tên sản phẩm sáng tạo                                                                                         | Điểm | Ghi chú |
|------|-------------|-----------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|
| 69   | KV24D2_088  | TP. Hồ Chí Minh | Đặng Vũ Thụy Quỳnh Giao | Hệ thống quản lí thư viện trong trường học                                                                    | 56   |         |
|      |             |                 | Phạm Quỳnh Như          |                                                                                                               |      |         |
| 69   | KV24D2_097  | TP. Hồ Chí Minh | Nguyễn Chí Thanh        | Mô hình lớp học thông minh NT3                                                                                | 56   |         |
|      |             |                 | Phan Lê Bảo Trân        |                                                                                                               |      |         |
| 69   | KV24D2_108  | Thí sinh tự do  | Trần Lê Minh Khang      | Ứng dụng trang trí nội thất thực tế ảo tăng cường                                                             | 56   |         |
| 69   | KV24D2_111  | Thí sinh tự do  | Nguyễn Đức Minh         | Bản đồ du lịch Hà Nội                                                                                         | 56   |         |
|      |             |                 | Lương Ngọc Bách         |                                                                                                               |      |         |
| 77   | KV24D2_006  | Hà Nam          | Trần Đức Anh            | Website Sổ đầu bài điện tử                                                                                    | 55   |         |
|      |             |                 | Đinh Trâm Anh           |                                                                                                               |      |         |
| 77   | KV24D2_017  | Hải Phòng       | Nguyễn Tài Gia Bảo      | Dự án ứng dụng AI trong nghệ thuật âm nhạc                                                                    | 55   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Tài Gia Vỹ       |                                                                                                               |      |         |
| 77   | KV24D2_027  | Thái Bình       | Nguyễn Hữu Hoàng Anh    | Ứng dụng Storymaps trong hoạt động giáo dục và trải nghiệm môn Lịch sử địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Bình | 55   |         |
| 77   | KV24D2_055  | Phú Yên         | Nguyễn Khải Huyền       | WEBSITE SUPPORTS TOEIC TEST PREPARATION                                                                       | 55   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Quang Huy        |                                                                                                               |      |         |
| 77   | KV24D2_100  | Vĩnh Long       | Lý Cao Nguyên           | Conquer Literature (Chinh phục Ngữ Văn)                                                                       | 55   |         |
| 77   | KV24D2_110  | Thí sinh tự do  | Nguyễn Văn Hải          | Giấc ngủ thông minh                                                                                           | 55   |         |
|      |             |                 | Lã Việt Hưng            |                                                                                                               |      |         |



| Hạng | Số báo danh | Đơn vị          | Họ và tên               | Tên sản phẩm sáng tạo                                                 | Điểm | Ghi chú |
|------|-------------|-----------------|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------|---------|
| 83   | KV24D2_004  | Bắc Ninh        | Nguyễn Văn Vũ Phong     | Cùng em học an toàn giao thông                                        | 54   |         |
| 83   | KV24D2_022  | Hưng Yên        | Hoàng Trần Mai Hoa      | Phần mềm Game to learn English                                        | 54   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Minh Thư         |                                                                       |      |         |
| 83   | KV24D2_066  | Bến Tre         | Nguyễn Ngọc Phương Ngân | App sinh hoạt đội và quản lí Chi đội                                  | 54   |         |
| 83   | KV24D2_069  | Bình Dương      | Nguyễn Minh Khiết       | Ứng dụng chia sẻ địa điểm placebook                                   | 54   |         |
| 83   | KV24D2_076  | Cần Thơ         | Nguyễn Huỳnh Danh Trạng | Thiết bị chữa cháy tự động                                            | 54   |         |
| 83   | KV24D2_079  | Đồng Nai        | Nguyễn Hữu Phước        | Thiết bị theo dõi và phát hiện stress                                 | 54   |         |
|      |             |                 | Phạm Quốc Duy           |                                                                       |      |         |
| 83   | KV24D2_096  | TP. Hồ Chí Minh | Phạm Trần Tuấn Kiệt     | Hệ thống Elearning vui học Stem AIOT                                  | 54   |         |
| 83   | KV24D2_101  | Vĩnh Long       | Đỗ Thiết Trụ            | Robot trợ lí ảo AI                                                    | 54   |         |
|      |             |                 | Bạch Phương Anh         |                                                                       |      |         |
| 91   | KV24D2_020  | Hải Phòng       | Phạm Đỗ Thanh Lâm       | Dây chuyền tự động kiểm tra – phân loại trong quá trình thu hoạch táo | 53   |         |
|      |             |                 | Vũ Nam Khánh            |                                                                       |      |         |
| 91   | KV24D2_033  | Thí sinh tự do  | Phạm Văn Minh Quân      | Máy phân loại chi tiết robot hỗ trợ trong dạy học STEAM               | 53   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Đức Thành        |                                                                       |      |         |
| 91   | KV24D2_035  | Đà Nẵng         | Lê Phú Khánh            | Giúp bé vui học giành cho trẻ mầm non                                 | 53   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Hữu Nhật Long    |                                                                       |      |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị           | Họ và tên             | Tên sản phẩm sáng tạo                                                                              | Điểm | Ghi chú |
|------|-------------|------------------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|
| 91   | KV24D2_056  | Quảng Nam        | Lê Công Khánh Duy     | Hệ thống thi trắc nghiệm trực tuyến                                                                | 53   |         |
|      |             |                  | Nguyễn Thanh Gia Bảo  |                                                                                                    |      |         |
| 91   | KV24D2_057  | Thừa Thiên - Huế | Nguyễn Hữu Nhật Quang | Kiến thức phòng cháy chữa cháy                                                                     | 53   |         |
|      |             |                  | Trần Quang Long       |                                                                                                    |      |         |
| 91   | KV24D2_065  | Bến Tre          | Lê Vy                 | Trợ lí AI                                                                                          | 53   |         |
| 91   | KV24D2_093  | TP. Hồ Chí Minh  | Lê Bảo Nghi           | Mô hình AI giáo dục học sinh phân loại rác tại nguồn                                               | 53   |         |
|      |             |                  | Lưu Tuấn Thành        |                                                                                                    |      |         |
| 91   | KV24D2_098  | Trà Vinh         | Nguyễn Phước Tâm      | Phần mềm học tốt Toán và từ vựng tiếng anh                                                         | 53   |         |
|      |             |                  | Nguyễn Khánh          |                                                                                                    |      |         |
| 99   | KV24D2_021  | Hải Phòng        | Nguyễn Duy Khánh      | Mô hình vườn ươm thông minh ứng dụng công nghệ AI                                                  | 52   |         |
|      |             |                  | Đinh Trọng Đức        |                                                                                                    |      |         |
| 99   | KV24D2_031  | Thí sinh tự do   | Nguyễn Thế Chương     | CMaths - Quick Math Tools                                                                          | 52   |         |
| 99   | KV24D2_084  | Hậu Giang        | Lê Đồng Ân            | FLYBOT AI - Nhận dạng một số bệnh ở khóm và sầu riêng                                              | 52   |         |
|      |             |                  | Trần Huỳnh Trí Vĩ     |                                                                                                    |      |         |
| 99   | KV24D2_085  | Hậu Giang        | Mai Nguyễn Gia Mỹ     | Hậu Giang Tourist - Ứng dụng quản bá phát triển du lịch gắn với giáo dục địa phương tỉnh Hậu Giang | 52   |         |
|      |             |                  | Quách Nguyễn Bảo Thy  |                                                                                                    |      |         |
| 99   | KV24D2_104  | Thí sinh tự do   | Nguyễn Minh Khôi      | Ứng dụng công nghệ iot trong ươm cá thát lát cườm                                                  | 52   |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị          | Họ và tên           | Tên sản phẩm sáng tạo                                                                                                 | Điểm | Ghi chú |
|------|-------------|-----------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|
| 104  | KV24D2_061  | Thí sinh tự do  | Doãn Đức Hoàng Phúc | Nhận diện tư thế ngồi của học sinh để đưa ra cảnh báo, phòng tránh bệnh gù, vẹo cột sống và tật cận thị ứng dụng TTNT | 51   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Khánh Hoàng  |                                                                                                                       |      |         |
| 104  | KV24D2_089  | TP. Hồ Chí Minh | Đỗ Minh Huy         | Khu vườn học tập số                                                                                                   | 51   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Văn Quý      |                                                                                                                       |      |         |
| 104  | KV24D2_094  | TP. Hồ Chí Minh | Huỳnh Hạo Long      | Máy thông báo dấu hiệu bất thường của cơ thể                                                                          | 51   |         |
|      |             |                 | Trịnh Lê Minh Quân  |                                                                                                                       |      |         |
| 107  | KV24D2_002  | Bắc Giang       | Nguyễn Minh Vân     | Luyện thao tác với chuột                                                                                              | 50   |         |
|      |             |                 | Đỗ Minh Khoa        |                                                                                                                       |      |         |
| 107  | KV24D2_015  | Hà Nội          | Bùi Anh Quân        | Game giải cứu hành tinh xanh                                                                                          | 50   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Thế Phong    |                                                                                                                       |      |         |
| 107  | KV24D2_051  | Lâm Đồng        | Hoàng Khánh Huyền   | Thiết bị hỗ trợ cho người hạn chế vận động                                                                            | 50   |         |
|      |             |                 | Võ Trần Khôi        |                                                                                                                       |      |         |
| 107  | KV24D2_063  | Bạc Liêu        | Phan Lê Anh Khoa    | Hệ thống phơi đồ thông minh                                                                                           | 50   |         |
|      |             |                 | Cao Nhật Duy        |                                                                                                                       |      |         |
| 107  | KV24D2_073  | Cần Thơ         | Chiêm Yến Nhi       | IBAG                                                                                                                  | 50   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Phước Lộc    |                                                                                                                       |      |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên         | Tên sản phẩm sáng tạo                                   | Điểm | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|-------------------|---------------------------------------------------------|------|---------|
| 107  | KV24D2_082  | Hậu Giang      | Đặng Thị Ngọc Hân | Hệ thống đỗ xe thông minh                               | 50   |         |
|      |             |                | Nguyễn Hoàng Sang |                                                         |      |         |
| 107  | KV24D2_112  | Thí sinh tự do | Lê Tùng Lâm       | Hệ thống bãi đỗ xe thông minh sử dụng thị giác máy tính | 50   |         |
|      |             |                | Hà Gia Khôi       |                                                         |      |         |

*Danh sách gồm 113 đội thi./.*

## KẾT QUẢ THI VÒNG KHU VỰC HỘI THI TIN HỌC TRẺ TOÀN QUỐC LẦN THỨ XXX, NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số 111-TB/KHCN ngày 16/7/2024 của Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ)



**BẢNG D3: SẢN PHẨM SÁNG TẠO KHỐI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên              | Tên sản phẩm sáng tạo                                                                                  | Điểm | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|
| 1    | KV24D3_048  | Quảng Trị      | Cao Trung Quân         | Thiết bị chuyển ngữ hỗ trợ người câm điếc trong giao tiếp                                              | 98   |         |
| 1    | KV24D3_064  | Cần Thơ        | Nguyễn Bảo Chương      | FOOT MOUSE                                                                                             | 98   |         |
|      |             |                | Tô Lê Hoàng Phúc       |                                                                                                        |      |         |
| 1    | KV24D3_079  | Kiên Giang     | Nguyễn Hải Đăng        | Trò chơi "sứ mệnh thần bí"                                                                             | 98   |         |
| 4    | KV24D3_023  | Thí sinh tự do | Nguyễn Đình Nhật Huy   | Text2Quiz                                                                                              | 96   |         |
| 4    | KV24D3_043  | Nghệ An        | Võ Khánh Toàn          | Study Zone                                                                                             | 96   |         |
| 6    | KV24D3_025  | Đà Nẵng        | Nguyễn Trần Thái Khang | Hệ thống chuyển đổi suy nghĩ thành giọng nói dành cho bệnh nhân hậu tai biến mắc chứng thất ngôn Broca | 94   |         |
|      |             |                | Trịnh Thị Thanh Nhân   |                                                                                                        |      |         |
| 6    | KV24D3_029  | Đà Nẵng        | Lê Quang Phúc          | SignMeet – Hệ thống hỗ trợ liên lạc dành cho người khiếm thính                                         | 94   |         |
|      |             |                | Huỳnh Tấn Phúc         |                                                                                                        |      |         |
| 6    | KV24D3_047  | Quảng Nam      | Nguyễn Cao Đức         | Giải pháp bảo mật dữ liệu nội bộ và tối ưu chi phí khi truy vấn các mô hình trí tuệ nhân tạo           | 94   |         |
|      |             |                | Lê Quỳnh Anh           |                                                                                                        |      |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị          | Họ và tên               | Tên sản phẩm sáng tạo                                                                                                                               | Điểm | Ghi chú |
|------|-------------|-----------------|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|
| 6    | KV24D3_066  | Cần Thơ         | Nguyễn Nhật Quang Vinh  | UrLife - Cùng học sinh THPT bước vào cuộc sống theo định hướng của Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp                                              | 94   |         |
|      |             |                 | Huỳnh Nguyễn Anh Phương |                                                                                                                                                     |      |         |
| 6    | KV24D3_089  | TP. Hồ Chí Minh | Thông Minh Quân         | COGANH - Game AI rèn luyện lập trình Python & thuật toán dựa trên trò chơi cờ gánh (một trò chơi dân gian của Việt Nam)                             | 94   |         |
|      |             |                 | Lê Tuấn Vũ              |                                                                                                                                                     |      |         |
| 11   | KV24D3_021  | Thí sinh tự do  | Nguyễn Minh Quang       | Thiết bị phòng chống và phát hiện đuối nước                                                                                                         | 88   |         |
| 11   | KV24D3_024  | Thí sinh tự do  | Đỗ Đức Quyết            | Phần mềm hỗ trợ cải thiện chất lượng tự học AI Fus+                                                                                                 | 88   |         |
| 13   | KV24D3_031  | Đà Nẵng         | Đỗ Trần Khánh Vinh      | VSigning - Phần mềm hỗ trợ học tập ngôn ngữ ký hiệu                                                                                                 | 87   |         |
|      |             |                 | Huỳnh Thanh Hải Phong   |                                                                                                                                                     |      |         |
| 14   | KV24D3_032  | Đà Nẵng         | Huỳnh Huy Hưng          | ElevaBot - Robot vệ sinh cầu thang tại các trường học                                                                                               | 86   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Nhật Tuấn Kiệt   |                                                                                                                                                     |      |         |
| 14   | KV24D3_033  | Đà Nẵng         | Nguyễn Minh Thư         | SMART GLASSES FOR THE BLIND - Thiết bị dự đoán và cảnh báo va chạm hỗ trợ giao thông cho người khiếm thị sử dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu vị trí | 86   |         |
|      |             |                 | Lê Đức Chính            |                                                                                                                                                     |      |         |
| 14   | KV24D3_100  | Thí sinh tự do  | Hoàng Trọng Sơn         | Trang web ứng dụng AI nhận diện khối u trong mô                                                                                                     | 86   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Quang Kỳ         |                                                                                                                                                     |      |         |
| 17   | KV24D3_009  | Hà Nội          | Phạm Nguyễn Đăng Huy    | Sign Helper - Ứng dụng chat GPT chuyển đổi ngôn ngữ ký hiệu cho người khiếm thính                                                                   | 85   |         |
|      |             |                 | Trần Thuận Hiếu         |                                                                                                                                                     |      |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị          | Họ và tên               | Tên sản phẩm sáng tạo                                                                                         | Điểm | Ghi chú |
|------|-------------|-----------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|
| 17   | KV24D3_081  | Sóc Trăng       | Hà Kỳ Phúc              | Thiết bị giao tiếp giữa người khiếm thính và người thường                                                     | 85   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Đức Anh          |                                                                                                               |      |         |
| 19   | KV24D3_008  | Hà Nội          | Trần Quang Minh         | Trash cleaning robot                                                                                          | 84   |         |
|      |             |                 | Tạ Ngọc Ánh             |                                                                                                               |      |         |
| 19   | KV24D3_011  | Hải Phòng       | Phạm Thảo Linh          | Mô hình dây chuyền phân loại tự động                                                                          | 84   |         |
|      |             |                 | Đỗ Thị Minh Khuê        |                                                                                                               |      |         |
| 19   | KV24D3_091  | TP. Hồ Chí Minh | Phùng Minh Khoa         | Fispape - Sử dụng trí tuệ nhân tạo trong việc rèn luyện kỹ năng giải quyết bài tập dành cho học sinh cấp 2, 3 | 84   |         |
|      |             |                 | Võ Tùng Quân            |                                                                                                               |      |         |
| 22   | KV24D3_044  | Phú Yên         | Trịnh Nguyễn Thành Nhân | EcoTraffic - Giao thông xanh thông minh                                                                       | 83   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Cao Sang         |                                                                                                               |      |         |
| 23   | KV24D3_013  | Hải Phòng       | Lê Dũng                 | Virtual Mouse                                                                                                 | 78   |         |
| 23   | KV24D3_014  | Hưng Yên        | Nguyễn Yến Nhi          | Phần mềm bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học                                                                 | 78   |         |
|      |             |                 | Lê Hoàng Long           |                                                                                                               |      |         |
| 23   | KV24D3_027  | Đà Nẵng         | Lê Minh Lộc             | Hệ thống thông minh hỗ trợ chăm sóc người già người bệnh                                                      | 78   |         |
| 26   | KV24D3_001  | Bắc Ninh        | Hoàng Hùng Anh          | Website hỗ trợ học tập                                                                                        | 77   |         |
| 26   | KV24D3_002  | Hà Nam          | Nguyễn Anh Dũng         | Robot phân loại rác thải                                                                                      | 77   |         |
| 26   | KV24D3_007  | Hà Nội          | Nguyễn Mai Nhật Anh     | Phần mềm STUDIOUS                                                                                             | 77   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Nhật Huy         |                                                                                                               |      |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị          | Họ và tên          | Tên sản phẩm sáng tạo                                                               | Điểm | Ghi chú |
|------|-------------|-----------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|
| 26   | KV24D3_012  | Hải Phòng       | Ngô Quốc Khánh     | Ngôi nhà thông minh                                                                 | 77   |         |
| 26   | KV24D3_075  | Hậu Giang       | Trình Phúc Duy     | Xây dựng mô hình mô phỏng tác động vật lý lên não người                             | 77   |         |
|      |             |                 | Mã Nhật Quân       |                                                                                     |      |         |
| 31   | KV24D3_004  | Hà Nam          | Nguyễn Khánh Dương | Ứng dụng sản phẩm 3D nghệ thuật hỗ trợ học tiếng Anh                                | 74   |         |
|      |             |                 | Trần Quang Huy     |                                                                                     |      |         |
| 31   | KV24D3_034  | Đà Nẵng         | Lê Trần Minh Châu  | V-COP - Hệ thống hỗ trợ xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ | 74   |         |
|      |             |                 | Lê Duy Lộc         |                                                                                     |      |         |
| 33   | KV24D3_005  | Hà Nội          | Vương Gia Long     | Thiết bị hỗ trợ hoạt động vận động cho trẻ bại não                                  | 73   |         |
|      |             |                 | Phạm Hoàng Quân    |                                                                                     |      |         |
| 33   | KV24D3_026  | Đà Nẵng         | Đỗ Quảng Giác      | Quai đeo giảm thiểu chấn thương khi ngã                                             | 73   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Lê Huy      |                                                                                     |      |         |
| 33   | KV24D3_067  | Đồng Nai        | Trương Hà My       | ECOKIDS – Cùng em bảo vệ môi trường                                                 | 73   |         |
|      |             |                 | Đoàn Thủy Tiên     |                                                                                     |      |         |
| 33   | KV24D3_090  | TP. Hồ Chí Minh | Phan Xuân Phát     | XPT - Mental Health                                                                 | 73   |         |
|      |             |                 | Vũ Anh Thư         |                                                                                     |      |         |
| 37   | KV24D3_006  | Hà Nội          | Nguyễn Lê Phương   | Phần mềm AI dự đoán tình trạng và bệnh của cây lúa                                  | 68   |         |
|      |             |                 | Trần Mỹ Linh       |                                                                                     |      |         |



| Hạng | Số báo danh | Đơn vị         | Họ và tên             | Tên sản phẩm sáng tạo                                                                                                                                           | Điểm | Ghi chú |
|------|-------------|----------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|
| 37   | KV24D3_045  | Phú Yên        | Đặng Tiến Đạt         | SOLAR FARM TRACKER - nghiên cứu thuật toán tối ưu hóa hiệu suất pin năng lượng mặt trời áp dụng cho mô hình trang trại điện mặt trời trên địa bàn tỉnh Phú Yên. | 68   |         |
|      |             |                | Lâm Minh Huy          |                                                                                                                                                                 |      |         |
| 39   | KV24D3_028  | Đà Nẵng        | Lê Anh Thư            | Máy hỗ trợ chăm sóc cây trồng đa tính năng điều khiển bởi điện thoại thông minh                                                                                 | 67   |         |
|      |             |                | Ngô Bảo Trâm          |                                                                                                                                                                 |      |         |
| 39   | KV24D3_030  | Đà Nẵng        | Hà Thái Duyên         | Xây dựng hệ thống giám sát tình trạng điều trị bệnh nhân dựa trên công nghệ IoT                                                                                 | 67   |         |
|      |             |                | Đoàn Thảo Nhi         |                                                                                                                                                                 |      |         |
| 39   | KV24D3_061  | Cà Mau         | Cao Trọng Nghĩa       | Sử dụng công nghệ AI xây dựng hệ thống chẩn đoán bệnh trên cây ăn trái                                                                                          | 67   |         |
| 42   | KV24D3_046  | Phú Yên        | Phạm Hoàng Tuấn Anh   | Nghiên cứu hệ thống hỗ trợ người khiếm thị trong sinh hoạt thường ngày                                                                                          | 66   |         |
| 42   | KV24D3_057  | Bình Dương     | Nguyễn Nhật Minh      | AI FARMING                                                                                                                                                      | 66   |         |
|      |             |                | Đinh Phú Hải          |                                                                                                                                                                 |      |         |
| 42   | KV24D3_059  | Bình Thuận     | Trần Hoàng Bảo Hân    | Thiết bị giám sát an toàn                                                                                                                                       | 66   |         |
|      |             |                | Trần Nguyễn Trung Hậu |                                                                                                                                                                 |      |         |
| 45   | KV24D3_017  | Sơn La         | Trịnh Hoàng Bách      | Bài Test đánh giá trầm cảm, lo âu, căng thẳng                                                                                                                   | 60   |         |
|      |             |                | Phạm Quốc Việt        |                                                                                                                                                                 |      |         |
| 45   | KV24D3_051  | Thí sinh tự do | Bùi Tấn Phong         | Robots with artificial intelligence and Internet of Things connection in classifying waste                                                                      | 60   |         |
|      |             |                | Lê Tấn Cương          |                                                                                                                                                                 |      |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị          | Họ và tên           | Tên sản phẩm sáng tạo                                                                   | Điểm | Ghi chú |
|------|-------------|-----------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|
| 45   | KV24D3_054  | Bến Tre         | Ngô Hoàng Chương    | Robot điều khiển hỗ trợ cứu hỏa                                                         | 60   |         |
|      |             |                 | Lê Hữu Chí          |                                                                                         |      |         |
| 45   | KV24D3_088  | TP. Hồ Chí Minh | Phạm Huỳnh Gia Huy  | Web và app hỗ trợ học tập môn Sử và Giáo dục địa phương theo chương trình GDPT 2018     | 60   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Khánh Nam    |                                                                                         |      |         |
| 45   | KV24D3_092  | Trà Vinh        | Hồ Việt Thuận Phú   | Học ngôn ngữ Khmer                                                                      | 60   |         |
|      |             |                 | Sơn Nguyễn Kỳ Duyên |                                                                                         |      |         |
| 50   | KV24D3_040  | Nghệ An         | Lữ Quốc Tuấn        | AquadNT                                                                                 | 59   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Ngọc Ánh     |                                                                                         |      |         |
| 50   | KV24D3_065  | Cần Thơ         | Trần Ngọc Duyên     | SEHI                                                                                    | 59   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Thiên Phước  |                                                                                         |      |         |
| 50   | KV24D3_082  | Sóc Trăng       | Sơn Minh Hưng       | Ứng dụng ngân hàng máu Bbank                                                            | 59   |         |
| 53   | KV24D3_022  | Thí sinh tự do  | Trần Chí Thanh      | Flashcard Web                                                                           | 58   |         |
| 53   | KV24D3_068  | Đồng Nai        | Phan Lê Quang Thảo  | Phần mềm hỗ trợ người khuyết tật giao tiếp trực tuyến trong cộng đồng                   | 58   |         |
| 53   | KV24D3_093  | Vĩnh Long       | Huỳnh Minh Nghĩa    | Tủ thuốc thông minh dành cho người già                                                  | 58   |         |
|      |             |                 | Đặng Thị Thùy Trang |                                                                                         |      |         |
| 53   | KV24D3_098  | Thí sinh tự do  | Đặng Lê Thảo Nguyên | Phần mềm ứng dụng AI nhận diện một số bệnh trên cây lương thực, thực phẩm và cây ăn quả | 58   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Sơn Khoa     |                                                                                         |      |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị           | Họ và tên             | Tên sản phẩm sáng tạo                                                                               | Điểm | Ghi chú |
|------|-------------|------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|
| 57   | KV24D3_035  | Gia Lai          | Võ Đăng Tuệ           | Phần mềm nhận diện công nghệ ảo deepfake                                                            | 57   |         |
|      |             |                  | Đặng Thái Kim         |                                                                                                     |      |         |
| 57   | KV24D3_041  | Nghệ An          | Nguyễn Vũ Ngọc Diệp   | Phần mềm hỗ trợ học tập hóa học                                                                     | 57   |         |
|      |             |                  | Kim Anh Kiệt          |                                                                                                     |      |         |
| 57   | KV24D3_042  | Nghệ An          | Phan Ka Ka            | GDV                                                                                                 | 57   |         |
|      |             |                  | Đặng Quốc Khánh       |                                                                                                     |      |         |
| 57   | KV24D3_056  | Bình Dương       | Nguyễn Công Huy       | Trợ lý ảo cho Window                                                                                | 57   |         |
| 57   | KV24D3_096  | Thí sinh tự do   | Vương Chánh Hưng      | Ứng dụng nhận diện video không phù hợp với trẻ em trên Youtube                                      | 57   |         |
|      |             |                  | Mai Lộc Phúc Thịnh    |                                                                                                     |      |         |
| 57   | KV24D3_099  | Thí sinh tự do   | Trần Ngọc Thuỳ Anh    | Phần mềm AI nhận diện khối u ác tính từ hình ảnh tổn thương da                                      | 57   |         |
|      |             |                  | Phạm Việt Thành       |                                                                                                     |      |         |
| 63   | KV24D3_010  | Hải Phòng        | Nguyễn Quỳnh Mai      | Xây dựng Website quản lý nền nếp học sinh trường THPT Vinschool Imperia                             | 56   |         |
|      |             |                  | Nguyễn Nhật Minh      |                                                                                                     |      |         |
| 63   | KV24D3_049  | Thừa Thiên - Huế | Đặng Lê Đăng Khoa     | VNSC -Nền tảng quản lý giáo dục học đường                                                           | 56   |         |
| 63   | KV24D3_050  | Thí sinh tự do   | Nguyễn Ngọc Mai Khanh | Phần mềm hỗ trợ kiến thức giáo dục kỹ năng về bảo tồn đa dạng sinh học bán đảo Sơn Trà cho học sinh | 56   |         |
|      |             |                  | Ngô Ngọc Bảo Khanh    |                                                                                                     |      |         |
| 63   | KV24D3_052  | An Giang         | Trương Lê Trung Hiếu  | TNHOJ                                                                                               | 56   |         |
|      |             |                  | Nguyễn Tuấn Hùng      |                                                                                                     |      |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị          | Họ và tên             | Tên sản phẩm sáng tạo                                                                                         | Điểm | Ghi chú |
|------|-------------|-----------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|
| 63   | KV24D3_076  | Hậu Giang       | Đỗ Nguyễn             | Hệ thống quản lý học sinh trong trường học bằng công nghệ nhận dạng tự động qua sóng vô tuyến tầm xa RFID-UHF | 56   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Lê Phương Trân |                                                                                                               |      |         |
| 63   | KV24D3_087  | TP. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hoàng Ân       | Bộ sản phẩm Web và App "Chemistry flashcards"                                                                 | 56   |         |
|      |             |                 | Trần Duy Nhân         |                                                                                                               |      |         |
| 69   | KV24D3_071  | Đồng Nai        | Cái Văn Quang         | Thiết kế và vận dụng game “Slime Adventure” vào học tập                                                       | 55   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Công Nguyên    |                                                                                                               |      |         |
| 69   | KV24D3_094  | Vĩnh Long       | Nguyễn Phú Hội        | Máy đổi rác thải chai nhựa, lon nhôm lấy quả tự động                                                          | 55   |         |
|      |             |                 | Lê Vũ Anh Tuấn        |                                                                                                               |      |         |
| 69   | KV24D3_095  | Vĩnh Long       | Lưu Thành Lực         | Thiết bị hỗ trợ an toàn cho người đi xe máy, xe điện                                                          | 55   |         |
|      |             |                 | Trịnh Gia Bảo         |                                                                                                               |      |         |
| 72   | KV24D3_016  | Sơn La          | Trần Thùy Dương       | Thương vụ xanh - Nông sản Sơn La, Việt Nam                                                                    | 54   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Trung Hiếu     |                                                                                                               |      |         |
| 72   | KV24D3_039  | Lâm Đồng        | Diệp Chí Bình An      | Hệ thống nhận diện cháy bằng camera ứng dụng trí tuệ nhân tạo                                                 | 54   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Quốc Bảo       |                                                                                                               |      |         |
| 72   | KV24D3_053  | Bạc Liêu        | Đoàn Trần Việt Hà     | Tích hợp AI vào điểm tin báo hằng ngày                                                                        | 54   |         |
| 72   | KV24D3_062  | Cần Thơ         | Huỳnh Hoàng Long      | Ứng dụng Mạng nơ-ron tích chập trong phân loại đồng phục học sinh trung học FPT                               | 54   |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị          | Họ và tên             | Tên sản phẩm sáng tạo                                                                                                     | Điểm | Ghi chú |
|------|-------------|-----------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|
| 72   | KV24D3_073  | Hậu Giang       | Phan Thị Bảo Trâm     | Ứng dụng công nghệ AI trong cảnh báo buồn ngủ dựa vào điểm mốc khuôn mặt.                                                 | 54   |         |
|      |             |                 | Lương Văn Tony        |                                                                                                                           |      |         |
| 72   | KV24D3_084  | TP. Hồ Chí Minh | Trương Thành Đạt      | ChemGenie - Công cụ luyện thi môn Hóa học với sự hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo                                              | 54   |         |
|      |             |                 | Vũ Mạnh Hiếu          |                                                                                                                           |      |         |
| 72   | KV24D3_097  | Thí sinh tự do  | Trần An Nguyên        | Phần mềm ứng dụng công nghệ AI trong việc hỗ trợ phát hiện và phân loại các khối u trong não người thông qua ảnh chụp MRI | 54   |         |
|      |             |                 | Phan Lê Quỳnh Như     |                                                                                                                           |      |         |
| 79   | KV24D3_060  | Cà Mau          | Huỳnh Quế Trân        | Ngôi nhà thông minh cho người khuyết vận động                                                                             | 53   |         |
| 79   | KV24D3_070  | Đồng Nai        | Nguyễn Duy Minh       | Huấn luyện viên thể hình 4.0. Ứng dụng AI và Thị giác máy tính                                                            | 53   |         |
| 79   | KV24D3_083  | TP. Hồ Chí Minh | Hầu Hồng Bình         | Web học tập                                                                                                               | 53   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Minh Tú        |                                                                                                                           |      |         |
| 82   | KV24D3_019  | Thái Bình       | Nguyễn Hà Phương      | Ứng dụng “Sách điện tử: Bản sắc văn hóa Quỳnh Phụ”                                                                        | 52   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Hoàng Tú Anh   |                                                                                                                           |      |         |
| 82   | KV24D3_038  | Lâm Đồng        | Lê Khả Hoàng          | Phần mềm hỗ trợ sử dụng và đọc sách, tài liệu cho người khiếm thị                                                         | 52   |         |
|      |             |                 | Phạm Gia Bảo          |                                                                                                                           |      |         |
| 82   | KV24D3_069  | Đồng Nai        | Nguyễn Văn Trọng Hiếu | Công nghệ thông minh để bật đèn xanh cho xe cấp cứu                                                                       | 52   |         |
|      |             |                 | Võ Thị Hồng Thẩm      |                                                                                                                           |      |         |
| 82   | KV24D3_077  | Kiên Giang      | Lê Triều Nghi         | Hệ thống phát thanh thông minh                                                                                            | 52   |         |
|      |             |                 | Lê Nhựt Huy           |                                                                                                                           |      |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị          | Họ và tên          | Tên sản phẩm sáng tạo                                                             | Điểm | Ghi chú |
|------|-------------|-----------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------|---------|
| 82   | KV24D3_086  | TP. Hồ Chí Minh | Lê Hoàng Thanh Hải | Quản lý Todo-List                                                                 | 52   |         |
| 87   | KV24D3_015  | Sơn La          | Nguyễn Trọng Nghĩa | Slayer into the dungeon                                                           | 51   |         |
|      |             |                 | Đào Đình Tuấn Tài  |                                                                                   |      |         |
| 87   | KV24D3_036  | Lâm Đồng        | Trần Hữu Thiện     | Công cụ tìm kiếm hỗ trợ bằng AI                                                   | 51   |         |
| 87   | KV24D3_058  | Bình Dương      | Phạm Phúc Nguyên   | Xây dựng Trợ lý giải đáp thông tin công tác Đoàn trường bằng phương pháp Học máy  | 51   |         |
|      |             |                 | Vương Nhật Hào     |                                                                                   |      |         |
| 87   | KV24D3_080  | Sóc Trăng       | Phùng Lâm Vĩ Khang | Nhà kính thông minh                                                               | 51   |         |
| 91   | KV24D3_003  | Hà Nam          | Tạ Nguyễn Tiến Đạt | Hệ thống nhận diện khuôn mặt                                                      | 50   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Huyền Diệp  |                                                                                   |      |         |
| 91   | KV24D3_018  | Thái Bình       | Trần Hải Anh       | Phát triển kho học liệu 4.0 trên nền tảng Google Sites                            | 50   |         |
|      |             |                 | Vũ Phương Linh     |                                                                                   |      |         |
| 91   | KV24D3_020  | Thái Bình       | Phạm Văn Bình      | Trợ lý nông nghiệp                                                                | 50   |         |
|      |             |                 | Vũ Phi Hùng        |                                                                                   |      |         |
| 91   | KV24D3_037  | Lâm Đồng        | Ngô Thùy Chi       | Hệ thống năng lượng tái tạo quy mô hộ gia đình sử dụng năng lượng gió và mặt trời | 50   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Minh Trí    |                                                                                   |      |         |
| 91   | KV24D3_055  | Bình Dương      | Trần Vũ Lâm        | Phần mềm Dò tìm đối tượng ảnh ung thư da dựa trên mô hình trí tuệ nhân tạo        | 50   |         |
| 91   | KV24D3_063  | Cần Thơ         | Lý Thuận Hưng      | ECOSMART POWER                                                                    | 50   |         |
|      |             |                 | Nguyễn Gia Khang   |                                                                                   |      |         |

| Hạng | Số báo danh | Đơn vị          | Họ và tên             | Tên sản phẩm sáng tạo                                                                                  | Điểm | Ghi chú |
|------|-------------|-----------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|
| 91   | KV24D3_072  | Hậu Giang       | Huỳnh Thanh Lộc       | TayDoEdu - Chinh phục THPT                                                                             | 50   |         |
|      |             |                 | Phạm Khánh Bằng       |                                                                                                        |      |         |
| 91   | KV24D3_074  | Hậu Giang       | Trương Dương Khả Ái   | Bia tập bắn tự động- Nâng cao thành tích môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh                            | 50   |         |
|      |             |                 | Lê Quang Nhã          |                                                                                                        |      |         |
| 91   | KV24D3_078  | Kiên Giang      | Mai Nguyễn Hoàng Kim  | Hệ thống chăm sóc dinh dưỡng chuyên sâu bằng phương pháp Eatclean – Kết hợp cùng trí tuệ nhân tạo (AI) | 50   |         |
| 91   | KV24D3_085  | TP. Hồ Chí Minh | Nguyễn Hoàng Anh Trúc | PoBot - điều tiết giao thông                                                                           | 50   |         |

*Danh sách gồm 100 đội thi./.*